



TÔI DÁM GỌI NGÀI LÀ CHA

Tác giả: **Bilquis Sheikh**

Dịch giả: **Pt Giuse Trần Văn Nhật**

Nguồn: <http://www.nguoitinhuu.org>

MỤC LỤC

Chương 1. MỘT HIỆN DIỆN ĐÁNG SỢ

Chương 2. CUỐN SÁCH LẠ

Chương 3. NHỮNG GIÁC MƠ

Chương 4. CUỘC GẶP GỠ

Chương 5. NHỮNG NGÃ TƯ

Chương 6. BIẾT CÁCH TÌM SỰ HIỆN DIỆN

Chương 7. RỬA TỘI BẰNG LỬA & NƯỚC

Chương 8. CÓ SỰ BẢO BỘC NÀO KHÔNG?

Chương 9. SỰ TẦY CHAY

Chương 10. HỌC CÁCH SỐNG TRONG SỰ VINH HIỆN CỦA CHÚA

Chương 11. NHỮNG LUÒNG GIÓ THAY ĐỔI

Chương 12. THỜI GIAN ĐỂ GIEO

Chương 13. LÀN SÓNG CẢNH CÁO

Chương 14. CHUYỂN BAY

Chương 1

MỘT HIỆN DIỆN ĐÁNG SỢ

Khi đang thong thả dạo bước trên lối mòn đá sỏi của khu vườn trong khuôn viên căn nhà, tôi thấy lòng hơi quặn thắt. Lúc ấy đã chập choạng tối. Mùi hoa thủy tiên nở muộn còn nồng nàn trong không khí. Tôi tự hỏi, không biết có điều gì khiến tôi khó chịu?

Tôi dừng bước và nhìn quanh. Cách một thảm cỏ rộng là căn nhà của tôi mà trong đó các người đầy tớ bắt đầu lên đèn chuẩn bị bữa ăn tối. Bên ngoài, tất cả dường như êm đềm và yên tĩnh. Tôi giơ tay hái vài bông hoa trắng để chưng trong phòng ngủ. Khi chồm tới trước để với một cành trên cao thì dường như có vật gì quét ngang qua đầu tôi.

Sững người lại vì lo sợ. Tôi tự hỏi cái gì vậy? Một cụm khói như sương mù lơ lửng lướt qua--một hiện diện lạnh lẽo, ẩm ướt và ma quái. Khu vườn dường như tối sầm lại. Làn gió lạnh thổi tung các cành liễu rũ làm tôi rùng mình.

Hãy bình tĩnh, Bilquis! Tôi nhủ thầm. Trí tưởng tượng của mình đang đánh lừa mình. Dầu sao, tôi cũng hái vài bông hoa và nhanh chân đi về căn nhà chắc chắn là ấm cúng. Ở đó, các bức tường dày bằng gạch trắng và những cánh cửa bằng lim rắn chắc là một bảo đảm an toàn. Khi vội vã bước trên lối mòn đá sỏi tôi thấy mình ngoái đầu lại nhìn. Tôi thường hay cười nhạo khi nói về siêu nhiên. Dĩ nhiên là chẳng có gì ngoài đó. Có phải không?

Như để trả lời, tôi cảm thấy một cái đập nhẹ thân mật, lạ lùng vào cánh tay phải của mình. Tôi hét lên. Tôi chạy vội vào nhà và đóng sầm cánh cửa lại. Các dây tớ chạy đến, ngại ngùng không dám lên tiếng, vì có lẽ lúc ấy chính tôi cũng giống như một con ma. Mãi cho đến khi đi ngủ tôi mới lấy lại can đảm để kể cho hai người tớ gái nghe về sự hiện diện lạnh lùng đó. "Mấy đứa có tin ở những chuyện siêu nhiên không?" Tôi lên tiếng hỏi để kết thúc câu chuyện. Cả hai đứa, Nur-jan và Raisham, một người là Hồi Giáo, người kia là Kitô Giáo, đều tránh trả lời câu hỏi của tôi, nhưng tay của Nur-jan run lên bần bật, nó hỏi tôi có muốn gọi "mullah" (mu-la), tu sĩ của ngôi đền Hồi Giáo trong làng đến tẩy rửa khu vườn này bằng nước phép không. Nhưng bản tính của tôi là không tin vào những chuyện siêu nhiên. Hơn nữa, tôi cũng không muốn tin này lan ra trong làng. Tôi cố nhoèn miệng cười với nó và bảo tôi không muốn bắt cứ thầy chú nào giả bộ trừ ma quỷ trong khu đất của tôi cả. Tuy nhiên, sau khi hai đứa ra khỏi phòng, tôi thấy mình cầm cuốn kinh Koran lên. Nhưng sau khi cố gắng lướt qua một vài trang sách thánh của Hồi Giáo, tôi ngáp dài và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, tôi uể oải thức giấc như người bơi lội cô trôi lên mặt nước, tiếng tụng kinh làm tôi bừng tỉnh:

"Laa ilaaha illa Ilaah
Muhammed resolu'lla!"

Những lời tụng kinh xuyên qua bức rèm ở khung cửa sổ phòng ngủ:

"Không có Thiên Chúa, chỉ có Ala:
Và Môhamét là Thiên Sứ của người."

Thật là một âm thanh đầy an ủi, người Hồi Giáo gọi đây là lời cầu nguyện vì nó dường như thật tự nhiên sau một đêm dài. Đó là tiếng gọi mà tôi đã từng nghe mỗi buổi sáng trong 46 năm qua. Tôi có thể hình dung ra nơi phát xuất tiếng kinh này.

Trước đó ít phút, trong ngôi làng Wah nhỏ bé ở gần đó, một thầy tu già giữ nhiệm vụ báo giờ vội vã đi qua cánh cửa dưới chân tháp cũ kỹ. Bên trong ngôi tháp lạnh lẽo đó ông khó nhọc bước trên các bậc đá lồi lõm, được nhả nhụi phần nào bởi các đôi dép của nhiều thế hệ thầy tu. Đến đỉnh tháp, tôi có thể hình dung ra ông đang khó nhọc đẩy cánh cửa nặng nề bằng gỗ tếch dẫn vào một căn phòng và dùng chân lấy hơi. Sau đó, bước ra ngoài lan can, ông ngửa cổ hít một hơi dài, cất lên những âm điệu đã hơn 1,400 năm để kêu gọi tín hữu cầu nguyện:

"Hãy cầu nguyện, hãy đến với sự cứu độ,
Cầu nguyện thì tốt hơn là giấc ngủ."

Tiếng kêu ấy xuyên qua đám sương mù buổi sáng đang vắt ngang các con đường đá vụn ở làng Wah vẫn còn lạnh lẽo sau những đêm tháng Mười, và trôi đến khu vườn nhà tôi rồi lượn theo bức tường đá cũ mà giờ đây đang hoe đỏ dưới ánh bình minh.

Khi tiếng kinh sau cùng còn âm vang, tôi nhớ lại cảm giác kỳ lạ trong khu vườn tối hôm qua, và cảm giác ấy tan biến mau chóng vì các thói quen thân thuộc của một buổi sáng. Tôi ngồi dậy và cầm chiếc chuông vàng trên bàn cẩm thạch gần giường ngủ. Khi tiếng chuông vừa leng keng, như thường lệ Nur-jan vội vã mở cửa bước vào. Cả hai người đẩy tứ ngủ trong căn phòng bên cạnh và tôi biết chúng đã thức giấc cả giờ đồng hồ trước đó, chờ tôi gọi. Uống trà buổi sáng khi còn trên giường ngủ là điều bắt buộc phải có. Nur-jan bắt đầu bày ra các chiếc lược bằng bạc. Nó là một thiếu nữ tốt bụng, người đầy đặn và hay cười khúc khích, nhưng hơi vụng về. Khi nó làm rơi chiếc lược, tôi la mắng nó một cách thậm tệ.

Raisham, cũng là một đầy tớ, lớn tuổi hơn và ít nói hơn, một phụ nữ cao và duyên dáng, bước vào phòng với khay trà trên tay. Cô đặt khay trà trên chiếc bàn nhỏ, và rót cho tôi một chén trà còn nóng hổi.

Nhấp một ngụm trà thượng hạng, tôi gật gù thoả mãn; trà thì tốt hơn sự cầu nguyện. Mẹ tôi có lẽ phải sùng sốt nếu biết được ý nghĩ ấy. Biết bao lần tôi nhìn thấy bà trải chiếc thảm nhỏ ngay trên sàn phòng ngủ, sau đó, mặt hướng về thành thánh Mecca, bà thành khẩn phủ phục trên thảm trong tư thế cầu nguyện. Nhớ đến mẹ, bất giác tôi quay nhìn tủ quần áo. Các kiểu thời trang của nhiều thế kỷ trước với những chiếc dép gỗ trạm bạc, từng thuộc về mẹ tôi và bà nội của tôi, giờ đây nó là của gia truyền để tôi gìn giữ. Sau khi uống xong hai chén trà tôi nghiêng người tới trước, đó là dấu hiệu cho Raisham bắt đầu chải mớ tóc bạc dài tới thắt lưng của tôi trong khi Nur-jan thận trọng dũa móng tay cho tôi.

Vừa làm việc, chúng vừa tự nhiên chuyện trò về những gì xảy ra trong làng, Nur-jan nói duyên thuyên và Raisham thận trọng đưa lời nhận xét. Họ nói về một đứa con trai rời nhà lên tỉnh và một cô gái sắp sửa lấy chồng. Và rồi chúng tranh luận về vụ giết người xảy ra trong thành phố kế cận là nơi di của Raisham sinh sống. Tôi có thể cảm thấy Raisham rùng mình khi nghe tin ấy. Vì nạn nhân là một Kitô Hữu. Đó là một thiếu nữ sống trong khu nhà truyền giáo. Ai đó tình cờ thấy xác của cô nằm vất vưởng trên một những con đường mòn chằng chịt trong làng. Lẽ ra phải có cuộc điều tra của sở cảnh sát.

"Có tin tức gì về cô bé đó không?" tôi bắt thần lên tiếng.

"Thưa bà không," Raisham nhỏ nhẹ trả lời vừa thận trọng bện mớ tóc của tôi lại. Tôi có thể hiểu tại sao Raisham, cũng là một Kitô hữu, lại không muốn nói về vụ giết người này. Chính cô và cả tôi nữa cũng đã biết ai đã giết cô bé đó. Nói cho cùng, cô bé này đã từ bỏ đạo Hồi để rửa tội trở thành một Kitô hữu. Do

đó anh của cô, điên tiết vì sự xấu hổ mà gia đình phải gánh chịu vì hành động "tội lỗi" này, đã thi hành một điều luật cổ xưa của tín đồ là họ phải bị giết khi bỏ đạo.

Mặc dù các luật lệ của Hồi Giáo có thể khắc nghiệt và tàn nhẫn, nhưng thường được dịu bớt vì cách dẫn giải với lòng thương xót. Tuy nhiên luôn luôn có những người cuồng nhiệt tuân thủ kinh Koran theo nghĩa đen của từng chữ.

Mọi người đều biết ai là kẻ sát nhân. Nhưng chẳng có điều gì được thi hành. Từ trước đến nay là như vậy. Một năm trước đây, xác một Kitô hữu phục dịch cho các nhà truyền giáo được tìm thấy trong cái hố, cổ bị cắt lìa, và cũng chẳng ai làm gì cả. Tôi gạt câu chuyện của cô bé gái sang một bên và chuẩn bị đứng dậy. Các người đây tớ vội vã chạy đến phòng quần áo và đem ra vài chiếc váy xari bằng lụa để tôi chọn. Tôi chỉ tay vào một chiếc váy có đính châu báu và sau khi giúp tôi quần xari, họ lặng lẽ cúi đầu ra khỏi phòng.

Ánh nắng đã chan hòa khắp phòng ngủ, biến các bức tường trắng và bộ bàn ghế màu ngà thành màu vàng óng ả. Tia mặt trời lấp lánh từ chiếc khung vàng của tấm ảnh ở bàn trang điểm khiến tôi chú ý. Tôi giận dữ bước lại cầm nó lên, vì mấy ngày trước đó tôi đã úp tấm ảnh lại, và có lẽ một trong hai người đây tớ lại dựng ảnh lên. Trong cái khung trạm trổ hoa hòe ấy là hình của một đôi vợ chồng thượng lưu đang mỉm cười khi họ ngồi trong một nhà hàng sang trọng ở Luân Đôn.

Dù khó chịu tôi lại nhìn đến tấm ảnh một lần nữa, như một người đau răng cứ tiếp tục ấn vào chiếc răng đau. Người đàn ông bảnh bao với hàng ria rậm đen và cặp mắt thiết tha ấy từng là chồng của tôi, tướng Khalid Sheikh. Vậy mà sao tôi vẫn giữ tấm ảnh này! Nỗi oán hận lại trào dâng trong lòng khi tôi nhìn đến người đàn ông mà trước đây tôi nghĩ rằng không thể nào sống nổi nếu không có ông ta. Khi tấm ảnh này được chụp cách đây sáu năm, Khalid là Tổng Trưởng Nội Vụ của Pakistan.

Người phụ nữ đẹp một cách quyến rũ ngồi bên cạnh ông ấy chính là tôi. Là con gái của một gia đình Hồi Giáo thủ cựu với trên bảy trăm năm làm quý tộc trong vùng khí hậu ôn hòa là tỉnh Biên Giới Tây Bắc mà trước đây từng là một tỉnh của Ấn Độ, tôi thường đón tiếp các nhà ngoại giao cũng như các nhà tư bản đến từ khắp nơi trên thế giới. Tôi cũng thường lưu trú ở Ba Lê và Luân Đôn, là nơi tôi tiêu thời giờ bằng cách đi mua sắm trên con phố "Rue de la Paix" hay ở khu Harrods sang trọng. Người phụ nữ mảnh mai đang mỉm cười trong hình cũng không còn nữa, vừa suy nghĩ tôi vừa nhìn mình trong gương. Làn da trắng mềm mại đã thành nâu sạm, mái tóc đen óng ả giờ đây đã nhiều chòm tóc bạc, và ước mong không thành đã tạo nên những nếp nhăn sâu trên khuôn mặt.

Thế giới trong tấm ảnh đã vụn vỡ năm năm trước đây, khi Khalid bỏ rơi tôi. Đau khổ vì nỗi nhục ấy, tôi từ giã đời sống thượng lưu ở Luân Đôn, Ba Lê và Rawalpindi để ẩn náu một cách thanh thản trong vùng đất của tổ tiên tôi nằm dưới chân rừng Hy Mã Lạp Sơn. Khu bất động sản này bao gồm làng Wah ở ven đồi là nơi tôi có nhiều kỷ niệm đẹp trong thời thơ ấu. Làng Wah được bao bọc bởi vườn tược và cây ăn trái mà tổ tiên tôi đã gầy dựng nên. Và một ngôi nhà nguy nga bằng đá với các ngọn tháp, sân thượng và các thư phòng đồ sộ mà nó cũng cổ kính như các ngọn tuyết trắng chập chùng ở phía tây. Tuy nhiên, dĩ tôi cũng muốn sống trong dinh thự này và thích sống tách biệt, do đó tôi di chuyển sang một căn nhà nhỏ hơn mà gia đình tôi đã xây ở ngoại vi làng Wah. Căn nhà này được đính vào mười hai mẫu vườn tược như một viên ngọc, với phòng ngủ trên lầu và phòng khách, phòng ăn và phòng trò chuyện ở tầng dưới, nó hứa hẹn một nơi khuây khoả cần thiết cho tôi.

Không chỉ có thế. Vì khi mới đến, phần lớn khu vườn đã xanh um. Đây là điều may mắn vì tôi có thể chôn vùi sự sầu muộn trong lớp đất màu mỡ mà tôi nhất quyết khôi phục lại. Tôi biến một ít đất trong mười hai mẫu thành khu vườn chính với các bức tường và các luống trồng hoa, phần đất còn lại tôi để nó phát triển

tự nhiên. Từ từ, khu vườn với các con suối róc rách đã trở nên thế giới riêng biệt của tôi mãi cho đến lúc đó, năm 1966, tôi nổi tiếng là một người ân dật, tự tách mình ra khỏi thành phố và ẩn mình giữa các luống hoa.

Tôi úp tấm ảnh xuống và nhìn về làng Wah qua khung cửa sổ phòng ngủ. Wah, cái tên có nghĩa là tiếng reo vui. Nhiều thế kỷ trước, khi nơi đây là một thôn nhỏ, theo truyền thuyết, hoàng đế Akbar du hành qua đây và đã cùng đoàn tùy tùng dừng chân nghỉ ngơi cạnh một con suối mà giờ đây đang bao quanh khu nhà của tôi. Ông sung sướng bước vào đám dương liễu và thốt lên một cách vui mừng, "Wah!" và tiếng kêu ấy đã mãi mãi trở thành tên của khu vực.

Nhưng ký ức về quang cảnh này không làm mất đi cái cảm giác kỳ lạ vẫn ám ảnh tôi vào tối hôm trước.

Dầu sao, tôi cũng cố quên đi khi đứng trước cửa sổ. Một sáng nữa lại đến, tôi nhủ lòng, một ngày êm đềm với những quen thuộc và nắng ấm. Tình tiết của đêm hôm qua dường như có thật, nhưng đã xa vắng như một ác mộng. Tôi kéo chiếc màn trắng sang một bên để hít một hơi dài bầu không khí trong lành của sáng sớm, để nghe tiếng sột soạt quét nhà trên vỉa hè, để ngửi thấy hương thơm của củi cháy từ một lò bếp nấu sớm, và để nghe tiếng ầm ì đều đặn của cối xay chạy bằng sức nước đang vắng lại từ xa. Tôi thở dài khoan khoái. Đó là làng Wah, đó là nhà của tôi, nói cho cùng, đó là một nơi an toàn. Đây cũng là nơi hoàng tử Nawab Muhammad Hayat Kahn, một địa chủ thời phong kiến, từng sống cách đây bảy trăm năm. Chúng tôi là hậu duệ trực tiếp của ông và gia tộc tôi nổi tiếng khắp Ấn Độ là dòng họ Hayat ở Wah. Nhiều thế kỷ trước đây, các đoàn lữ hành của các vua chúa thường tách khỏi con đường Đại Thụ để đến thăm tổ tiên của tôi. Ngay cả khi tôi còn nhỏ, các bậc vị vọng từ khắp Âu Châu và Á Châu cũng đi cùng một con đường mà trước đây là con đường xuyên Ấn, để đến thăm gia đình tôi. Nhưng giờ đây, thường chỉ có người nhà mới rẽ vào con đường ấy để thăm tôi. Dĩ nhiên, điều này có nghĩa tôi không còn gặp những người ngoài gia tộc nữa. Tôi không còn lưu tâm nhiều nữa. Mười bốn gia nhân trong nhà cũng đã đủ bận rộn. Họ và tổ tiên của họ đã phục vụ gia tộc tôi trong nhiều thế hệ. Quan trọng nhất là tôi còn có cháu Mahmud.

Mahmud là cháu ngoại của tôi, nó được bốn tuổi. Mẹ nó, Tooni, là con út trong ba người con. Là một phụ nữ mảnh khảnh duyên dáng, Tooni hành nghề bác sĩ ở bệnh viện Thánh Gia trong vùng Rawalpindi gần đó. Chồng cũ của nó là một chủ đất có thể lực. Tuy nhiên, hôn nhân của họ không có hạnh phúc và sự tương giao ngày càng vụn vỡ. Trong những thời kỳ bất hoà cay đắng và lâu dài nhất, Tooni thường gửi Mahmud cho tôi giữ để vợ chồng nó giải quyết vấn đề. Một ngày kia, Tooni và chồng nó đến gặp tôi. Có thể nào tôi giữ bé Mahmud, lúc ấy mới một tuổi, cho đến khi vợ chồng giải quyết xong các bất đồng không?

"Không," tôi cương quyết. "Mẹ không muốn nó trở thành trái banh lông. Nhưng mẹ sẵn sàng nhận nó làm con nuôi và coi nó như con ruột." Thật đáng buồn, Tooni và chồng không thể nào ồng thuận các bất đồng và sau cùng họ đã ly dị. Tuy nhiên, chúng đồng ý cho tôi nhận Mahmud làm con nuôi. Tooni thường đến thăm Mahmud và cả ba chúng tôi rất thân với nhau, nhất là vì hai người con kia sống xa tôi.

Gần trưa hôm ấy, Mahmud đạp xe ba bánh trong hàng hiên dưới cây hạnh nhân. Nó đã ở với tôi trên ba năm và là một đứa bé tròn trĩnh với đôi mắt nâu sậm, cái mũi nhỏ xinh xắn từng là nguồn vui duy nhất của đời tôi. Tiếng cười giòn dã của nó như đem lại sinh khí cho căn nhà vắng vẻ cổ kính này. Dù vậy, tôi vẫn lo lắng không hiểu nó sẽ bị ảnh hưởng thế nào khi sống với một người xé chiều như tôi. Cố bù đắp cho sự thiếu sót ấy, tôi cung cấp cho nó tất cả những gì cần thiết, kể cả ba người hầu, cộng thêm mười một người của tôi, để mặc quần áo, đem đồ chơi cho nó hay dọn dẹp sau khi nó chơi xong.

Nhưng tôi vẫn thấy lo cho Mahmud. Vì trong vài ngày qua, nó không chịu ăn. Đây là một điều kỳ lạ, vì nó thường xuống bếp để gắp tôi cho nó miếng đường hay miếng bánh. Sáng hôm ấy tôi bước xuống

lầu, đi qua hành lang lót gạch bông để ra hàng hiên. Sau khi ôm hôn Mahmud, tôi hỏi người đầy tớ xem nó có ăn gì chưa.

"Thưa bà, cậu ấy không chịu ăn gì cả." Khi tôi ép Mahmud phải ăn, nó trả lời là không đói.

Tôi thấy khó chịu khi Nur-jan một mình đến với tôi và sợ sệt đưa ra giả thuyết rằng Mahmud bị ác thần tấn công. Giật mình, tôi liếc mắt nhìn nó, nhớ lại cái cảm giác kỳ lạ ở đêm hôm trước. Tất cả những điều này có nghĩa gì? Tôi lại ép Mahmud ăn, nhưng cũng vô ích. Nó cũng không thèm đụng đến miếng sô-cô-la Thụy Sĩ thường ưa thích mà tôi đã phải nhập cảng riêng cho nó. Đôi mắt lơ đãng của nó ngược nhìn tôi khi đưa cho nó thìa kẹo. Nó nói: "Con thích ăn kẹo này lắm. Nhưng khi con nuốt, nó đau ở cổ." Tôi ớn lạnh khi nhìn đứa cháu ngoại, thường ngày nó rất náo động mà bây giờ thật bơ phờ.

Ngay lập tức tôi cho gọi Manzur, người tài xế, cũng là một Kitô hữu, và ra lệnh cho ông đi lấy xe. Trong vòng một giờ đồng hồ, chúng tôi đã có mặt ở Rawalpindi để gặp bác sĩ của Mahmud. Sau khi cẩn thận khám nghiệm, bác sĩ cho biết ông không tìm thấy căn bệnh gì cả.

Sự sợ hãi khiến tôi rùng mình khi trên đường về nhà. Nhìn đứa cháu ngoại bé bỏng đang im lặng ngồi bên cạnh, tôi băn khoăn. Có thể nào Nur-jan nói đúng không? Có phải đây là một điều gì ngoài khoa học tự nhiên không? Có phải ... điều gì đó trong thế giới siêu nhiên tấn công nó không? Tôi nghiêng người, ôm nó vào lòng, tự cười nhạo mình vì những ý nghĩ lẩn thẩn ấy. Tôi nhớ có lần cha tôi kể về vị thánh sống Hồi Giáo là người có thể làm các phép lạ. Tôi cười lớn khi nghe chuyện ấy. Cha tôi không bằng lòng, nhưng đó là phản ứng của tôi khi nghe những câu chuyện đại loại như vậy. Tôi ôm Mahmud sát vào lòng khi xe tách khỏi đường Đại Thụ để rẽ vào con đường về nhà, tôi thấy lờ mờ trong đầu một ý tưởng không đúng lúc: có thể nào bệnh của Mahmud có liên hệ đến cụm khói như sương mù trong khu vườn đêm qua không?

Khi tôi nói với Nur-jan về sự lo sợ này, nó đưa tay ôm lấy cổ sợ hãi và nài nỉ tôi gọi thầy mu-la và xin ông cầu nguyện cho Mahmud cũng như rảy nước thánh trên khu vườn.

Tôi suy nghĩ lời yêu cầu của Nur-jan. Dù tôi tin vào giáo lý căn bản của Hồi Giáo, nhưng trong nhiều năm tôi đã xa lạ với các nghi thức, việc cầu nguyện năm lần một ngày, việc ăn chay, và những nghi thức thanh tẩy rườm rà. Nhưng sự lo lắng cho Mahmud đã lấn lướt những nghi ngờ ấy và tôi bảo Nur-jan đi gọi người tu sĩ của ngôi đền trong làng.

Sáng hôm sau, Mahmud và tôi ngồi ở cửa sổ, kiên nhẫn chờ đợi thầy mu-la. Sau cùng, khi thấy ông bước lên bậc thềm nhà với chiếc áo rộng rách rưới phất phơ trong gió, tôi vừa hối hận vì đã mời ông, và vừa bực tức vì ông đến quá chậm.

Nur-jan đưa người tu sĩ gầy guộc đến thư phòng của tôi và rút lui. Mahmud nhìn ông ta một cách tò mò khi ông mở sách Koran. Thầy mu-la có làn da nâu sạm cùng màu với tấm da cũ kỹ bọc sách thánh, ông nhìn tôi qua đôi mắt nhắm nheo, đặt bàn tay xương xẩu lên đầu Mahmud và bắt đầu ngâm nga cầu nguyện bằng một giọng run run. Đó là lời cầu nguyện mà mọi người Hồi Giáo đều phải đọc trước khi thi hành một việc quan trọng, dù là cầu nguyện cho người đau yếu hay sắp sửa ký giấy tờ buôn bán.

Sau đó, thầy mu-la bắt đầu đọc kinh Koran bằng tiếng Ả Rập--kinh Koran luôn luôn phải đọc bằng tiếng Ả Rập vì thật sai lầm nếu chuyển dịch những lời mà thiên sứ đã nói với ngôn sứ Muhammad. Tôi bắt đầu thấy nóng ruột. Lẽ ra tôi đã nhিপ nhíp bàn chân.

"Bà Begum Sahib," thầy mu-la vừa nói vừa đưa sách Koran cho tôi. "Bà cũng phải đọc những câu này nữa." Ông muốn nói đến các câu thừa Sura Falak và Sura Naz, khi có người bị khó khăn. "Sao bà không lập lại những câu này?"

"Không," tôi trả lời, "tôi không muốn. Ala đã quên tôi và tôi cũng đã quên Ala!" Nhưng khi thấy khuôn mặt đau khổ của ông, tôi dịu lại. Nói cho đúng, ông ta đến đây là vì tôi mời và vì sức khỏe của Mahmud. "Thôi được," tôi trả lời và đưa tay cầm lấy cuốn kinh rách nát. Tôi mở đại một trang và đọc câu đầu tiên đập vào mắt tôi:

Môhamét là Ngôn Sứ của Ala, và những ai ở với người thì phải khắc nghiệt với những kẻ không tin...

Tôi nghĩ đến cô bé Kitô Hữu bị giết, và làn khói sương mù xuất hiện trong khu vườn nhà tôi ít lâu sau khi cô bị giết, và trên hết là căn bệnh bí ẩn của Mahmud. Có thể nào những điều ấy có liên hệ với nhau không? Chắc chắn là bất cứ ác thần nào có giận dữ thì cũng không thể coi Mahmud và tôi là Kitô Hữu. Tôi rùng mình.

Thầy mu-la có vẻ hài lòng. Không cần tôi mời, ông cũng trở lại trong ba ngày liền để cầu nguyện cho Mahmud.

Và, để chấm dứt những chuỗi bí ẩn, những biến cố xáo trộn, Mahmud đã khá hơn.

Tôi phải nghĩ gì về những điều đang xảy ra này?

Không bao lâu tôi đã khám phá ra điều đó. Vì dù muốn dù không, các biến động được sắp xếp xảy ra đã làm vụn vỡ cái thế giới mà tôi từng quen thuộc.

Chương 2

CUỐN SÁCH LẠ

Sau những cảm nghiệm này tôi thấy bị thu hút bởi sách Koran. Có lẽ sách ấy có thể giải thích những biến cố và đồng thời lấp đầy khoảng trống trong tôi. Chắc chắn là văn tự Ả Rập nghèo nàn nghèo ấy đã giúp gia đình tôi tồn tại cho đến ngày nay.

Dĩ nhiên trước đây tôi đã đọc kinh Koran. Tôi còn nhớ lúc mấy tuổi thì tôi được học tiếng Ả Rập để có thể đọc cuốn sách thiêng liêng này: đó là lúc bốn tuổi, bốn tháng và bốn ngày. Đó là ngày mà mỗi đứa trẻ Hồi Giáo bắt đầu bập bẹ học tiếng Ả Rập. Giây phút này được ghi dấu bằng bữa tiệc lớn trong gia đình mà mọi bà con đều có mặt. Sau đó, trong một nghi thức đặc biệt, chính bà vợ của ông thầy mu-la bắt đầu dạy tôi các mẫu tự.

Tôi đặc biệt nhớ đến Bác Fateh (con nít chúng tôi gọi là Cụ Fateh; ông không thực sự có họ với tôi--ở Pakistan, một người lớn tuổi thường được gọi là bác). Bác Fateh có liên hệ mật thiết với gia đình tôi, và tôi còn nhớ rất rõ ánh mắt của ông khi nhìn tôi trong nghi thức ấy, khuôn mặt nhăn nheo của ông sáng lên

mừng rỡ khi kể cho tôi nghe câu chuyện của thiên thần Gabriel bắt đầu mặc khải cho Môhamét các lời kinh Koran vào cái đêm định mệnh, "Đêm Quyền Lực" trong năm 610. Phải mất bảy năm tôi mới đọc hết cuốn sách thánh ấy lần đầu tiên, và khi thực sự chấm dứt, đó cũng là lý do để gia đình ăn mừng.

Trước đây, lần nào tôi đọc sách Koran cũng vì bó buộc. Lần này, tôi cảm thấy phải thực sự đọc kỹ từng trang. Tôi cầm cuốn sách lên, trước đây sách ấy thuộc về mẹ tôi, ngả người thoải mái trên chiếc gối lông ngỗng ở trên giường, tôi bắt đầu đọc. Tôi khởi sự với các câu đầu tiên, sứ điệp đầu tiên được ban cho ngôn sứ Môhamét khi ông ở trong một cái hang trên núi Hira:

Ngâm nga: Nhân danh Đức Ala đáng sáng tạo,
Con Người Tạo Vật bằng máu huyết

Ngâm nga: Và Đức Ala của người là Đấng Độ Lượng Nhất,
Đấng dạy dỗ bằng Ngòi Bút
Dạy con người những gì họ không biết

Lúc đầu tôi không cảm trí được vì sự mỹ miều của chữ viết. Nhưng sau đó, có những câu không làm tôi an tâm chút nào:

Khi người ly dị người phụ nữ, và khi đã đến kỳ hạn, hãy từ tế giữ họ lại hay phóng thích họ.

Đôi mắt của chồng tôi đen cách lạnh lùng khi cho tôi biết ông không còn thương yêu tôi nữa. Nghe ông nói mà tôi rùng mình. Còn bao nhiêu năm chung sống thì sao! Có thể nào họ quên được dễ dàng như vậy? Tôi đã "đến kỳ hạn" như sách Koran nói chưa?

Sáng hôm sau, tôi lại cầm lấy sách Koran, hy vọng sẽ tìm thấy một sự đảm bảo cần thiết cho tôi trong những chữ ngoằn ngoèo ấy. Nhưng sự đảm bảo ấy chẳng bao giờ đến. Tôi chỉ thấy những mệnh lệnh phải sống thế nào và những cảnh cáo đối với những tôn giáo khác. Có những câu nói về Đức Giêsu mà sứ điệp của Người, theo sách Koran nói, bị các Kitô Hữu tiên khởi làm sai lạc. Mặc dù Đức Giêsu sinh bởi một trinh nữ, ngài không phải là con Thiên Chúa. Do đó đừng nói chữ "Ba", sách Koran bài bác các Kitô Hữu về Ba Ngôi Thiên Chúa. Đức Chúa là Một Chúa.

Sau vài ngày đắm mình trong sách thánh, tôi phải thờ dài đặt sách xuống, đứng lên và đi xuống vườn là nơi tôi hy vọng tìm thấy chút bình an trong cảnh thiên nhiên và trong những kỷ niệm cũ. Ngay vào thời gian này của năm mà cây xanh vẫn còn rải rác đây đó trong vườn với các hoa alyssum vẫn còn nở. Đó là một ngày ấm của mùa thu và cháu Mahmud chạy nhảy trên con đường mà trước đây, khi còn nhỏ tôi cũng đã rào bước với cha tôi. Ngay bây giờ, tôi có thể hình dung ra cha tôi đang đi bên cạnh, đầu ông quấn khăn trắng gọn gàng trong bộ y phục truyền thống của một bộ trưởng chính phủ. Thường ông gọi tôi bằng nguyên tên, Bilquis Sultana, vì ông biết tôi rất thích được gọi như vậy. Vì Bilquis là tên gọi của Nữ Hoàng Sheba và ai cũng biết Sultana có nghĩa hoàng tộc.

Chúng tôi có nhiều kỷ niệm đẹp. Và trong những năm sau này chúng tôi vui vẻ nói về quê hương mới, Pakistan. Cha tôi rất hãnh diện về quốc gia này. Ông nói, "Cộng Hòa Hồi Giáo Pakistan được hình thành như quê hương của những người Hồi Giáo vùng Nam Á Châu." Ông nói thêm, "Chúng ta là một trong những quốc gia đông dân nhất thế giới sống dưới luật Hồi Giáo," ông vạch ra cho thấy 96% dân số trong nước là tín đồ Hồi Giáo, với phần còn lại gồm các nhóm tín đồ Phật Giáo, Kitô Giáo, và Ấn Độ Giáo.

Tôi thờ dài và nhìn đến khu đồi tím nhạt thật xa ở bên ngoài khu vườn. Tôi luôn tìm thấy sự an ủi nơi cha tôi. Trong những năm cuối đời ông, tôi trở nên một đồng chí của ông, thường thảo luận với ông về sự thay

đổi nhanh chóng về tình hình chính trị cũng như giải thích quan điểm của tôi. Ông thật hiền, thật hiểu biết. Nhưng bây giờ ông đã qua đời. Tôi nhớ lần đứng trước mộ ông trong nghĩa trang Brookwood dành cho người Hồi Giáo ở ngoại ô Luân Đôn. Ông đến Luân Đôn để giải phẫu và không bao giờ tỉnh lại. Phong tục Hồi Giáo đòi hỏi thi hài phải được chôn cất trong vòng 24 giờ sau khi chết và khi tôi đến nghĩa trang, quan tài của ông đã sẵn sàng hạ huyệt. Không thể ngờ là tôi không bao giờ được gặp ông lần nữa. Họ mở nắp quan tài để tôi nhìn ông lần cuối. Nhưng cái xác xám xịt lạnh lùng ấy không phải cha tôi; ông đã đi đâu? Tôi đứng đó lặng người suy nghĩ trong khi họ đóng nắp quan tài lại, mỗi tiếng đinh đóng xuống quan tài là một tiếng dội đau nhức trong tâm hồn tôi.

Mẹ tôi, là người tôi rất gần gũi, từ trần bảy năm sau, để tôi hoàn toàn mồ côi.

Ở đó trong khu vườn, bóng nắng đã dài dần và tôi lại đứng trong cảnh hoàng hôn. Sự an ủi tôi tìm kiếm trong ký ức chỉ đem lại sự đau buồn. Xa xa tôi nghe tiếng kinh cầu của thầy tu; tiếng ngân nga chỉ làm tôi thêm cô quạnh.

"Ala, Ngài ở đâu?" tôi thì thầm theo nhịp điệu cầu kinh, "sự an ủi Ngài hứa ở đâu?"

Trở về phòng ngủ tối hôm ấy tôi lại cầm cuốn Koran lên. Và khi đọc, tôi lại bị kích động bởi những điều đề cập đến các văn bản của Do Thái Giáo và Kitô Giáo có từ trước đó. Tôi tự hỏi, có thể nào, tôi phải tiếp tục tìm kiếm trong những cuốn sách cổ xưa ấy chăng?

Nhưng điều đó có nghĩa phải đọc Kinh Thánh. Nhưng làm thế nào Kinh Thánh có thể giúp gì được, vì ai cũng biết các Kitô Hữu tiên khởi đã làm sai lạc rất nhiều? Nhưng ý tưởng đọc Kinh Thánh ngày càng mãnh liệt. Kinh Thánh nói gì về Thiên Chúa? Sách nói gì về ngôn sứ Giêsu? Có lẽ, nói cho cùng, tôi phải đọc cuốn sách ấy.

Nhưng khó khăn kế tiếp là tôi có thể kiếm sách này ở đâu? Không tiệm sách nào trong vùng dám chứa chấp.

Có lẽ Raisham có một cuốn. Nhưng tôi vội gạt qua ý tưởng đó. Ngay cả nếu nó có đi nữa, điều tôi hỏi sẽ làm cô ta lo sợ. Người Pakistan từng giết cả những ai có vẻ chiêu dụ người Hồi Giáo trở lại Kitô Giáo - tên phản bội. Tôi nghĩ đến những người hầu cũ là Kitô Hữu. Gia đình tôi cảnh cáo là không được thuê người Kitô Hữu vì họ không trung thành và không đáng tin cậy. Nhưng tôi không lưu tâm đến điều đó; một khi họ chu toàn nhiệm vụ là tôi hài lòng. Tôi cũng không nghĩ là họ không thành thật. Nói cho đúng, khi các nhà thừa sai Kitô Giáo đến Ấn Độ, họ thấy dễ để thay đổi đạo của giới hạ cấp. Hầu hết những người này làm nghề quét đường, họ thấp kém trong xã hội và chỉ được làm những công việc như quét đường, lỏi đi và cống rãnh. Người Hồi Giáo chúng tôi gọi những người lao động này là "Kitô hữu com gạo." Đó không phải là lý do để họ chấp nhận một tôn giáo sai lầm, chính yếu là để có com ăn, áo mặc và đi học mà các nhà truyền giáo cung cấp hay sao?

Chúng tôi nhìn các nhà thừa sai với con mắt diễu cợt; họ tự nguyện hăng say bận rộn với những tạo vật nghèo hèn đó. Thật vậy, chỉ vài tháng trước, tài xế của tôi tên Manzur, một Kitô Hữu, xin phép tôi cho các nhà truyền giáo được vào thăm khu vườn của tôi mà họ rất ngưỡng mộ.

"Dĩ nhiên là được," tôi trả lời cách vui vẻ, nghĩ rằng ông Manzur muốn lấy le với những người này. Vài ngày sau, từ cửa sổ phòng làm việc, tôi thấy một vợ chồng trẻ người Mỹ dạo quanh vườn. Manzur gọi họ là ông bà Mục Sư David Mitchell. Cả hai có tóc nâu, mắt xanh và mặc quần áo tây phương màu vàng nhạt. Thật những người không biết gì về màu sắc, tôi thầm nghĩ. Dù vậy, tôi cũng nói với người làm vườn là nếu họ muốn lấy hạt giống thì tôi cho phép.

Nhưng khi nghĩ đến họ, tôi lại tìm thấy câu trả lời cho cuốn Kinh Thánh. Ông Manzur sẽ lấy cho tôi. Ngày mai tôi sẽ bảo ông.

Do đó, sáng hôm sau tôi cho gọi ông lên phòng. Ông đứng chờ trong chiếc quần tây rộng thùng thình, nét mặt lo lắng của ông làm tôi bất an.

"Manzur, tôi muốn ông kiếm cho tôi cuốn Kinh Thánh."

"Cuốn Kinh Thánh?" mắt ông tròn xoe.

"Phải!" tôi trả lời, vừa cố gắng ra vẻ bình tĩnh. Vì ông không biết đọc, tôi tin là ông không có sách Kinh Thánh. Nhưng ông có thể kiếm cho tôi. Khi ông lăm bắm một vài điều mà tôi không hiểu, tôi lập lại, ngắn gọn nhưng chắc nịch, "Manzur, kiếm cho tôi cuốn Kinh Thánh."

Ông gật đầu, cúi chào và rút lui. Tôi biết tại sao ông do dự khi tôi yêu cầu. Manzur cũng như Raisham, cả hai đều không gan dạ. Cả hai đều nhớ vụ cô gái bị giết. Trao Kinh Thánh cho người quét đường là một chuyện; đem Kinh Thánh cho một người thuộc giới thượng lưu lại là một điều rất khác. Lời đồn đãi về việc này có thể khiến ông bị rắc rối.

Hai ngày sau, Manzur chở tôi đến Rawalpindi để gặp cô con gái Tooni.

"Manzur, tôi chưa có Kinh Thánh."

Tôi thấy bàn tay ông nắm chặt lấy tay lái.
"Thưa bà Begum, tôi sẽ kiếm cho bà một cuốn."

Ba ngày sau, tôi cho gọi ông đến nhà.

"Manzur, đã ba lần tôi nói ông đem cho tôi cuốn Kinh Thánh và ông không làm." Nếp nhăn trên mặt ông càng rõ nét hơn. "Tôi cho ông thêm một ngày nữa. Nếu ngay mai không có, ông sẽ bị đuổi."

Khuôn mặt ông sa sầm. Ông biết tôi nói là làm. Ông xoay người rút lui, đôi giày ông lộp cộp trên sàn gỗ.

Hôm sau, trước khi Tooni đến thăm tôi, một cuốn Kinh Thánh nhỏ đã xuất hiện cách lạ lùng trên chiếc bàn làm việc ở nhà dưới. Tôi cầm sách lên, quan sát cẩn thận. Được bọc trong bìa vải màu sẫm rẻ tiền, cuốn này được in ở Urdu, nội địa nước Ấn. Nó được chuyển dịch bởi một người Anh cách đây 180 năm và tôi thấy có nhiều câu văn kiểu xưa khó đọc. Hiển nhiên, Manzur lấy từ một người bạn; cuốn sách còn mới. Tôi lật qua vài trang, đặt xuống bàn rồi quên khuấy.

Vài phút sau, Tooni đến. Mahmud lẻo đẻo ngay sau lưng, reo hò, vì biết mẹ nó sẽ có quà. Chỉ một phút Mahmud đã chạy như bay qua cánh cửa đến hàng hiên với chiếc máy bay mới trên tay, trong khi tôi và Tooni ngồi uống trà.

Chính lúc ấy Tooni nhận thấy cuốn Kinh Thánh ở trên bàn cạnh chỗ tôi ngồi. Nó lên tiếng, "Ồ cuốn Kinh Thánh! Mở ra xem nó nói gì." Gia đình tôi coi bất cứ sách thiêng liêng nào cũng quan trọng. Hồi xưa, người ta có thói quen lật đại một trang sách thánh, rồi nhắm mắt chỉ tay vào một đoạn để xem đoạn ấy nói gì, như thể đó là điều tiên tri.

Vui mừng, tôi mở sách Kinh Thánh và nhìn vào các trang.

Và rồi, một điều lạ lùng xảy ra. Tôi bị chú ý vào một đoạn ở cuối trang góc bên phải. Tôi cúi xuống và đọc:

"Ta sẽ gọi đó là dân ta, dù không phải là dân của Ta, và người của dân ấy đã không được yêu, Ta sẽ gọi là 'người yêu dấu.' Và ở chính nơi mà họ bị bảo rằng, 'Người không phải là dân của Ta', ở đó họ sẽ được gọi là con cái của Thiên Chúa hằng sống."
Roma 9:25-26

Tôi nín thở và rúng động. Sao câu này lại ảnh hưởng đến tôi như vậy! 'Ta sẽ gọi đó là dân ta, dù không phải là dân của Ta... Và ở chính nơi mà họ bị bảo rằng, 'Người không phải là dân của Ta', ở đó họ sẽ được gọi là con cái của Thiên Chúa hằng sống.

Một sự im lặng nặng nề trong căn phòng. Tôi nhìn lên thấy Tooni trong tư thế chờ đợi, sẵn sàng để nghe tôi nói. Nhưng tôi không thể đọc to những chữ ấy. Một điều gì trong đó quá sâu đậm khiến tôi không thể đọc lên một cách điều cốt được.

"Câu gì đó má?" Tooni hỏi, đôi mắt nó nhìn tôi dò xét.

Tôi gấp sách lại, miệng lẩm bẩm rằng đây không phải là một trò chơi nữa, và tôi đổi câu chuyện sang một đề tài khác.

Nhưng những lời ấy bùng cháy trong tâm hồn tôi như than hồng. Và chúng chuẩn bị cho tôi những giấc mơ bất thường chưa từng xảy ra trong đời tôi.

Chương 3

NHỮNG GIẤC MƠ

Mãi cho đến ngày hôm sau tôi mới cầm lại cuốn Phúc Âm màu sẫm nhạt. Cả cô con gái Tooni cũng như tôi đều không nhắc nhở gì đến cuốn sách ấy sau khi chúng tôi đổi đề tài nói chuyện. Nhưng trong suốt buổi chiều dài đặc ấy những chữ trong đoạn Phúc Âm lại thoáng hiện trong ý thức của tôi.

Vào chiều tối ngày hôm sau, tôi về an phòng định nghỉ ngơi và tịnh niệm. Tôi cầm lấy cuốn Phúc Âm và ngả mình giữa đám gối trắng êm ả trên chiếc đi-văng. Một lần nữa tôi lại lướt qua các trang giấy và nhìn thấy một đoạn khiến tôi bối rối.

Nhưng dân Ít-ra-en, tuân thủ Luật công chính, nhưng đã không đạt được mục tiêu công chính. (Roma 9:31)

À, tôi nghĩ. Cũng như trong sách Koran có nói; người Do Thái đã không thấy mục tiêu. Người viết những đoạn này có lẽ là một người Hồi Giáo, vì họ tiếp tục nói về dân Do Thái không biết đến sự chính trực của Thiên Chúa.

Nhưng đoạn kế tiếp làm tôi nín thở.

Vì Đức Kitô là cứu cánh của sự đấu tranh trở nên công-chính-bởi-Lề-Luật cho bất cứ ai tin vào Người.
(Roma 10:4)

Tôi hạ thấp cuốn sách. Đức Kitô? Ngài là cứu cánh của sự đấu tranh sao? Tôi đọc tiếp.

Vì sự bí ẩn thì rất gần với bạn, trong lòng bạn, ngay trên miệng... Nếu bạn công khai tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Chúa, và lòng bạn tin rằng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại từ cõi chết, thì bạn sẽ được cứu độ. (Roma 10:8-9)

Tôi lại đặt cuốn sách xuống và lắc đầu. Điều này quá trái ngược với kinh Koran. Người Hồi Giáo tin rằng ngôn sứ Giêsu chỉ là con người, họ cho rằng ông này không chết trên thập giá nhưng được Thiên Chúa vội đưa về trời và một người khác, trông giống ông Giêsu, được nằm thế chỗ trên thập giá. Và sau một thời gian ở thiên đàng cấp thấp hơn, một ngày nào đó ông Giêsu này sẽ trở về trái đất để cai trị trong bốn mươi năm, kết hôn, sinh con cái, và chết. Quả thật, tôi nghe rằng có một ngôi mộ đặc biệt được dành cho hài cốt của ông này ở Medina, là nơi Môhamét cũng được chôn cất ở đó. Vào Ngày Sống Lại, ngôn sứ Giêsu sẽ sống dậy và cùng đứng với các người khác để chịu phán xét bởi Thiên Chúa Toàn Năng. Nhưng sách Phúc Âm lại nói là Đức Kitô được chỗi dậy từ kẻ chết. Đó hoặc là điều phạm thánh hoặc ...

Đầu óc tôi quay cuồng. Tôi tin rằng bất cứ ai kêu cầu đến danh Ala sẽ được cứu thoát. Nhưng tin rằng Đức Giêsu Kitô là Ala thì sao? Ngay cả Môhamét, người sứ giả vĩ đại sau cùng của Thiên Chúa, Dầu Ấn của các Ngôn Sứ, cũng chỉ là con người và đã chết.

Tôi nằm dài trên giường, tay tôi che mắt. Nếu sách Phúc Âm và kinh Koran đều trung ra cùng một Thiên Chúa, tại sao có quá nhiều điều mơ hồ và trái ngược? Làm thế nào có thể cùng một Thiên Chúa được, nếu Thiên Chúa của kinh Koran là đáng trừng phạt và báo thù trong khi Thiên Chúa của Phúc Âm là đáng hay thương xót và thứ tha? Tôi thiếp đi lúc nào không biết. Bình thường tôi không mơ, nhưng đêm ấy tôi đã mơ. Giấc mơ quá thực, các biến cố trong giấc mơ quá thực đến nỗi sáng hôm sau, thật khó tin đó là giấc mơ. Đây là những gì tôi thấy.

Bỗng dưng tôi thấy mình ngồi ăn với một người mà tôi biết đó là Đức Giêsu. Ngài đến thăm tôi và ở lại nhà tôi hai ngày. Ngài ngồi đối diện với tôi ở bàn ăn và chúng tôi ăn uống một cách vui vẻ. Bỗng dưng, giấc mơ thay đổi. Bây giờ tôi ở trên đỉnh núi với một người khác. Ông mặc áo dài và chân đi dép. Làm thế nào mà tôi biết được tên ông, có phải đó cũng là điều bí ẩn? Ông là Gioan Tẩy Giả. Cái tên thật lạ. Bỗng dưng tôi kể cho ông nghe về cuộc thăm viếng mới đây của Đức Giêsu. Tôi nói: "Đức Chúa đến và là khách của tôi trong hai ngày. Nhưng Ngài đã đi rồi. Ngài ở đâu? Tôi phải tìm Ngài! Có lẽ ông, là Gioan Tẩy Giả, sẽ dẫn tôi đến với Ngài?"

Đó là giấc mơ. Khi tỉnh giậy, tôi thấy mình kêu to "Gioan Tẩy Giả! Gioan Tẩy Giả!" Hai đầy tớ Nur-jan và Raisham vội vã vào phòng. Chúng có vẻ bối rối khi thấy tôi la lớn nhưng chúng làm bộ phớt lờ và chuẩn bị cho tôi làm vệ sinh buổi sáng. Tôi kể lại cho chúng nghe về giấc mơ.

"Ồ, thật tốt đẹp, " Nur-jan vừa cười khúc khích vừa bâng khay dầu thơm đến cho tôi. "Thưa bà, đó là một giấc mơ đẹp, " Raisham vừa nói vừa chải tóc cho tôi. Tôi ngạc nhiên vì là một Kitô Hữu mà Raisham

không có vẻ gì kích động hơn. Tôi định hỏi Raisham về Gioan Tẩy Giả nhưng vội ngừng lại; nói cho cùng, Raisham cũng chỉ là một phụ nữ quê mùa. Nhưng Gioan Tẩy Giả là ai? Từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ đọc thấy tên ấy trong Phúc Âm.

Trong ba ngày kế tiếp, tôi tiếp tục đọc cả hai cuốn Phúc Âm và Koran cùng một lúc, hết cuốn này đến cuốn kia. Tôi thấy mình cầm cuốn Koran lên vì bồn phẫn, và rồi lại hăng hái quay sang cuốn Phúc Âm, đắm mình trong đoạn này đoạn nọ để tìm hiểu những chữ mới mà tôi vừa khám phá ra. Mỗi lần mở sách Phúc Âm, mặc cảm tội lỗi lại dâng lên trong người tôi. Có lẽ là vì tôi được giáo dục quá khắt khe khi còn nhỏ. Ngay khi là một thiếu nữ, cuốn sách nào tôi đọc đều phải được cha tôi chấp thuận. Có lần hai anh em tôi cất lên một cuốn sách đem vào phòng. Dù sách đó chẳng có gì xấu, nhưng chúng tôi thật lo sợ khi đọc cuốn sách ấy.

Bây giờ, khi mở sách Phúc Âm, tôi cũng thấy mình phản ứng tương tự. Một câu chuyện thu hút sự chú ý của tôi. Đó là các nhà lãnh đạo Do Thái đưa một phụ nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình đến với Ngôn Sứ Giêsu. Tôi rùng mình khi nghĩ đến số phận của người phụ nữ này. Quy tắc luân lý của vùng đông phương xưa cũng không khác với người Pakistan chúng tôi. Theo truyền thống, người đại diện cho cộng đồng phải trừng trị người phụ nữ ngoại tình. Khi đọc đến đoạn người phụ nữ đứng trước các kẻ buộc tội, tôi biết rằng chính anh em, chú bác, cô dì của bà cũng đứng đó, sẵn sàng để ném đá.

Và rồi Ngôn Sứ Giêsu nói: Người nào sạch tội hãy ném đá trước (Gioan 8:7).

Tôi choáng váng khi thấy dân chúng len lén bỏ đi. Thay vì giám sát cái chết của bà này, Đức Giêsu đã buộc những kẻ lên án phải nhận ra tội lỗi của mình. Cuốn sách hạ xuống lòng khi tôi nằm đó đắm mình trong tư tưởng. Có một điều gì quá đúng, quá hợp lý về sự thách đố của vị ngôn sứ này. Ngài nói sự thật.

Và rồi ba ngày sau tôi lại có một giấc mơ kỳ lạ thứ hai:

Tôi đang ở trong phòng ngủ khi người đầy tớ cho biết có một người bán dầu thơm đang chờ gặp tôi. Tôi bật người ngồi dậy, vì lúc này ở Pakistan đang khan hiếm dầu thơm nhập cảng. Tôi rất lo sợ khi không có những món hàng xa xỉ ấy. Vì vậy, trong giấc mơ, tôi vui mừng nói đầy tớ mời ông ta vào.

Ông ăn mặc y như những thương gia thời mẹ tôi còn sống, họ đi từ nhà này sang nhà kia để rao hàng. Ông mặc chiếc áo choàng đen của nhà tu và tay cầm chiếc va-li đựng dầu thơm. Mở va-li ra, ông cầm lên một bình bằng vàng. Mở nắp ra, ông đưa bình cho tôi. Khi nhìn vào dầu ấy, tôi nín thở, dầu thơm lỏng lánh như pha lê lỏng. Tôi sửa soạn đưa tay chạm vào thì ông ấy rút tay lại.

"Đừng," ông nói. Và cầm lấy bình vàng, ông bước đến bàn ngủ và đặt trên ấy. Ông nói: "Nó sẽ lan toả khắp thế giới."

Khi tôi thức giấc, giấc mơ còn sống động trong tâm trí. Mặt trời len qua cửa sổ, và tôi vẫn còn ngửi thấy mùi thơm ấy; hương ngọt ngào của nó lan toả khắp phòng. Tôi ngồi dậy và nhìn về chiếc bàn ngủ, với hy vọng là sẽ thấy chiếc bình vàng ở đó.

Thay vào đó, chỗ chiếc bình là cuốn sách Phúc Âm!

Một sự rộn ràng trong tôi. Ngồi bên cạnh giường tôi trầm ngâm về hai giấc mơ. Chúng có nghĩa gì? Đã bao năm tôi không mơ gì cả, bây giờ liên tục tôi có hai giấc mơ sống động. Chúng có liên hệ gì với nhau không? Và chúng có liên can gì đến cảm nghiệm mới đây của tôi với những thực tại của thế giới siêu nhiên không?

Chiều hôm ấy, tôi dạo quanh vườn như thường lệ. Tôi vẫn còn kinh ngạc về các giấc mơ. Nhưng giờ đây, một điều gì đó được thêm vào. Tôi cảm thấy một niềm vui kỳ lạ, một sự bình an vượt trên bất cứ gì mà tôi chưa bao giờ biết đến. Như thể tôi được gần với sự Hiện Diện của Thiên Chúa. Bỗng dưng, khi từ trong bóng râm bước ra vùng ánh sáng, bầu khí chung quanh như sinh động hẳn lên với một mùi thơm nhẹ nhàng. Đó không phải là hương hoa--vì lúc ấy chẳng còn hoa nào nở--nhưng một mùi thơm rất thực.

Đôi chút bối rối, tôi quay trở về nhà. Mùi thơm ấy ở đâu ra? Điều gì đang xảy đến với tôi? Ai là người tôi có thể đề cập đến những điều này? Chắc phải là ai đó có kiến thức về Phúc Âm. Tôi gạt qua ý định hỏi các người đây tớ Kitô Giáo. Thứ nhất, đi hỏi họ là điều không thể tưởng tượng được. Vì có lẽ họ chưa bao giờ đọc Phúc Âm và chẳng biết điều tôi muốn hỏi. Tôi phải nói chuyện với ai đó có học hỏi và biết rõ về cuốn sách này.

Khi suy tư về câu hỏi ấy, một ý tưởng thật bất ngờ đến với tôi. Tôi cố chống lại ý tưởng ấy. Đó phải là một nơi chốn sau cùng mà tôi phải đến để được giúp đỡ.

Nhưng một cái tên cứ tiếp tục ám ảnh tôi mãi đến nỗi sau cùng tôi phải điện thoại cho ông tài Manzur.

"Tôi muốn ông lái xe ra cho tôi." Và không kịp để ông trả lời, tôi nói thêm: "Chính tôi sẽ lái xe. "

Mất ông tròn xoe. "Chính bà?"

"Phải chính tôi. Ông làm ơn." Ông đi ra một cách do dự. Ít khi tôi lái xe ra khỏi nhà lúc trời tối. Tôi từng là một sĩ quan trong đội nữ quân nhân Hoàng Gia Ấn thời Thế Chiến II, và từng lái xe cứu thương hàng ngàn dặm trên các đường gồ ghề. Nhưng thời chiến là một chuyện và lúc ấy tôi còn có đồng đội. Là con gái của dòng dõi quý tộc Nawab thì không thể tự lái xe trong cuộc sống bình thường, nhất là khi ban đêm.

Nhưng tôi biết, không thể nào liều lĩnh để ông Manzur biết tôi đi đâu và gây nên nhiều xì xầm trong các đây tớ. Tôi tin rằng chỉ có một nguồn để tìm ra câu trả lời cho những thắc mắc: Gioan Tẩy Giả là ai? Mùi thơm này có nghĩa gì?

Vì vậy, tôi hôm ấy, vô cùng do dự tôi lái xe đến nhà của đôi vợ chồng mà tôi biết rất ít, ông bà Mục Sư David Mitchell là người đã đến thăm tôi vào tối mùa hè năm ấy. Là các nhà truyền giáo, họ là những người sau cùng mà tôi muốn được gặp.

Chương 4

CUỘC GẶP GỠ

Chiếc Mercedes đen vẫn còn nổ máy và đậu ngay trên lối vào. Ông Manzur đứng bên cạnh cánh cửa tài xế mà ông chỉ khép hờ để giữ cho không khí trong xe còn ấm áp khỏi bị các luồng gió lạnh tới mùa thu lùa vào. Đôi mắt đen nháy của ông như vẫn còn thắc mắc về quyết định của tôi, nhưng không dám hỏi. Tôi chui vào chiếc xe ấm áp, ngồi ngay ngắn sau tay lái và phóng xe vào bóng đêm với cuốn Phúc Âm đặt trên ghế bên cạnh.

Trong ngôi làng Wah bé nhỏ này, mọi người đều biết nhau. Ngôi nhà của ông bà Mitchell nằm cạnh lối vào nhà máy xi măng mà gia đình tôi có phần lợi nhuận ở trong đó. Nhà máy như trung tâm điểm của một cộng đồng nhỏ bé xa lạ ở ngoại vi thành phố chừng năm dặm. Các ngôi nhà ở đây được dựng lên như các trung tâm hành quân tạm thời của lính Anh trong thời Thế Chiến II. Tôi nhớ có vài lần mạo hiểm vào khu vực mà các ngôi nhà cùng một kiểu, xám xịt vì lớp vôi trắng đã phai nhạt theo thời gian với các mái tôn và chằng chịt. Một cảm giác lẫn lộn giữa sự sợ hãi và ngóng đợi tràn ngập tôi khi lái xe vào khu vực. Từ trước đến giờ, chưa bao giờ tôi đến nhà của người thừa sai Kitô Giáo. Tôi hy vọng sẽ biết thêm về một con người bí ẩn, Gioan Tây Giả, tuy nhiên tôi lại sợ--điều mà tôi gọi là "bị ảnh hưởng"--bởi những người sẽ trả lời cho tôi.

Ông bà tổ tiên tôi sẽ nghĩ gì khi tôi đến thăm một người thừa sai Kitô Giáo? Tôi nghĩ đến ông cố nội của tôi là người đã từng hộ tống Tướng Nicholson lừng danh của Anh trong cuộc chiến ở Khyber Pass khi đánh nhau với A Phú Hãn. Thật ô danh cho dòng tộc vì cuộc thăm viếng này. Chúng tôi từng gán ghép các nhà thừa sai với bọn cùng đinh nghèo khổ và những người sống bên lề xã hội. Tôi tưởng tượng ra cuộc đối thoại với các ông bác, bà cô mà trong đó tôi bảo vệ cho hành động của tôi bằng cách kể cho họ nghe các giấc mơ kỳ lạ của mình. Tôi lẩm bẩm, "Nói cho cùng, ai cũng muốn tìm hiểu cái ý nghĩa của các giấc mơ sâu sắc ấy."

Khi lái vào khu vực nhà ông bà Mitchell trong ánh sáng lờ mờ chạng vạng tối, quang cảnh không khác xưa, giống như tôi còn nhớ, ngoại trừ các căn nhà lụp xụp ấy dường như tồi tệ hơn. Sau khi lái xe lên xuống để tìm kiếm trong các con đường nhỏ hẹp, tôi thấy nhà của ông bà Mitchell nằm ở gần nhà máy xi măng, đúng như tôi dự đoán, đó là căn nhà một tầng với lớp vôi loang lổ, nằm kín đáo sau lùm cây dâu nuôi tằm. Thận trọng, tôi dừng xe ở một khoảng xa cho đến khi tôi lấy lại bình tĩnh. Tôi lo sợ quá xa về những gì mà dòng họ tôi suy nghĩ. Do đó tôi đậu xe ngay trước nhà ông bà Mitchell, tay cầm quyển Kinh Thánh và đi vội đến căn nhà. Tôi để ý thấy mảnh vườn thật gọn gàng và hàng hiên cũng được chăm sóc cẩn thận. Tôi thiếu thì những người truyền giáo này cũng biết sửa soạn đấy chứ.

Bỗng dưng, cánh cửa nhà mở toang và một nhóm các bà trong làng vừa đi ra vừa cười nói líu lo, họ trong y phục thường ngày, với chiếc váy rộng và khăn quàng cổ. Tôi sửng người bất động. Dĩ nhiên, họ sẽ nhận ra tôi; hầu như mọi người trong làng Wah đều biết tôi. Và rồi người ta sẽ đồn âm lên rằng bà Begum Sheikh đến nhà của một người truyền giáo!

Ngay khi các bà nhìn thấy tôi qua ánh sáng yếu ớt hắt ra từ cánh cửa, họ cũng ngưng bật và vội vã ra về, khi vượt qua mặt tôi, họ không quên đưa tay chạm vào trán theo kiểu chào truyền thống. Không biết làm gì hơn, tôi tiếp tục tiến về cánh cửa là nơi bà Mitchell đang đăm đăm nhìn vào bóng đêm. Khi đến gần, tôi thấy bà không khác gì trước đây, lúc lần đầu tiên tôi trông thấy bà ở dưới phố, vẫn dáng người mảnh khảnh, trẻ trung. Chỉ có khác là bây giờ bà cũng quấn chiếc khăn quàng như các bà nhà quê kia. Ngay khi

nhìn thấy tôi, miệng bà há hốc và thốt lên, "Ồ kia, ... bà Begum Sheikh! Sao lại... nhưng mà... mời bà vào. Mời vào."

Tôi thấy vui khi bước vào nhà bà, tránh khỏi các đôi mắt dòm ngó của các bà nhà quê mà tôi biết đang theo dõi tôi từng bước. Chúng tôi bước vào phòng khách, nhỏ bé và ít đồ đạc. Bà Mitchell kéo chiếc ghế, có lẽ lịch sự nhất trong phòng, để mời tôi ngồi gần lò sưởi. Chính bà thì lại đứng mà không ngồi, với hai bàn tay không ngừng mở ra rồi lại úp vào. Tôi liếc mắt nhìn một hàng ghế được xếp chung quanh phòng. Bà Mitchell giải thích là bà vừa mới xong lớp học hỏi Kinh Thánh với các phụ nữ trong làng. Bà hắng giọng bồn chồn, "Bà dùng chút trà nhé?" vừa nói bà vừa bới tóc ra đằng sau.

"Không, cảm ơn bà," tôi trả lời. "Tôi đến để hỏi một chuyện." Tôi nhìn quanh. "Mục Sư Mitchell có ở nhà không?"

"Ồ không. Ông ấy đang trong chuyến đi A Phú Hãn."

Tôi hụt hẫng. Người phụ nữ đứng trước mặt tôi thì trẻ quá! Liệu bà ấy có thể trả lời cho câu hỏi của tôi không?

Tôi đánh bạo, "Bà Mitchell này, bà có biết gì về Thiên Chúa không?"

Bà ngồi xếp xuống chiếc ghế gỗ và nhìn tôi ngạc nhiên; trong phòng chỉ còn bập bùng tiếng lửa trong lò sưởi. Rồi bà trả lời một cách thân nhiên, "Tôi sợ là tôi không biết nhiều về Thiên Chúa, nhưng tôi có biết Người."

Thật là một câu trả lời lạ thường! Một con người thì làm thế nào có thể biết được Thiên Chúa! Tương tự như vậy, sự quả quyết kỳ quặc của người phụ nữ này lại đem cho tôi sự tin tưởng. Trước khi tôi thật sự biết những gì đang xảy ra, tôi thấy mình thổ lộ với bà về giấc mơ của tôi với ngôn sứ Giêsu và một người tên là Gioan Tây Giả. Và thật lạ, tôi thấy mình khó khăn để giữ giọng nói cho tự nhiên khi kể lại cảm nghiệm ấy. Ngay khi kể lại, tôi vẫn cảm thấy phấn khởi y như khi đứng trên đỉnh núi đó. Và rồi, sau khi diễn tả giấc mơ của mình, tôi rướn người tới trước, hỏi:

"Bà Mitchell, tôi từng nghe biết về Đức Giêsu, nhưng Gioan Tây Giả là ai?"

Bà nheo mắt nhìn tôi và tư lự. Tôi cảm thấy như bà muốn hỏi rằng có phải thực sự tôi không biết Gioan Tây Giả là ai, nhưng rồi bà ngồi lại tư thế cũ. "Thưa bà Begum, Gioan Tây Giả là một ngôn sứ, một người đến trước Đức Giêsu Kitô, ông rao giảng về sự sám hối và được sai đi dọn đường cho Đức Giêsu. Ông là người đã chỉ về Đức Giêsu và nói: 'Đây là Chiên Thiên Chúa, đáng gánh tội trần gian.' Ông là người đã thanh tẩy Đức Giêsu."

Không hiểu sao tôi lại không muốn nghe chữ "thanh tẩy". Tôi biết rất ít về những người Kitô giáo này, nhưng tất cả người Hồi Giáo thì đều biết nghi thức thanh tẩy lạ lùng ấy. Đầu óc tôi chợt nhớ đến những người bị thảm sát sau khi thanh tẩy. Và điều này xảy ra ngay cả dưới chế độ Anh quốc khi người ta được cho là có tự do tôn giáo. Ngay khi còn trẻ tôi cũng từng biết rằng: một người Hồi Giáo được thanh tẩy là người ấy phải chết.

"Bà Begum?"

Tôi ngược mắt lên. Không biết chúng tôi ngồi im lặng như thế đã bao lâu? "Này bà Mitchell," giọng của tôi gò bó, "xin đừng coi tôi là một người Hồi Giáo. Hãy nói cho tôi biết: bà muốn nói gì khi bà nói là biết Thiên Chúa?"

Bà Mitchell trả lời "Tôi biết Đức Giêsu," và tôi biết là bà nghĩ rằng bà đang trả lời đúng câu hỏi của tôi.

Sau đó bà kể cho tôi nghe những gì mà Chúa đã làm cho bà và thế gian bằng cách phá vỡ sự bế tắc giữa loài người tội lỗi và Thiên Chúa bởi chính Người đã đến trái đất này bằng xương thịt, là Đức Giêsu, và chết cho tất cả chúng ta trên thập giá.

Căn phòng lại trở nên im lặng. Tôi có thể nghe được tiếng xe vận tải di chuyển từ xa lộ gần đó. Đường như bà Mitchell không vội lên tiếng. Sau cùng, sau khi hít một hơi dài, tai tôi không thể tin được là chính tôi đã nói một cách rõ ràng rằng, "Bà Mitchell này, mới đây có những điều thật khác thường xảy ra tại nhà chúng tôi. Chuyện thần thánh hay ma quỷ gì đó. Tôi cảm thấy như mình đang ở giữa một sự giằng co lớn và tôi cần mọi sự trợ giúp tốt đẹp. Bà cầu nguyện cho tôi được không?"

Bà có vẻ sững sờ khi nghe tôi yêu cầu, sau đó, bình tĩnh lại, bà hỏi tôi muốn đứng, quỳ hay ngồi khi chúng tôi cầu nguyện, tôi nhún vai, bỗng dưng thấy khó chịu. Tất cả đều không thể tưởng tượng được. Nhưng người phụ nữ mảnh khảnh này đã quỳ trên sàn. Và tôi cũng quỳ theo bà!

"Ôi Thần Khí của Thiên Chúa," bà nói nhỏ nhẹ, "con biết là chẳng có gì con nói có thể giúp bà Begum Sheikh biết Chúa Giêsu là ai. Nhưng con cảm ơn Chúa vì Chúa đã vén tấm màn ra để mắt tâm hồn chúng con nhận ra Đức Giêsu. Ôi, Thần Khí Thiên Chúa, xin hãy làm điều ấy cho bà Begum Sheikh. Amen."

Chúng tôi vẫn quỳ gối trong một thời gian dường như bất tận. Tôi thấy sung sướng trong sự thinh lặng ấy, vì lòng tôi cảm thấy ấm lại một cách kỳ lạ.

Sau cùng, bà Mitchell và tôi đứng dậy. "Thưa bà Begum, đó có phải là cuốn Phúc Âm không?" vừa hỏi bà vừa nghiêng đầu về cuốn sách màu xám nhạt mà một tay tôi giữ chặt ở trên ngực. Tôi đưa cuốn sách cho bà. "Làm sao bà có cuốn này?" Bà ấy hỏi. "Có dễ hiểu không?"

"Không dễ lắm," tôi trả lời. "Cuốn đó theo kiểu dịch cũ và tôi không thích lắm."

Bà đi sang phòng bên cạnh và trở lại với một cuốn sách.

"Đây là cuốn Tân Ước viết theo lối hiện đại," bà nói. "Nó được gọi là kiểu dịch của Phi-líp. Tôi thấy cuốn này dễ hiểu hơn các cuốn khác. Bà có muốn không?"

"Có," tôi trả lời một cách không do dự.

"Hãy bắt đầu với Phúc Âm theo Thánh Gioan," bà Mitchell khuyên tôi và mở sách ra rồi đặt vào đó một mẫu giấy nhỏ để làm dấu. "Đây là một ông Gioan khác, nhưng ông ấy nói rất rõ về vai trò của Gioan Tẩy Giả."

"Cảm ơn bà," tôi trả lời, cảm thấy biết ơn. "Và bây giờ tôi nghĩ là đã mất thời giờ của bà quá nhiều."

Khi tôi chuẩn bị ra về, bà Mitchell nói: "Bà biết không, thật thú vị khi biết rằng chỉ vì các giấc mơ mà bà đã đến đây. Thiên Chúa thường nói với con cái của Người qua giấc mơ và thị kiến."

Khi bà giúp tôi khoác chiếc áo ngoài, tôi tự lự không biết có nên kể cho bà nghe về một giấc mơ khác nữa hay không. Giấc mơ về người bán dầu thơm. Đường như thật... kỳ lạ. Nhưng như đã từng xảy ra một vài lần trong buổi tối kỳ lạ này, tôi thấy mình đầy can đảm mà dường như sự can đảm ấy đến từ bên ngoài con người của tôi. "Bà Mitchell này, bà có thể nói cho tôi biết là có sự liên hệ gì giữa dầu thơm và Đức Giêsu không?"

Bà suy nghĩ đôi chút, tay bà đặt trên nút cửa. Bà nói: "Không. Tôi không thấy được gì cả. Tuy nhiên, tôi sẽ cầu nguyện để biết điều đó."

Khi lái xe về nhà, tôi lại cảm thấy sự Hiện Diện có mùi thơm lạ lùng như hồi sáng sớm trong khu vườn.

Khi về nhà tối hôm ấy, tôi đọc một vài đoạn Phúc Âm được gọi là "Phúc Âm theo Thánh Gioan", mà văn sĩ viết về Gioan Tẩy Giả, một người kỳ dị mặc áo lông lạc đà sống trong hoang dã, kêu gọi người ta sám hối để chuẩn bị đón Chúa. Và sau đó, trong sự êm ấm của căn phòng với các đồ cổ quý giá, một tư tưởng chợt đến trong đầu tôi, một cách tự động, ngoài ý muốn nhưng bị gạt bỏ cách nhanh chóng. Nếu Gioan Tẩy Giả là một dấu chỉ của Thiên Chúa, một dấu chỉ hướng đến Đức Giêsu, thì có phải cũng chính người này chỉ tôi về Đức Giêsu không?

Dĩ nhiên, ý tưởng này không vững. Tôi gạt ra khỏi tâm trí và đi ngủ.

Sáng hôm sau, khi tiếng ngân nga của thầy tu Hồi Giáo đánh thức tôi dậy cầu nguyện, tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi mọi sự lại có vẻ rõ ràng. Tối hôm qua, thật là một chuỗi tư tưởng kỳ quái mà tôi cứ giữ trong đầu! Giờ đây, khi tiếng thầy tu nhắc nhở tôi về chân lý, tôi lại cảm thấy an tâm, tránh khỏi sự khuấy động vì ảnh hưởng của Kitô Giáo.

Ngay lúc đó, Raisham bước vào, không phải với khay trà nhưng với một mẩu tin mà nó cho biết mới được gửi đến sáng sớm.

Do bà Mitchell gửi đến, mẩu giấy vụn vụn chỉ có hàng chữ: "Hãy đọc thư thứ hai của Thánh Phaolô gửi tín hữu Côrintô, chương 2, câu 14."

Tôi cảm quyền Phúc Âm mà bà ấy đã cho tôi và tìm kiếm. Và rồi, khi đọc, tôi phải nín thở:

Tạ ơn Thiên Chúa, Đấng dẫn dắt chúng tôi trên hành trình khai hoàn của Đức Kitô dù chúng tôi ở bất cứ đâu, và làm cho sự hiểu biết của chúng tôi về Người được lan tỏa khắp thế gian như hương thơm!

Tôi ngồi xuống giường, đọc lại đoạn này, sự bình tĩnh của tôi mới vài phút trước đây đã vỡ vụn. Sự hiểu biết về Đức Giêsu lan tỏa như hương thơm! Trong giấc mơ, người bán hàng đặt một bình vàng thơm phức trên bàn ngủ và nói rằng hương thơm này "sẽ lan tỏa khắp thế giới." Sáng hôm sau, tôi thấy quyển Phúc Âm ở ngay vị trí của bình dầu thơm! Tất cả quá rõ ràng. Tôi không muốn suy nghĩ thêm về điều ấy. Phải uống trà mới được. Uống trà và xoay hướng cuộc đời về điểm hội tụ chính đáng trước khi lại xảy ra những điều ngoài ý muốn.

Mặc dù bà Mitchell có mời tôi trở lại, nhưng tôi cảm thấy tốt nhất là không nên. Có lẽ một quyết định khôn ngoan là tôi phải tự mình tìm hiểu Phúc Âm. Tôi không muốn bị bất cứ bên nào thúc đẩy. Tuy nhiên, một chiều kia, Nur-jan vội vã vào phòng tôi với ánh mắt kỳ quặc. Nó thờ hờn hờn, "Mục Sư và bà Mitchell đang ở đây muốn gặp bà."

Tay tôi ôm lấy cổ. Tại sao họ lại đến đây? Tôi băng khuâng. Tuy nhiên, mau mắn lấy lại bình tĩnh, tôi bảo nó mời họ vào phòng khách.

Ông David Mitchell cao lêu nghêu với cặp mắt nhăn nheo, và cũng có vẻ thân thiện như vợ ông. Cả hai người có vẻ sung sướng khi thấy tôi đến nỗi tôi quên cả sự bực dọc vì họ đến nhà của tôi.

Bà Mitchell giơ tay ra bắt, sau đó bà ôm lấy tôi. Tôi sửng sờ. Không ai ngoài dòng họ, kể cả bạn thân nhất, lại ôm tôi như vậy. Tôi cứng người nhưng bà Mitchell dường như không để ý đến phản ứng của tôi. Nghĩ lại, tôi phải thú thực là hình thức chào đón này làm tôi vui lòng. Không có một sự giả dối nào trong cách chào đón của bà.

"Tôi thật vui sướng để được gặp 'Bà Hoa'," ông David reo lên theo kiểu cách người Hoa Kỳ.

Tôi đưa mắt nhìn bà Mitchell và bà cười. "Tôi phải giải thích mới được. Khi bà đến nhà chúng tôi, tôi muốn đánh điện tín báo cho chồng tôi biết ngay lập tức, vì chúng tôi thường nhắc đến bà luôn kể từ khi được thăm khu vườn của bà vào mùa xuân năm ngoái. Tuy nhiên, để bảo vệ bà, tôi không muốn dùng tên thật của bà. Khi suy nghĩ không biết phải đề cập đến bà như thế nào trong bức điện tín, tôi liếc nhìn qua cửa sổ thì thấy những bông hoa mọc lên từ các hạt giống mà người làm vườn của bà đã cho chúng tôi. Tôi chợt nghĩ đến cái tên 'Bà Hoa', và đó là mật mã của chúng tôi."

Tôi cười, "Từ bây giờ trở đi ông bà có thể gọi tôi là Bilquis."

Bà nói, "Và cũng xin vui lòng gọi tôi là Synnove."

Đó là một cuộc thăm viếng kỳ lạ. Tôi nghĩ một phần là vì tôi nửa muốn nửa không khi chờ đợi ông bà Mitchell áp lực tôi phải chấp nhận tôn giáo của họ, nhưng điều đó không xảy ra. Chúng tôi uống trà và chuyện gẫu. Tôi có đặt câu hỏi về Đức Giêsu được gọi là "Con Thiên Chúa," vì đối với người Hồi Giáo, không có tội nào lớn hơn sự tự nhận này. Kinh Koran nói đi nói lại rằng Thiên Chúa không có con. Tôi hỏi, "Và đây là 'Ba Ngôi'? Thiên Chúa là bộ ba?"

Để trả lời, ông David so sánh Thiên Chúa với mặt trời có ba năng lực sáng tạo là sức nóng, ánh sáng và sự chiếu tỏa, một tương giao bộ ba cùng nhau tạo thành mặt trời, tuy nhiên chỉ có một không thôi thì không phải là mặt trời. Sau đó không lâu họ ra về.

Vài ngày sau, tôi lại thấy mình đơn độc với hai cuốn sách--kinh Koran và Kinh Thánh. Tôi tiếp tục đọc cả hai, tham khảo kinh Koran là vì sự trung thành đã khá lâu, nghiên cứu Kinh Thánh là vì một sự đói khát kỳ lạ trong tâm hồn.

Tuy nhiên, nhiều khi tôi không cầm cuốn Kinh Thánh. Không thể nào Thiên Chúa ở trong cả hai quyển. Tôi biết, vì sứ điệp của hai cuốn ấy thật khác biệt. Nhưng khi tôi do dự không muốn cầm lấy cuốn sách mà bà Mitchell đã cho, tôi cảm thấy thất vọng kỳ lạ. Trong tuần qua tôi sống trong một thế giới mỹ miều, không phải trong khu vườn do tôi chăm sóc, nhưng trong khu vườn nội tâm được hình thành bởi một nhận thức mới về tâm linh. Lần đầu tiên tôi bước vào thế giới mỹ miều này qua hai giấc mơ; sau đó, lần thứ hai tôi nhận thức về thế giới này vào đêm mà tôi được gặp một sự Hiện Diện không thể giải thích trong khu vườn nhà tôi; và tôi được biết sự Hiện Diện ấy một lần nữa khi tôi tuân theo sự thúc giục để đến thăm ông bà Mitchell.

Một cách từ từ, rõ ràng, trong vòng vài ngày kể đó, tôi bắt đầu biết cách trở về với thế giới mỹ miều ấy. Và việc đọc cuốn sách Kitô Giáo này dường như là chìa khóa để vào được thế giới đó, mà tôi chưa thấu hiểu các lý do.

Và rồi một ngày kia, cháu Mahmud một tay ôm tai đến với tôi, nó nhăn nhó "Mẹ ơi, đau tai quá."

Tôi cúi xuống xem xét tai nó cẩn thận. Nước da nâu sậm của nó có vẻ hơi tái, và tuy Mahmud không phải là đứa bé hay vùi vãnh, tôi cũng thấy được vệt nước mắt còn in trên gò má rúm nắng.

Tôi bế cháu nằm lên giường và ru khẽ, mớ tóc đen của nó thật tương phản với chiếc gối trắng. Và sau khi nó thiếp ngủ, tôi điện thoại cho nhà thương Thánh Gia ở Rawalpindi. Trong vòng một phút, Tooni đã ở đầu giường bên kia. Nó đồng ý là hôm sau phải đưa Mahmud đến nhà thương để khám xét toàn bộ. Tôi sẽ có thể ở trong căn phòng kế cận và người đầy tớ cũng sẽ được cấp cho một cái phòng nhỏ bên cạnh.

Trời đã nhá nheo tối khi chúng tôi đến nhà trọ. Tooni có được một buổi tối rảnh rang để ở với chúng tôi. Không bao lâu, Mahmud và mẹ nó đã cười khúc khích bên những tấm hình mà cháu Mahmud tô màu. Tôi ngả người trên giường đọc Phúc Âm. Tôi cũng mang theo cuốn Koran, chỉ vì bổn phận hơn là vì muốn đọc.

Bỗng dưng, đèn trong phòng chột lập loè, và rồi tắt ngúm. Căn phòng tối om.

Tôi bực mình, "Lại bị cúp điện. Con có thấy cây đèn cây nào không?"

Trong giây lát, cánh cửa mở ra và một nữ tu bước vào với chiếc đèn pin trên tay. Bà vui vẻ nói, "Tôi hy vọng là bà không sợ bóng tối. Chúng tôi sẽ đem đèn cây đến ngay." Tôi nhận ra là bác sĩ Pia Santiago, một người Phi Luật Tân tâm vóc trung bình, có đeo kính và là người chịu trách nhiệm cả khu nhà thương. Lần trước chúng tôi có gặp nhau trong giây lát. Hầu như ngay lúc đó một nữ tu khác bước vào với đèn cây cháy sáng, ánh sáng âm áp lập tức lan toả khắp phòng. Mahmud và Tooni tiếp tục chơi giỡn trong khi tôi chuyện trò với Bs Santiago. Không thể nào tôi không thấy bà đang chăm chú nhìn vào cuốn Phúc Âm.

"Tôi có thể nói chuyện với bà một chút được không, nếu bà không phiền?" Bác sĩ Santiago hỏi.

"Thật quý hoá," tôi trả lời, nghĩ rằng đó chỉ là cuộc thăm viếng xã giao. Bà kéo chiếc ghế lại gần giường tôi nằm và ngồi xuống.

"Thật chưa tối nào bạn như tối nay," bà vừa nói vừa tháo mắt kính và lau mắt với chiếc khăn tay.

Tôi thành thật cảm thấy mến bà. Người Hồi Giáo luôn tôn trọng các phụ nữ thánh thiện này, họ đã hy sinh để phục vụ Thiên Chúa của họ; đức tin của họ có thể không đúng chỗ, nhưng sự chân thành của họ thì có thật. Chúng tôi trò chuyện với nhau nhưng càng nói tôi càng cảm thấy người nữ tu này có một ý định gì trong đầu. Đó là cuốn Phúc Âm. Tôi thấy bà liếc nhìn cuốn sách với nhiều vẻ tò mò. Sau cùng, bà nghiêng mình tới trước và hỏi với giọng cẩn mật, "Này bà Sheikh, bà có cuốn Phúc Âm ấy để làm gì vậy?"

Tôi trả lời: "Tôi thành khẩn tìm kiếm Thiên Chúa." Và rồi, trong ánh nến bập bùng, tôi kể cho bà nghe các giấc mơ, lúc đầu còn dè dặt nhưng càng ngày càng mạnh mẽ hơn về các cuộc gặp gỡ với bà Mitchell, và tôi so sánh Phúc Âm với kinh Koran. Tôi nhấn mạnh: "Bất cứ điều gì xảy ra đi nữa, tôi phải tìm kiếm Thiên Chúa, nhưng tôi bị hoang mang về đức tin của bà," sau cùng, vừa nói tôi vừa nhận thấy rằng ngón tay tôi đang đặt trên một vật quan trọng. "Dường như bà coi Thiên Chúa rất là... riêng tư--tôi không biết nói thế nào!"

Đôi mắt của người nữ tu đầy vẻ thương cảm và bà nghiêng mình tới trước. "Thưa bà Sheikh," với giọng đầy xúc động bà nói, "chỉ có một cách duy nhất để tìm ra lý do tại sao chúng ta lại cảm thấy như vậy. Và chính bà phải tự mình tìm kiếm, dù lạ lùng thế nào đi nữa. Tại sao bà không cầu nguyện với Thượng Đế mà bà đang tìm kiếm? Xin Người chỉ cho bà biết con đường của Người. Hãy nói chuyện với Người như thể Người là bạn của bà."

Tôi mỉm cười. Bà cũng đề nghị tôi nói với Taj Mahal. Nhưng sau đó, Bs Santiago đã nói một điều chạm đến tôi như điện giật. Bà nghiêng người gần tôi hơn rồi nắm lấy bàn tay tôi, với giọt nước mắt lăn trên gò má. Bà nói thật khẽ: "Hãy nói với Người, như thể Người là cha của bà."

Tôi ngồi bật dậy. Một sự im lặng nặng nề trong căn phòng. Ngay cả cuộc đối thoại giữa Mahmud và Tooni cũng treo lơ lửng trên không. Tôi đắm đắm nhìn người nữ tu ấy với ánh nền phản chiếu lung linh nơi cặp kính.

Nói với Thiên Chúa như thể Người là cha của tôi! Ý nghĩ ấy rung động linh hồn tôi trong một kiểu cách lạ lùng như một chân lý cùng lúc làm sững sờ và khuây khoả.

Sau đó như thể được ra lệnh, cùng lúc mọi người lại bắt đầu cười nói. Tooni và Mahmud cười khúc khích và đồng ý tô cái dù bằng màu tím. Bác sĩ Santiago mỉm cười, đứng dậy, chào mọi người và bước ra khỏi phòng.

Không nói gì thêm về sự cầu nguyện hay Kitô giáo. Nhưng tôi vẫn còn kinh ngạc trong suốt tối hôm ấy, và cho đến sáng hôm sau. Điều đặc biệt kỳ lạ là các bác sĩ không tìm thấy chứng bệnh gì nơi tai cháu Mahmud, và nó luôn miệng nói rằng chẳng còn đau gì cả. Lúc đầu, tôi thật khó chịu và phiền hà về điều này. Sau đó một ý tưởng chợt nảy ra trong đầu là có thể, rất có thể, trong một phương cách bí ẩn nào đó, Thiên Chúa đã lợi dụng cơ hội này để đưa tôi gặp bác sĩ Santiago.

Gần trưa hôm ấy, bác tài Manzur lái xe đưa chúng tôi trở về Wah. Khi chúng tôi tách khỏi xa lộ Đại Thụ để rẽ vào con đường về nhà, tôi có thể nhìn thấy mái nhà màu xám của tôi qua rặng cây. Bình thường tôi mong về nhà như về một nơi riêng biệt, xa khỏi thế giới. Nhưng hôm nay dường như có một sự khác biệt về căn nhà của tôi, như thể một điều gì đặc biệt sẽ xảy ra cho tôi ở đó.

Chúng tôi lái xe vào con đường dẫn đến trước cửa, cháu Manzur nhấn còi inh ỏi. Các đầy tớ bước ra và vây quanh chiếc xe. "Cậu không sao chứ?" tất cả đồng loạt hỏi.

Không sao. Tôi lên tiếng, Mahmud không sao cả. Nhưng tâm trí của tôi không vui mừng chút nào. Tôi đang trong một hành trình mới đi tìm Thiên Chúa. Tôi đi thẳng lên phòng ngủ để suy nghĩ tất cả những gì đã xảy ra. Tôi chắc chắn là không một người Hồi Giáo nào dám nghĩ A-la như cha của mình. Ngay khi còn bé, tôi được dạy rằng cách chắc chắn nhất để biết A-la là cầu nguyện năm lần một ngày và nghiên cứu kinh Koran. "Hãy nói với Thiên Chúa. Nói với Người như thể Người là cha của bà."

Một mình trong căn phòng, tôi quỳ gối và cố gắng gọi Người là "Cha." Nhưng đó là một cố gắng vô ích và tôi đứng dậy mất hết can đảm. Thật buồn cười. Đó không phải là tội lỗi hay sao khi cố gắng đưa Đấng Toàn Năng xuống địa vị của chúng ta? Đêm ấy tôi thiếp ngủ với sự hoang mang hơn bao giờ hết.

Nhiều giờ sau tôi thức giấc. Lúc ấy vào khoảng quá nửa đêm, ngày sinh nhật của tôi, 12 tháng Mười Hai. Tôi được 47 tuổi. Tôi cảm thấy đôi chút nao nức, một dư âm từ thời thơ ấu khi ngày sinh nhật là ngày hội với các hàng giấy đủ màu giăng ngang trên sân cỏ, với các đồ chơi và bà con đến nhà suốt cả ngày. Bây giờ, sẽ chẳng còn ăn mừng, có lẽ chỉ được vài cú điện thoại thăm hỏi, chỉ có thế.

Ôi quang đời thơ ấu thật đẹp biết chừng nào. Tôi nhớ đến cha mẹ tôi qua hình ảnh mà tôi thích nhất. Mẹ tôi, thật âu yếm, thật vương giả và xinh đẹp. Và cha tôi. Tôi luôn hãnh diện về ông, với chức vụ cao trong chính quyền Ấn. Tôi vẫn có thể nhìn thấy ông, với y phục tươm tất không thể chê được, đang đứng trước gương sửa lại chiếc khăn xếp trên đầu trước khi đến văn phòng. Đôi mắt thân thiện dưới hàng lông mày rậm rạp, nụ cười nhân từ, nét mặt sắc sảo và cái mũi khoằm xuống.

Một trong những kỷ niệm dễ thương nhất là khi được nhìn thấy cha tôi làm việc trong thư phòng. Ngay trong một xã hội mà con trai được quý trọng hơn con gái, cha tôi coi mọi con cái như nhau. Hồi còn nhỏ, khi có thắc mắc muốn hỏi, tôi lấp ló sau cánh cửa, ngại không dám lên tiếng, sợ gián đoạn công việc của cha tôi. Sau đó, khi liếc mắt thấy tôi, ông đặt bút xuống, ngả người tựa vào ghế và gọi, "Keecha?" Chậm chạp tôi bước vào phòng làm việc, e dè cúi đầu. Ông mỉm cười và vỗ vào cái ghế bên cạnh. "Lại đây, con gái cưng, ngồi xuống đây." Sau đó, choàng tay qua người, ông kéo tôi sát vào ông. "Nhỏ Keecha muốn gì đây?" thật ôn tồn ông hỏi. "Con muốn bố làm gì, hả?"

Với cha tôi lúc nào cũng vậy. Ông không phiền khi bị tôi quấy rầy. Bất cứ khi nào tôi thắc mắc hoặc có vấn đề, ông cũng xếp công việc qua một bên để dành thời giờ cho riêng tôi, bất kể bận rộn đến thế nào.

Lúc ấy đã quá nửa đêm khi tôi nằm trên giường thưởng thức hương vị ngọt ngào của kỷ niệm. "Ôi cảm ơn..." tôi thì thầm với Thiên Chúa. Có phải tôi thực sự nói với Người không?

Bỗng dung, một hy vọng tràn trề choáng ngợp tôi. Giả như, chỉ cần giả như Thiên Chúa giống như một người cha. Nếu một người cha dưới đất sẵn sàng bỏ qua mọi chuyện để lắng nghe tôi, thì lẽ nào một người Cha trên trời lại không...?

Run rẩy với sự kích thích đó, tôi ra khỏi giường, quỳ sụp trên thảm, mắt nhìn lên trời và trong một hiểu biết phong phú mới mẻ, tôi gọi Thiên Chúa "Cha ơi."

Tôi đã không chuẩn bị cho những gì sẽ xảy đến.

Chương 5

NHỮNG NGÃ TƯ

Ôi Cha ơi, Cha của con ơi... Chúa Cha ơi."

Một cách do dự, tôi gọi tên Người thật lớn. Tôi dùng nhiều cách khác nhau để nói chuyện với Người. Và rồi, như thể có điều gì xuyên suốt vì tôi thấy mình tin tưởng rằng Người thực sự đang nghe tôi, cũng như cha ruột của tôi từng làm điều đó cho tôi.

Với sự tín thác ngày càng gia tăng, tôi thổn thức, "Cha ơi, ôi Chúa Cha của con". Tiếng tôi dường như vang dội trong phòng ngủ rộng lớn khi tôi quỳ trên tấm thảm bên cạnh giường. Và bỗng dung, căn phòng ấy không còn trống trải nữa. Người ở đó! Tôi có thể cảm thấy sự Hiện Diện của Người. Tôi có thể cảm thấy bàn tay Người nhẹ nhàng đặt trên đầu tôi. Như thể tôi có thể thấy được đôi mắt của Người, thật nhân

từ và dịu hiền. Người quá gần đến nỗi tôi thấy mình dựa vào đầu gối của Người như một đứa bé gái ngồi dưới chân của cha nó. Trong thời gian thật lâu tôi quỳ ở đó, âm thầm thôn thức, chơi vui trong tình yêu của Người. Tôi thấy mình nói chuyện với Người, xin lỗi Người vì đã từ lâu tôi không biết đến Người. Và rồi, một lần nữa lòng thương yêu triu mến của Người lại đến với tôi, như một tấm chăn ấm áp bao bọc quanh tôi.

Giờ đây tôi nhận ra rằng chính sự Hiện Diện này mà tôi đã cảm được trong khu vườn ngập hương thơm ở chiều tối hôm ấy, cũng như mỗi khi tôi đọc Phúc Âm.

"Lạy Cha, con hoang mang quá..." tôi thỏ thẻ. "Con có một điều cần phải được sáng tỏ ngay." Tôi vói tay đến chiếc bàn cạnh giường đang để cuốn Phúc Âm và cuốn kinh Koran. Cầm cả hai cuốn, tôi nói, "Thưa Cha, cuốn nào? Cuốn nào là của Cha?"

Sau đó một điều khác thường xảy ra. Chưa bao giờ trong đời tôi xảy ra như vậy. Vì tôi nghe có tiếng nói tự bên trong con người tôi, một tiếng nói rõ ràng như thể tôi đang lặp lại những lời trong tâm trí. Những lời ấy thật mới mẻ, đầy nhân từ, nhưng cũng đầy quyền uy.

"Trong cuốn sách nào mà con đã gặp Ta như Cha của con?"

Tôi thấy mình trả lời: "Trong cuốn Phúc Âm." Tất cả chỉ có thế. Bây giờ trong tâm trí tôi không còn thắc mắc cuốn sách nào là của Người. Tôi nhìn đồng hồ và giật mình khi thấy đã ba tiếng đồng hồ trôi qua. Tuy nhiên tôi không thấy mệt. Tôi muốn tiếp tục cầu nguyện, tôi muốn đọc Phúc Âm, vì giờ đây tôi biết rằng Cha tôi sẽ nói với tôi qua cuốn sách ấy. Tôi chỉ đi ngủ khi biết rằng mình phải giữ sức khỏe. Nhưng sáng sớm hôm sau, tôi lại bảo các đầy tớ đừng quấy rầy, và cầm cuốn Phúc Âm lên tôi ngã người trên chiếc đi văng. Bắt đầu với Phúc Âm theo Thánh Mát-thêu, tôi thực sự đọc từng chữ một.

Tôi cảm kích vì Thiên Chúa đã nói với dân của Người trong giấc mơ, thật vậy, có đến năm lần ngay trong đoạn đầu tiên của Mát-thêu. Người nói với ông Giuse về Đức Maria. Người cảnh cáo các nhà Thông Thái về vua Hêrốt, và thêm ba lần nữa Người ngỏ ý với ông Giuse về việc bảo vệ hài nhi Giêsu.

Tôi không thể nào có đủ thời giờ cho Phúc Âm. Bất cứ gì tôi đọc, dường như lại hướng tôi về một hành trình gần gũi nào đó với Thiên Chúa.

Tôi thấy mình đứng giữa các ngã tư rộng lớn. Cho đến bây giờ, tôi từng được gặp gỡ một cách thân thiện với Chúa Cha. Trong thâm tâm, tôi biết tôi phải hoàn toàn tận hiến chính mình cho Con của Người là Đức Giêsu, nếu không tôi sẽ thực sự quay lưng phản bội Người.

Và tôi biết chắc rằng những người tôi thương mến đều khuyên tôi quay lưng lại Đức Giêsu. Tâm trí tôi tràn ngập kỷ niệm về một ngày đặc biệt và quý báu khi cha tôi đưa tôi đến đền thờ Hội Giáo của giòng họ, lúc ấy chỉ có hai cha con. Chúng tôi bước vào một cái phòng với vòm nhà cao vút. Cầm tay tôi, cha tôi kiêu hãnh và xác quyết rằng hai mươi thế hệ trong dòng tộc tôi đã cầu nguyện tại đó. "Thật là một đặc ân cho con khi được là phần tử của một chân lý ngàn đời."

Và tôi nghĩ về cô con gái Tooni. Chắc chắn rằng người thiếu nữ này đã lo lắng quá đủ. Và những đứa con khác, dù sống xa tôi, chúng cũng đau lòng nếu tôi "trở nên một Kitô Hữu." Và còn Bác Phatê, là người hãnh diện nhìn đến tôi vào ngày tôi được bốn tuổi, bốn tháng, bốn ngày và bắt đầu tập đọc kinh Koran. Rồi còn dì Amina yêu quý và những người trong họ, hàng trăm "ông chú," "bà cô" và "anh em họ." Ở Đông Phương, gia đình trở nên biraderi, một cộng đoàn mà mỗi người đều có trách nhiệm với nhau. Tôi

có thể làm tổn thương gia đình trong nhiều kiểu cách, ngay cả can thiệp vào chuyện hôn nhân của các cháu, vì nếu muốn, tôi có thể quyết định cách khác.

Nhưng tôi lo lắng nhất là đứa cháu ngoại bé bỏng, Mahmud; điều gì sẽ xảy ra cho nó! Tim tôi xe lại khi nghĩ đến cha của nó. Hẳn là một người nhẹ dạ, rất có thể tìm cách lấy lại đứa con của mình nếu tôi trở nên một Kitô Hữu, vì điều đó chứng tỏ tôi là một người mất quân bình.

Ngày hôm ấy khi ngồi đọc sách và suy nghĩ trong căn phòng yên tĩnh, những tư tưởng ấy như cần xé tâm hồn tôi. Bỗng dưng, tôi cảm thấy nặng nề khi nghĩ về những đau khổ mà tôi có thể gây ra cho người khác, tôi đứng dậy, nước mắt chảy dài. Quấn chiếc khăn mỏng quanh người, tôi bước vào khu vườn lạnh lẽo của mùa đông, là nơi ẩn náu tôi cho là tốt nhất.

Vừa rảo bước trên lối mòn đá sỏi, tôi khóc với Chúa, "Có thể nào Chúa thực sự muốn con rời xa gia đình không? Có thể nào một Thiên Chúa yêu thương lại muốn con gây đau khổ cho người khác không?" Và trong cái tăm tối tuyệt vọng ấy, tất cả những gì tôi nghe được là tiếng của Người, những lời mà tôi vừa mới đọc trong Phúc Âm Mát-thêu:

Ai coi tình yêu cha mẹ trên tình yêu Thầy thì không đáng thuộc về Thầy, và ai yêu con cái mình hơn Thầy thì không xứng với Thầy...

Mt 10:37-38

Đức Giêsu không tương nhượng. Người không muốn có sự tranh chấp. Những lời nói nghiêm khắc, khó nghe của Người là những gì tôi không muốn nghe.

Đã quá đủ! Tôi không thể chịu nổi áp lực đó nữa. Bất thần tôi chạy ngược về nhà, gọi ông tài xế Manzur và công bố một điều làm bà quản gia sững sốt là tôi sẽ đi Rawalpindi. Tôi sẽ đi vắng trong vài ngày. Nếu có gì cần, bà có thể gặp tôi tại nhà cô con gái. Ông Manzur chở tôi đến Rawalpindi, trong vài ngày ấy tôi đi mua sắm dầu thơm, quần áo và đồ chơi cho bé Mahmud. Thật không ngạc nhiên là khi tiếp tục vui chơi miệt mài, tôi thấy mình càng xa dần với sự âm áp của sự Hiện Diện của Người. Có lần khi người bán hàng giở tấm vải ra để cho tôi xem đường nét thêu thùa sang trọng có dát ngọc, bỗng dưng tôi nhìn thấy hình thập giá trong các đường nét ấy. Tôi gất gồng với người bán hàng rồi bỏ đi. Sáng hôm sau, tôi trở về làng Wah mà vẫn chưa quyết định vẫn giữ đạo cũ hay trở nên một Kitô Hữu.

Một buổi tối sau đó khi thư thái bên lò sưởi, tôi thấy mình lại cầm cuốn Phúc Âm lên. Cháu Mahmud đã đi ngủ. Căn phòng thật vắng lặng. Tiếng gió đông rít qua cửa sổ, tiếng lửa bập bùng tí tách.

Tôi đọc một hơi hết tất cả các Phúc Âm và Công Vụ Tông Đồ, và tối hôm ấy tôi đã đến cuốn cuối cùng của Kinh Thánh. Tôi bị mê hoặc với sách Khải Huyền, dù hiểu rất ít. Tôi đọc như thể bị ra lệnh, một sự tin tưởng kỳ lạ. Và bỗng dưng tôi gặp một câu khiến căn phòng như đảo lộn. Đó là câu thứ 20 của chương ba sách Khải Huyền:

Này đây, Ta đứng gõ cửa. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào nhà người ấy và ăn uống với người ấy, và người ấy ở với Ta.

Và dùng bữa với Người, và Người ở với tôi!

Tôi sửng sờ kinh ngạc, cuốn sách rơi xuống lòng.

Điều đó tôi đã thấy trong giấc mơ, Đức Giêsu ăn uống với tôi! Lúc bấy giờ tôi đâu biết gì về sách Khải Huyền. Tôi nhắm mắt lại và một lần nữa tôi có thể thấy Đức Giêsu ngồi ở đầu bàn đối diện, tôi có thể cảm được nụ cười thân thiện của Người, được Người chấp nhận lời mời. Và tại sao, có cả sự vinh quang nữa! Cũng giống như đã từng xảy ra với Chúa Cha. Đó là sự vinh quang thuộc về sự Hiện Diện của Người!

Bây giờ tôi biết rằng giấc mơ ấy đến từ Thiên Chúa. Ý nghĩa thật rõ ràng. Tôi có thể chấp nhận Người, hay từ chối Người. Tôi có thể mở cửa, mời Người vào ở với tôi, hay tôi có thể đóng cửa lại. Tôi phải quyết định ngay bây giờ, cách này hay cách khác.

Tôi quỳ xuống trước lò sưởi và quyết định.

"Chúa ơi, đừng chờ đợi gì nữa. Xin bước vào cuộc đời con. Từng chút gì của con đều mở ra cho Ngài." Tôi không phải khó nhọc lo nghĩ về những gì sẽ xảy đến. Tôi đã Xin Vâng. Đức Kitô giờ đây trong cuộc đời tôi, và tôi biết điều đó.

Thật tốt đẹp không thể chịu nổi. Chỉ trong một vài ngày, tôi đã được gặp Thiên Chúa Cha và Thiên Chúa Con. Tôi đứng dậy và chuẩn bị giường ngủ, đầu óc tôi quay cuồng. Tôi có dám đi thêm một bước nữa không? Tôi nhớ trong sách Công Vụ Tông Đồ, vào ngày lễ Ngũ Tuần, Đức Giêsu đã thanh tẩy các môn đệ của Người với Thánh Thần. Tôi có phải theo đúng khuôn khổ ấy không? Vừa ngả đầu trên gối, tôi nói: "Chúa ơi, con không có ai hướng dẫn ngoại trừ Chúa, chính Chúa. Nếu Chúa muốn con được Rửa Tội trong Thánh Thần thì dĩ nhiên con muốn những gì Chúa muốn. Con đã sẵn sàng." Tôi thiếp đi vào giấc ngủ với nhận thức rằng tôi đã phó thác hoàn toàn trong tay Chúa.

Lúc ấy trời còn tối khi tôi giật mình thức giấc trong một trạng thái hăng hái chờ đợi vào sáng ngày 12 tháng Mười Hai 1966. Tôi nhìn đồng hồ dạ quang, kim chỉ 3 giờ. Căn phòng thật lạnh nhưng tôi bừng cháy với sự kích động.

Tôi chui ra khỏi giường và quỳ trên tấm thảm lạnh. Khi ngược mắt lên, dường như tôi thấy một luồng sáng lớn. Những giọt nước mắt nóng hổi chảy dài trên má khi tôi giang tay ra với Người, tôi kêu lớn: "Ôi Thiên Chúa Cha, xin hãy rửa con với Thần Khí của Người!"

Tôi cầm lấy Kinh Thánh và mở ra đoạn Chúa nói:

Gio-an làm phép rửa bằng nước, còn anh em thì trong ít ngày nữa sẽ chịu phép rửa trong Thánh Thần.
CVTD 1:5

Tôi kêu lên, "Lạy Chúa, nếu những lời Chúa là sự thật, xin ban phép rửa này cho con ngay bây giờ." Tôi úp mặt trên sàn lạnh lẽo và than khóc, "Chúa ơi, con sẽ không bao giờ ra khỏi nơi đây nếu Chúa không ban phép rửa này cho con." Bỗng dưng, tôi ngập tràn kinh ngạc và kính sợ. Vì trong căn phòng vắng lặng ấy tôi thấy diện mạo của Người. Một điều gì dâng trào qua người tôi, từng đợt sóng của đại dương tinh khiết dồn dập, tràn ngập tôi cho đến tận ngón tay, ngón chân, tẩy rửa linh hồn tôi.

Sau đó những đợt sóng vũ bão biến mất, đại dương siêu phàm yên tĩnh trở lại. Tôi hoàn toàn trong sạch. Niềm vui như bùng nổ trong tôi và tôi lớn tiếng ngợi khen, cảm tạ Người.

Nhiều giờ sau, tôi cảm thấy như Chúa nâng tôi lên khỏi mặt đất. Ngài muốn tôi đứng dậy. Tôi nhìn ra cửa sổ, lúc bấy giờ đã tảng sáng.

Khi nằm trên giường, tôi nói, "Ôi lạy Chúa. Thiên đàng mà Chúa nói đến có thể nào đẹp hơn điều này không? Được biết Chúa là niềm vui, được thờ phượng Chúa là hạnh phúc, được gần Chúa là bình an. Đây là thiên đàng!"

Tôi không nghĩ là mình ngủ được hai giờ vào sáng hôm ấy. Các dây tở vào phòng giúp tôi mặc quần áo không biết tự lúc nào. Đó là buổi sáng đầu tiên tôi đã không nặng lời với họ. Thay vào đó là một bầu khí thanh thản và an bình trong căn phòng ngập nắng. Cô Raisham vừa ngân nga bài hát vừa chải tóc cho tôi, đó là điều chưa bao giờ nó làm.

Cả ngày hôm ấy, tôi thơ thẩn trong nhà, thỉnh thoảng ca tụng Chúa, thật khó để kềm chế niềm vui trong con người của mình. Trưa hôm ấy, cháu Mahmud vào phòng ăn và nói, "Sao ngoại lúc nào cũng cười vậy. Có gì vậy ngoại?"

Tôi bước đến vò mái tóc đen nhánh của nó. "Chị cho nó ít bánh halwa." Tôi nói với bà bếp. Món ăn này làm bằng bột, với chút mỡ và đường là món nó thích lắm. Tôi nói với Mahmud là mình sẽ mừng lễ Giáng Sinh tại nhà ông bà Mitchell.

"Giáng Sinh?" Mahmud thắc mắc.

"Đó là ngày lễ, hơi giống Ramazan," tôi trả lời. Nói vậy, nó hiểu ngay. Ramazan là một tháng trong năm của Hồi Giáo, khi Ngôn Sứ Môhamét nhận được sự thụ khải đầu tiên. Do đó, kể từ đó trở đi, trong tháng này người Hồi Giáo ăn chay từ bình minh đến chiều tối, cho đến khi tiếng trống báo hiệu từ đền thờ phát ra thì chúng tôi tha hồ ăn uống với những bánh trái, thịt thà. Tôi nghĩ rằng Giáng Sinh hơi giống Ramazan. Và đúng vậy. Khi ông David ra đón chúng tôi ở trước cửa, mùi thơm của thức ăn tỏa ra từ người ông, và tiếng cười dòn dã ngập cả căn phòng.

"Mời vào! Mời vào" ông reo lên vui mừng và đưa chúng tôi vào căn phòng đầy tinh thần của ngày lễ. Một cây Noel ở góc phòng và tiếng cười đùa của hai đứa con ông bà Mitchell, lớn hơn Mahmud một chút, phát ra từ căn phòng kế cận. Mahmud vui mừng nhập bọn.

Tôi không thể giấu được niềm vui. Tôi nói lớn, "Ông Đavít ơi," lần đầu tiên tôi dùng tên gọi của ông mà không suy nghĩ, "bây giờ tôi là một Kitô Hữu! Tôi đã được rửa tội trong Thánh Thần?"

Ông sững sờ nhìn tôi trong giây lát, rồi mời tôi vào phòng khách. "Ai nói cho bà biết về sự Thanh Tẩy trong Thánh Thần?" ông hỏi tôi với đôi mắt mở lớn. Rồi ông vui mừng ca tụng Thiên Chúa. Khi nghe ông lớn tiếng kêu "Allêluia", bà Synnove vội vã từ bếp đi vào và ông Đavít lại hỏi tôi "Ai nói với bà?"

Tôi cười, "Đức Giêsu nói với tôi. Tôi đọc thấy điều ấy trong sách Công Vụ Tông Đồ; tôi xin Chúa và Người ban cho tôi."

Cả hai ông bà ngơ ngác. Nhưng sau đó họ vội chạy đến tôi. Bà Synnove ôm lấy tôi và tràn trề nước mắt. Ông Đavít cũng vậy. Sau đó cả ba chúng tôi đứng đó, tay trong tay, ca tụng Thiên Chúa vì những gì Người đã thực hiện.

Tối hôm ấy, tôi bắt đầu viết nhật ký, ghi lại tất cả những điều kỳ diệu mà Chúa đã làm cho tôi. Nếu tôi phải chết--và tôi không biết điều gì sẽ xảy đến cho tôi một khi tiếng đôn ra ngoài rằng tôi đã trở nên một Kitô hữu--tôi thiếu tôi muốn những cảm nghiệm của tôi được ghi lại thì vẫn còn đó. Khi ngồi ở bàn giấy ghi lại các cảm nghiệm, tôi không ngờ rằng Người cũng đang chuẩn bị để dạy bảo tôi.

Chương 6

BIẾT CÁCH TÌM SỰ HIỆN DIỆN CỦA NGƯỜI

Trong vài ngày tiếp đó, vài điều ngạc nhiên đã xảy ra cho tôi sau ba lần gặp gỡ.

Trước hết, tôi thấy mình được cảm nghiệm các giấc mơ hay thị kiến, nhưng không giống như hai giấc mơ trước mà đã khởi sự một cuộc phiêu lưu không thể tin được. Thật vậy, cảm nghiệm thứ nhất khiến tôi run rẩy. Vào một buổi chiều khi tôi đang nằm nghỉ và suy nghĩ về Chúa, bỗng dưng tôi thấy mình lơ lửng trên không và bay thẳng ra cửa sổ. Tôi biết chắc là không ngủ mê và thấy mình bay ngang qua các tấm rèm cửa, tôi liếc mắt nhìn xuống đất ở bên dưới. Sợ hãi quá tôi hét lên, bỗng dưng tôi lại thấy mình nằm trên giường. Tôi bàng hoàng sửng sốt, hơi thở vội vàng, cảm thấy đôi chân râm ran như vừa mới trải qua một giấc ngủ, và sau đó máu dồn đập trở lại.

"Lạy Chúa, đó là gì vậy?" Tôi thầm hỏi. Và rồi tôi nhận ra rằng Người muốn ban cho tôi một cảm nghiệm đặc biệt. Tôi ngó lơ, "Con xin lỗi Chúa, vì con quá nhát quá."

Đêm hôm đó lại xảy ra điều ấy. Nhưng lần này tôi nói với Chúa trong cảm nghiệm và thưa rằng tôi không sợ nữa. Khi trôi qua cửa sổ tôi chỉ nghĩ rằng mình đang "lơ lửng" trong một phương cách tâm linh. Tôi hỏi: "Nhưng như vậy để làm gì, thưa Chúa?"

Quay về với Kinh Thánh tôi tìm kiếm Lời Người để xem có câu gì liên hệ, và tôi cảm thấy sợ hãi khi nghĩ rằng có thể đây là một điều gì không thuộc về Chúa.

Tôi thở phào nhẹ nhõm khi thấy trong Công Vụ Tông Đồ (8:39) có nói về Thần Khí của Chúa bỗng dưng đưa Philip ra khỏi phạm vi thành Azotus sau khi rửa tội cho một thái giám người Ethiopia.

Sau đó tôi được vững tin hơn nữa khi đọc trong thư thứ hai của Thánh Phaolô gửi cho tín hữu ở Côrintô. Trong chương 12, khi nói về thị kiến và mặc khải của Chúa, ngài viết về một người "được nhắc lên tới tầng trời thứ ba". Ngài viết chỉ có Chúa mới biết đó có thực là một cảm nghiệm về thể lý hay không, và tôi cũng cảm thấy giống như vậy. Như Thánh Phaolô có viết thêm: "Người này được nghe những lời ... mà không thể diễn tả trong ngôn ngữ loài người."

Tôi cũng được nghe những lời mà không thể diễn tả nhưng không bao giờ tôi quên được những cảnh tượng ấy. Trong một lần cảm nghiệm, tôi thấy một tháp chuông vươn cao tới thiên đàng; bỗng dưng trước mắt tôi là hàng trăm nhà thờ, mới có, xưa có, với đủ loại kiến trúc, và tiếp đó là một nhà thờ bằng vàng thật đẹp. Cảnh tượng lại thay đổi và tôi thấy các trung tâm thành phố lướt qua, các đại siêu thị cũng như khu thị tứ xa xưa. Tất cả thật rõ ràng; tôi có thể nhận ra các tòa nhà chọc trời, các tháp đồng hồ cao vút, và các dinh thự trang hoàng cách kỳ lạ.

Sau đó tim tôi như ngừng đập khi thấy một người cười trên con ngựa đỏ, tay phải cầm thanh gươm; ông ta phi ngựa đây đó trên mặt đất dưới các đám mây. Thình thoảng ông ta lại trôi lên cho đến khi đầu đụng các đám mây, và thình thoảng con ngựa lại cào cào trên mặt đất.

Tôi luôn nghĩ rằng những điều này được ban cho tôi với một lý do đặc biệt, dù chưa được biết.

Tôi cũng thấy rằng bây giờ khi đọc Kinh Thánh tôi cảm nghiệm khác hơn trước. Thình thoảng tôi thấy mình như đi vào cuốn sách; thay vì đọc Kinh Thánh, tôi thấy mình sống Kinh Thánh. Như thể tôi bước

qua các trang sách để đi vào thế giới xa xưa của Palestine khi Đức Giêsu Kitô còn bước trên các con đường sỏi đá ở Galilê. Tôi nhìn thấy Người rao giảng và dạy bảo, khi Người sống sứ điệp của Người trong đời sống hàng ngày, và khi Người cho thấy quyền năng của Thần Khí, và sau cùng khi Người vượt qua thập giá và chiến thắng sự chết.

Tôi cũng ngạc nhiên khám phá thấy rằng ảnh hưởng của việc đọc Kinh Thánh bắt đầu được cảm nhận bởi người khác. Điều này xảy ra ngay trong nhà vào một buổi sáng nọ khi các đầy tớ chuẩn bị cho tôi rửa mặt. Cô Nur-jan đang bày biện các chiếc lược trên khay bằng bạc thì nó làm đổ xuống sàn. Cả một tiếng loảng xoảng thật lớn. Nó sững người, trở mắt nhìn; tôi biết là nó đang chờ đợi lời chửi rủa của tôi. Thật vậy, tôi cũng vừa định khiển trách thì bình tĩnh lại. Thay vì nặng lời, tôi nói, "Không có gì, Nur-jan. Chưa có vỡ mà."

Sau đó một sự can đảm đặc biệt từ từ phát triển trong tôi. Cho tới lúc đó tôi vẫn sợ người khác biết là tôi yêu quý Đức Kitô. Vì thứ nhất, tôi cảm thấy sợ hãi khi nghĩ rằng người ta sẽ diễu cợt về "bà Begum quét đường." Ngoài ra, tôi sợ cả dòng họ sẽ tẩy chay tôi. Cha của bé Mahmud có thể tìm cách đưa nó đi. Tôi sợ ngay cả những người cuồng tín sẽ quyết tâm thi hành mệnh lệnh: ai tách khỏi đức tin thì phải chết.

Do đó tôi không thực sự muốn được thấy tại nhà ông bà Mitchell. Nhóm phụ nữ đến nhà ông bà Mitchell vào tối hôm ấy vẫn là điều tôi lo lắng. Các gia nhân của tôi chắc chắn đã biết có điều gì khác lạ xảy ra cho tôi. Tất cả các điều ấy làm tôi luôn sống trong trạng thái bất an, không biết khi nào thì áp lực ấy bắt đầu xảy ra.

Nhưng sau ba lần gặp gỡ với Chúa, một ngày kia tôi ngạc nhiên khi thấy mình tự thú nhận. Đối với tôi, quyết định trở thành một Kitô Hữu đã được nhiều người biết. Như Kinh Thánh có viết, tôi đã "tuyên xưng Chúa Giêsu với chính miệng lưỡi tôi." "Nếu vậy," tôi tự nhủ, "để xem kết quả như thế nào."

Tôi không ngờ kết quả lại đến mau như vậy. Sau Giáng Sinh 1966 không lâu, một gia nhân đến với tôi, đôi lông mày nó cau lại, và nói: "Thưa bà, bà Mitchell đang ở đây đợi bà."

"Ô vậy à?" tôi trả lời, cố gắng ra vẻ tự nhiên, "mời bà ấy vào." Tim tôi đập mạnh khi bước ra cửa đón khách. "Thật hân hạnh để được bà đến thăm," tôi nói lớn hơn thường lệ, cốt để người gia nhân nghe.

Bà Synnove đến mời tôi ăn cơm tối. "Sẽ có một vài người khác nữa mà chúng tôi nghĩ là bà rất muốn gặp," bà cho biết như vậy.

Những người khác? Tôi cảm thấy một bức tường ngăn cách đang vươn lên trong người. Chắc là bà Synnove bắt gặp ánh mắt do dự của tôi nên trấn an. "Hầu hết họ là Kitô Hữu. Một số là người Anh, một số là người Hoa Kỳ. Bà đến chứ?" Đôi mắt bà có vẻ khản khoản.

Và dĩ nhiên--với sự hăng hái nhiều hơn tôi nghĩ--tôi trả lời là tôi rất vui mừng.

Tôi tự hỏi tại sao nhiều Kitô Hữu lại thường hay e thẹn! Trước đây tôi từng tiếp xúc với người tín hữu Kitô trong các bữa tiệc cấp quốc gia mà tôi khoản đãi với tư cách phu nhân của một viên chức chính phủ. Bữa tiệc là các biến cố chính thức, được hầu hạ bởi các gia nhân mặc đồng phục, trong căn phòng sang trọng, giữa một rừng hoa tươi; các bài diễn văn lê thê, với các món ăn được bày biện trên các đĩa sứ đắt tiền. Trong số khách được mời, có nhiều tín hữu Kitô thuộc các quốc gia khác nhau, nhưng không ai trong họ đề cập đến đức tin của họ, ngay cả khi đó là điều tự nhiên trong lúc trò chuyện. Những người ở nhà ông bà Mitchell, tôi nghĩ, sẽ không quá lạc hậu.

Hôm sau, tôi lái xe đến nhà ông bà Mitchell mà con đường ấy giờ đây đã trở nên quen thuộc. Ông David và bà Synnove đón tiếp tôi cách nồng hậu và giới thiệu tôi với các bạn của họ. Tôi tự hỏi mình sẽ cảm thấy gì khi thực sự biết được vai trò quan trọng của những người mà họ sẽ ảnh hưởng đến đời tôi.

Đôi vợ chồng đầu tiên là ông bà Ken và Marie Old. Ông Ken là người Anh có đôi mắt xanh hóm hình chớp liên hồi sau cặp kính dây cột. Ông là một kỹ sư công chánh với dáng vẻ rất thân thiện. Bà vợ ông là một y tá người Hoa Kỳ với dáng vẻ thực tế được bù đắp với nụ cười duyên dáng. Những người khác cũng rất thân thiện.

Và rồi tôi hoảng sợ khi thấy mình được mọi người chú ý. Ai ai cũng nóng lòng muốn nghe những cảm nghiệm của tôi. Điều tôi mong đợi là một bữa tiệc thăm lặng đã trở nên quãng thời gian hỏi và trả lời. Phòng ăn trở nên thinh lặng--ngay cả một vài đứa trẻ cũng ngồi im--khi tôi kể về các giấc mơ, và về những lần gặp gỡ khác nhau với ba ngôi của Thiên Chúa. Vào cuối bữa ăn, ông David khen các món ăn của bà vợ, nhưng ông nói thêm là qua câu chuyện của tôi, ông cảm thấy thực phẩm thiêng liêng lại càng bổ ích hơn.

"Tôi đồng ý," ông Ken Old lên tiếng. "Tôi từng thấy bà trước đây, bà biết không. Tôi từng sống ở làng Wah. Mỗi sáng tôi thường đi qua khu vườn nhà bà để ngắm các bông hoa. Đôi khi tôi thấy bà trong vườn nhưng tôi phải nói là bà khác hơn trước." Tôi hiểu ông ấy muốn nói gì. Vài tháng trước đây, Bilquis Sheikh là một người không bao giờ mỉm cười. "Bà giống như một đứa trẻ," ông Ken nói tiếp, "mà bỗng dưng được một món quà. Qua khuôn mặt của bà tôi thấy được sự kỳ diệu của món quà ấy. Bà trân quý món quà ấy hơn bất cứ điều gì khác."

Tôi có vẻ thích ông này.

Tôi vui vẻ trò chuyện với các người khác, và nhận thấy rằng mình đúng. Những Kitô Hữu này rất khác với các tín hữu mà tôi đã từng gặp trong các buổi tiệc tùng. Trước khi buổi họp mặt chấm dứt, mỗi người lần lượt nói lên cảm nghiệm riêng tư của mình với Thiên Chúa. Ông David nói đúng. Bữa ăn thật ngon, nhưng sự nuôi dưỡng thực sự thì lại xuất phát từ sự Hiện Diện trong căn nhà nhỏ bé đó. Từ trước đến giờ, chưa bao giờ tôi được cảm nghiệm như vậy, và tôi thấy mình ao ước được nuôi dưỡng như thế một cách đều đặn.

Đó là lý do tại sao lời nhận xét của ông Ken đã gây ấn tượng mạnh mẽ nơi tôi, khi tôi chuẩn bị từ giã. Ông bà Ken và Marie tiến đến cầm lấy tay tôi. Ông nói, "Bà Bilquish này, bà sẽ cần có những buổi hiệp thông Kitô Giáo thường xuyên. Mời bà đến nhà chúng tôi vào tối Chúa Nhật này nhé."

"Bà đến nhé?" bà Marie phấn khởi hỏi thêm.

Và điều đó đã đưa tôi vào các cuộc họp thường xuyên với các Kitô Hữu khác. Các tối Chúa Nhật chúng tôi gặp nhau tại nhà ông bà Old, đó là một căn nhà gạch mà phòng khách khó có thể chứa nổi hơn mười người. Chỉ có hai người là Pakistan, còn lại là người Hoa Kỳ và người Anh. Tôi cũng gặp các người mới, như ông bà tiến sĩ Christy. Ông bác sĩ Hoa Kỳ nhỏ nhắn này là chuyên gia về mắt và bà vợ là y tá. Cả hai thuộc ban giám đốc một bệnh xá truyền giáo địa phương. Trong các cuộc họp, chúng tôi ca hát, đọc Kinh Thánh, và cầu nguyện cho các nhu cầu của từng người. Không bao lâu, điều đó đã trở nên cao điểm của tuần lễ.

Và rồi một Chúa Nhật kia, tôi cảm thấy không muốn đến đó. Tôi gọi điện thoại cho ông bà Old và đưa ra các lý do bào chữa. Đường như đó chỉ là chuyện nhỏ, nhưng ngay sau đó tôi cảm thấy bất an. Cái gì vậy! Tôi rảo quanh nhà không ngừng để xem xét các công việc của đầy tớ. Mọi sự đều ngăn nắp, tuy nhiên mọi sự lại dường như xáo trộn.

Sau đó tôi bước vào phòng riêng và quỳ xuống cầu nguyện. Một lát sau, cháu Mahmud lên vào, thật âm thầm đến độ tôi không biết mãi cho đến khi nó nắm lấy tay tôi. Nó hỏi, "Ngoại có sao không? Trông ngoại mắc cười quá." Tôi mỉm cười và trấn an nó, ngoại không sao. "Sao ngoại cứ đi lòng vòng trong nhà như tìm kiếm cái gì vậy. Bộ ngoại mất đồ hả?"

Sau đó nó bỏ ra ngoài. Tôi trông như mất cái gì đó?! Mahmud nói đúng. Và ngay lúc đó tôi biết mình bị mất gì. Tôi mất mát không được cảm nghiệm sự vinh hiển của Thiên Chúa. Tại sao vậy? Điều đó có liên hệ gì đến việc tôi không đi tham dự cuộc họp ở nhà ông bà Old không? Có liên hệ gì đến sự hiệp thông mà tôi cần hay không?

Tôi vội điện thoại cho ông Ken và cho biết tôi sẽ đến họp.

Thật là khác biệt. Ngay lập tức tôi cảm thấy, thực sự cảm thấy, sự ám áp trở lại với linh hồn tôi. Tôi đến họp như đã hứa. Không có gì bất thường xảy ra ở đó, tuy nhiên tôi lại cảm thấy mình bước đi trong sự vinh hiển của Người. Ông Ken nói đúng. Tôi cần sự hiệp thông. Tôi học được bài học. Tôi quyết định từ nay trở đi tôi sẽ tham dự thường xuyên trừ khi chính Chúa Giêsu bảo tôi đừng đến.

Khi được kéo đến gần Chúa Giêsu hơn, tôi thấy có những bước đây đó. Tôi thấy mình ngày càng khao khát lời Chúa trong Kinh Thánh. Hàng ngày, ngay sau khi thức giấc, tôi đọc Kinh Thánh với một cảm nhận sống động. Kinh Thánh trở nên sống động đối với tôi, soi dẫn cho tôi, toả sáng cho từng bước tôi đi. Thật vậy, Kinh Thánh là dầu thơm tôi ưa thích. Nhưng ở đây tôi cũng tìm thấy một điều kỳ lạ. Một ngày kia Mahmud và tôi sửa soạn đi thăm mẹ của nó. Vì tôi hôm ấy tôi đi ngủ trễ nên không cảm thấy muốn thức dậy sớm đọc Kinh Thánh, tôi bảo nhỏ Rasham đánh thức tôi dậy với bình trà nóng trước khi đi.

Đêm hôm ấy tôi không ngủ được. Tôi trần trọc, xoay trở luôn và mơ thấy ác mộng. Khi nhỏ Rasham bước vào, tôi thực sự mệt lả. Và tôi nhận thấy rằng cả ngày hôm ấy không có gì trôi chảy cả.

Thật lạ lùng! Chúa muốn nói với tôi điều gì? Có phải Người muốn tôi đọc Kinh Thánh hàng ngày không?

Đó là lần thứ hai tôi cảm thấy như bước ra khỏi sự hiện diện vinh hiển của Người.

Tuy nhiên, cảm nghiệm ấy đã để lại cho tôi một cảm giác phấn khởi kỳ lạ. Vì tôi cảm thấy là mình đang được tham dự vào một chân lý quan trọng mà không biết. Có những lần tôi được ở trong sự Hiện Diện và cảm thấy một niềm vui và bình an sâu xa, và có những lần khi tôi mất đi sự Hiện Diện của Người.

Đâu là yếu tố then chốt? Tôi có thể làm gì để được gần với Người?

Tôi nghĩ lại những lần khi Người dường như thật gần với tôi, mãi từ hai giấc mơ và cái buổi chiều tôi được ngửi hương thơm tuyệt vời trong khu vườn mùa đông. Tôi nghĩ đến lần đầu tiên khi đến nhà ông bà Mitchell và những lần sau này khi tôi đọc Kinh Thánh thường xuyên, và tham dự cuộc họp Chúa Nhật ở nhà ông bà Old. Hầu như đây là những lần mà tôi biết rõ Chúa ở với tôi.

Và tôi cũng nghĩ về những lần trái ngược, khi tôi biết đã đánh mất cảm nhận được gần gũi với Người. Trong Kinh Thánh nói gì? Đừng làm phiền lòng Thánh Thần của Thiên Chúa (Êphêso 4:30). Đó có phải

là khi tôi la mắng các đầy tớ? Hay khi tôi không đọc Kinh Thánh thường xuyên để nuôi dưỡng linh hồn tôi? Hay khi tôi không đến họp ở nhà ông bà Old?

Một phần của yếu tố then chốt để được ở trong tình bạn với Người là sự vâng phục. Khi tôi vâng phục, tôi được phép ở trong sự Hiện Diện của Người.

Tôi lật Kinh Thánh ra và tìm trong Gioan mãi cho đến khi tôi gặp được câu nói của Chúa Giêsu:

"Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha của Thầy sẽ yêu mến người ấy, và chúng ta sẽ đến và ở lại trong người ấy" (Gioan 14:23)

Đó là kiểu cách diễn tả của Phúc Âm về điều mà tôi muốn nói. Ở trong sự vinh hiển. Đó là điều mà tôi cố gắng thực hiện!

Và then chốt là sự vâng phục. Tôi cầu nguyện, "Ôi Cha ơi. Con muốn trở nên tôi tớ Cha, như được viết trong Kinh Thánh. Con sẽ vâng lời Cha. Con luôn nghĩ đó là sự hy sinh khi từ bỏ ý riêng mình. Nhưng đó không phải là hy sinh vì nó giúp con được gần với Cha. Làm thế nào mà sự Hiện Diện của Cha lại là sự hy sinh được!"

Tôi chưa bao giờ quen với những lần khi Chúa dường như trực tiếp nói với tâm trí tôi, như khi sau này tôi tin thực là như vậy. Có ai khác ngoài Thiên Chúa là người yêu cầu tôi tha thứ cho người chồng cũ! Bilquis, hãy yêu thương người chồng. Hãy tha thứ cho hắn.

Trong giây lát, tôi ngồi đó sững sờ bất động. Cảm được tình yêu của Chúa khi yêu thương tha nhân nói chung thì rất khác với yêu thương một người mà họ đã làm tôi đau khổ nhiều.

"Cha ơi, con không thể làm điều đó được. Con không muốn tha thứ hay chúc lành cho Khalid." Tôi nhớ có lần thật trẻ con khi tôi xin Chúa đừng hoán cải chồng cũ của tôi để ông ta không có được niềm vui như tôi từng có. Và giờ đây Thiên Chúa lại yêu cầu tôi yêu thương người này sao? Tôi cảm thấy sự giận dữ dâng trào trong người khi tôi nghĩ về Khalid, và mau mắn gạt ông ta ra khỏi tâm trí. "Lạy Chúa, con có thể quên hắn. Như vậy đủ chưa?"

Đó có phải là sự tưởng tượng của tôi hay sự rực sáng của sự Hiện Diện Chúa đã ra lạnh lẽo? "Lạy Chúa, con không thể tha thứ cho chồng con. Con không có sức để làm điều đó."

Ách của ta thì dễ dàng và gánh của ta thì nhẹ nhàng (Mt. 11:30)

Tôi kêu lên, "Chúa ơi, con không thể nào tha thứ cho hắn!" Sau đó tôi kể ra biết bao điều xấu xa mà hắn đã làm cho tôi. Khi kể như vậy, các vết thương khác lại lộ ra, đó là những đau khổ tôi cố quên đi vì thật nhục nhã khi nghĩ đến. Lòng căm thù ăn sâu trong người tôi và giờ đây tôi cảm thấy tách biệt khỏi Thiên Chúa. Quá sợ hãi, tôi khóc lóc như một đứa trẻ lạc loài.

Và thật lạ lùng, thật mau lẹ, Người ở đó với tôi trong căn phòng. Phủ phục dưới chân Người, tôi xưng thú lòng căm thù và sự bất lực để tha thứ.

Ách của ta thì dễ dàng và gánh của ta thì nhẹ nhàng.

Một cách dần dần, quyết liệt, tôi trao gánh nặng của tôi cho Người. Tôi trút bỏ sự oán giận, sự đau khổ, và sự tổn thương đã ung thối, đặt tất cả trong bàn tay của Người. Bỗng dưng tôi cảm thấy một tia sáng loé

lên trong tôi, như tia bình minh. Thở ra nhẹ nhàng, tôi bước vội đến tủ áo và lôi ra một tấm ảnh trong khung vàng và nhìn vào khuôn mặt của Khalid. Tôi cầu nguyện: "Ôi lạy Cha, xin hãy lấy đi sự oán hờn của con và lấp đầy con với tình yêu của Ngài dành cho Khalid, nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa Cứu Thế."

Tôi đứng đó một hồi lâu, nhìn vào tấm ảnh. Từ từ, tâm tình xấu xa của tôi bắt đầu phai nhạt. Trong khung cảnh ấy một tình yêu bất ngờ xảy đến, một cảm nhận chăm sóc cho người ở trong hình. Tôi không thể tin được. Tôi thực sự ao ước cho người chồng cũ của tôi được lành mạnh.

"Lạy Chúa, xin chúc lành cho anh ấy, hãy ban cho anh ấy niềm vui, hãy để anh ấy hạnh phúc trong đời sống mới."

Khi tôi thắm thì nói những lời này, đám mây đen như cát khỏi tôi. Một sức nặng được lấy đi khỏi linh hồn tôi. Tôi cảm thấy bình an, thư thái.

Một lần nữa tôi lại cảm thấy mình sống trong vinh hiển của Người.

Và một lần nữa tôi thấy mình muốn được ở mãi với Người. Để nhắc nhở tôi về khao khát này, tôi bước xuống lầu, dù trời đã khuya, và tìm một ít phẩm nhuộm. Tôi vẽ một thập giá lớn vào lưng hai bàn tay để luôn luôn nhắc nhở tôi.

Nếu có gì để nói về điều đó thì tôi sẽ không bao giờ tự ý bước ra khỏi tình bạn với Người.

Tôi biết chắc phải mất một thời gian khá lâu để học được cách sống trong sự vinh hiển của Người, nhưng đó là thời gian huấn luyện mà tôi vui mừng đón nhận.

Và sau đó trong một đêm kia tôi có được cảm nghiệm kinh khủng. Tôi không biết đó có phải là từ phía bên kia.

Chương 7

RỬA TỘI BẰNG LỬA VÀ NƯỚC

Trong một đêm tháng Giêng 1967 tôi đang ngủ say thì giật mình thức giấc vì chiếc giường rung lên dữ dội.

Động đất? Tim tôi thất lại vì những lo sợ không tên. Và sau đó tôi cảm thấy một sự hiện diện ác độc khủng khiếp trong căn phòng; chắc phải là ma quỷ.

Bỗng dưng tôi bị quăng ra khỏi giường; trong thân xác hay trong tinh thần tôi cũng không rõ. Nhưng tôi bị xô đẩy và quăng ném như một cọng rơm trong cơn bão. Khuôn mặt của cháu Mahmud chợt hiện ra và tim tôi gào thét muốn bảo vệ cháu.

Tôi nghĩ, chắc là cái chết đang đến với tôi, linh hồn tôi run rẩy. Sự hiện diện ghê tởm đó trùm lấp tôi như một đám mây đen và theo bản năng tôi kêu gào với Đấng mà giờ đây là tất cả đối với tôi. "Ôi lạy Chúa Giêsu!" Ngay lúc ấy tôi run lên bần bật, như một con chó đang hành hạ con mồi.

"Tôi có sai lầm khi gọi đến Chúa Giêsu không?" Hồn tôi kêu gào Chúa. Lúc ấy một sức mạnh vô bờ tràn qua người tôi và tôi kêu lớn: "Tôi sẽ gọi đến Người! Giêsu! Giêsu! Giêsu!"

Vào lúc ấy sự phá hoại dịu hẳn. Tôi nằm đó thờ phượng và ngợi khen Thiên Chúa. Tuy nhiên, lúc bảy giờ khoảng 3g sáng, mắt tôi nặng trĩu và chìm vào giấc ngủ.

Tôi thức giấc khi nữ Raisham đem trà cho tôi vào buổi sáng. Tôi nằm đó một lát và cảm thấy khuây khỏa. Khi nhắm mắt cầu nguyện, tôi thấy Đức Giêsu Kitô đứng trước mặt. Ngài mặc áo dài trắng và áo choàng tím. Ngài mỉm cười nhân từ và nói, "Đừng lo; sẽ không xảy ra nữa đâu."

Sau đó tôi cảm thấy rằng cái cảm nghiệm đau đớn đó là thuộc Satan, một thử thách mà Chúa Giêsu cho phép vì lợi ích cho chính tôi. Tôi nhớ lại lời kêu tự đáy linh hồn: "Tôi sẽ gọi đến Thánh Danh Người, tôi sẽ kêu Chúa Giêsu Kitô."

Chúa vẫn đứng trước mặt tôi. Người nói, Bilquis, đã đến lúc để con rửa tội trong nước.

Rửa tội trong nước! Tôi nghe những lời đó thật rõ, và tôi không thích.

Sau khi thay quần áo tôi nói với Raishan và Nur-jan đừng để ai quấy rầy tôi cho đến trưa. Tôi đứng ở cửa sổ suy tư. Không khí buổi sáng lạnh lạnh và hơi nước bốc lên từ khu vườn mùa xuân. Tôi biết sự quan trọng của việc rửa tội thì không thể nào bị bỏ qua trong thế giới Hồi Giáo. Một người có thể đọc Kinh Thánh mà không tạo nên sự thù nghịch quá đáng. Nhưng rửa tội là một vấn đề khác. Đối với Hồi Giáo, đây là dấu chỉ hiển nhiên rằng người hoán cải đã từ chối đức tin Hồi Giáo để trở nên một Kitô Hữu. Đối với người Hồi Giáo, rửa tội là chối đạo.

Do đó, đây là một thử thách khó khăn. Vấn đề hiển nhiên được vạch ra. Liệu tôi có đầu hàng khi bị đối xử như một người bị ruồng bỏ, hay tệ hơn nữa, một người phản bội, hay tôi sẽ vâng lời Chúa Giêsu?

Trước hết, tôi phải biết chắc rằng tôi thực sự vâng lời Chúa chứ không phải là một ảo giác. Vì tôi là một Kitô Hữu quá mới mẻ để tin thác vào "những lời đó." Không có gì khảo sát ấn tượng của tôi tốt hơn là Kinh Thánh. Do đó tôi trở về với Kinh Thánh và đọc xem chính Chúa Giêsu đã chịu phép rửa như thế nào ở sông Giođan. Và tôi cũng nhìn đến thư Thánh Phaolô gửi cho tín hữu Rôma khi ngài nói về nghi thức này dưới hình thức chết đi và sống lại. "Người cũ" chết đi, và một tạo vật mới phát sinh, để lại mọi tội lỗi đằng sau.

Thì ra chỉ có vậy. Nếu Chúa Giêsu chịu phép rửa, và nếu Kinh Thánh kêu gọi thì dĩ nhiên tôi sẽ vâng lời.

Ngay sau đó tôi gọi Raisham.

Tôi nói, "Bác tài chuẩn bị xe. Tôi sẽ đi thăm ông bà Olds sau bữa trưa."

Sau đó không lâu một lần nữa tôi lại ngồi trong phòng khách nhỏ bé của ông Ken và bà Marie. Tôi nhìn thẳng vào ông Ken và nói, "Tôi biết chắc rằng Chúa nói với tôi phải được rửa tội."

Ông nhìn tôi một hồi lâu, đôi lông mày hơi nhíu lại, có lẽ ông đang cố thăm dò ý định thâm kín của tôi. Sau đó ông nghiêng người tới trước và nói, rất nghiêm trọng: "Bà có sẵn sàng với những gì có thể xảy ra chưa?"

"Có, nhưng..." tôi chồm trả lời thì ông Ken đã gián đoạn, giọng ông thấp xuống.

"Bà Bilquis này, một người Pakistan mà tôi mới gặp hôm trước hỏi rằng tôi có phải là người quét đường ở quê hương tôi không." Ông nhìn tôi thành khẩn. "Bà có biết rằng kể từ lúc đó trở đi bà không còn là Begum Sheikh, một địa chủ đáng kính với bao thế hệ uy tín nữa không? Từ giờ trở đi bà sẽ bị đồng hóa với những Kitô Hữu quét đường ở đây?"

"Phải," tôi trả lời. "Tôi biết điều đó."

Lời nói của ông càng trở nên chắc nịch và tôi cứng rắn nhìn thẳng vào mắt ông.

Ông nói tiếp, "Và bà có biết là cha của bé Mahmud có thể đem nó đi dễ dàng không? Ông ta có thể gán cho bà là một người giám hộ bất xứng."

Tim tôi thất lại. Tôi luôn lo lắng về điều này, nhưng khi nghe ông Ken nói tôi lại càng cảm thấy điều ấy rất có thể xảy ra.

"Có, tôi biết," tôi trả lời yếu ớt. "Tôi biết nhiều người sẽ nghĩ là tôi đang phạm tội ác. Nhưng tôi muốn được rửa tội, tôi phải vâng lời Thiên Chúa."

Cuộc đối thoại của chúng tôi bỗng dừng bị cắt ngang vì ông bà Mitchell đến. Ngay lập tức ông Ken cho họ biết về những điều quan trọng vừa thảo luận. Ông nói, "Bà Bilquis muốn được rửa tội."

Im lặng. Bà Synnove ho khan.

"Nhưng chúng ta không có cái bồn lớn," ông David lên tiếng.

"Còn nhà thờ ở Peshawar thì sao?" bà Marie hỏi. "Họ có bồn lớn không?"

Tim tôi chùng lại. Peshawar là thủ đô của Tỉnh Biên Giới Tây-Bắc. Nói cho cùng, đó là địa đầu giới tuyến, một tỉnh lẻ đây người Hồi Giáo cực đoan nổi tiếng là hành động hấp tấp. Tôi nghĩ, chẳng có sự bí mật nào có thể giữ được. Cả tỉnh sẽ biết trong vòng một giờ đồng hồ.

Sau cùng ông Ken sẽ sắp xếp cho chúng tôi đến Peshawar. Chúng tôi sẽ được ông mục sư ở đó trả lời trong một vài ngày.

Tối hôm đó điện thoại reo. Đó là Bác Fateh. Tôi rất yêu quý ông. Ông rất thích thú với sự học hỏi tôn giáo của tôi.

"Bilquis?" Giọng nói uy quyền của ông có vẻ khó chịu.

"Có đúng là cháu đang đọc Kinh Thánh không?"

"Phải." Tôi tự hỏi làm sao ông biết. Ông còn nghe những gì nữa không?

Bác Fateh hắng giọng. "Bilquis, đừng bao giờ nói về Kinh Thánh với bất cứ người Kitô Hữu nào. Cháu phải biết họ rất lý lẽ. Lý luận của họ thường đưa đến sự lầm lẫn."

Tôi vừa định cắt ngang thì ông đã lẩn giọng. "Đừng có mời ai...", ông nhấn mạnh "...bất cứ ai mà không hỏi bác! Nếu cháu làm như vậy, cháu biết là cả giòng họ sẽ không bênh vực cháu đâu."

Bác Fateh im lặng một lúc để lấy hơi. Tôi lợi dụng để lên tiếng.

"Bác ơi, nghe cháu nói nè." Một sự căng thẳng gương ép ở đầu giây bên kia. Tôi lên tiếng, "Bác ơi, bác nhớ rằng có ai vào nhà cháu mà không được mời đâu." Tôi từng nổi tiếng là nhẫn tâm từ chối không muốn gặp những người mà không hẹn trước.

Tôi kết luận, "Bác thấy đó, cháu chỉ gặp những người cháu thích mà thôi. Chào bác nhé."

Tôi gác máy điện thoại. Đó có phải là điềm báo trước những điều sẽ xảy đến đối với sự lưu tâm của gia đình tôi? Chỉ mới nghe rằng tôi đọc Phúc Âm mà bác Fateh đã phản ứng dữ dội như vậy, điều gì sẽ xảy ra khi bác và cả gia đình biết tôi rửa tội? Tôi không muốn nghĩ về điều ấy.

Điều đó như thêm dầu vào ngọn lửa nôn nóng muốn được rửa tội ngay lập tức. Tôi không chắc là tôi có thể cưỡng lại những áp lực từ biết bao nhiêu người trong gia đình mà tôi yêu mến.

Chẳng nghe gì từ ông Ken.

Sáng hôm sau khi tôi đọc Kinh Thánh, tôi lại gặp câu chuyện của một thái giám người Ethiopia mà ông Philip đã rao giảng tin mừng của Chúa. Điều đầu tiên ông thái giám thi hành ngay khi trông thấy vũng nước là nhảy xuống cáng để được rửa tội. Như thể Chúa nói với tôi một lần nữa, "Phải rửa tội ngay bây giờ!" Tôi cảm thấy chắc chắn là Người muốn nói như vậy vì nếu tôi đợi lâu hơn nữa, sẽ có điều gì hay ai đó ngăn cản.

Tôi nhảy ra khỏi giường, với một sức mạnh mới tôi cảm thấy có động lực ngăn cản tôi thi hành điều Chúa muốn. Tôi cầm lấy cuốn Kinh Thánh, cho gọi các đầy tớ để giúp tôi thay quần áo và sau đó tôi chạy vội đến nhà ông bà Mitchell.

"Ông David này," tôi lên tiếng khi còn đang đứng ở ngưỡng cửa, "có được trả lời gì từ Peshawar không?"

"Không, vẫn chưa có."

Tôi cao giọng, "Có thể nào ông rửa tội cho tôi ở đây không? Hôm nay? Ngay bây giờ?"

Ông David nhăn mặt. Ông đưa tôi vào nhà tránh cái lạnh lẽo của buổi sáng. "Này bà Bilquis, chúng ta không thể vội vã về một điều lớn lao như vậy."

"Tôi phải vâng lời Thiên Chúa. Người tiếp tục bảo tôi phải vội vã." Tôi kể cho ông nghe bài Kinh Thánh vừa đọc buổi sáng, và về sự nhất định mà Thiên Chúa muốn tôi được rửa tội trước khi bất cứ gì xảy ra cho tôi.

Ông David giơ tay một cách tuyệt vọng. "Tôi phải đưa Synnove lên Abbottabad chiều nay và ngay bây giờ không làm được gì cả."

Ông khoác tay lên vai tôi. "Bà hãy kiên nhẫn. Tôi chắc chắn là chúng ta sẽ được câu trả lời từ Peshawar ngày mai."

Tôi lái xe sang nhà ông bà Olds.

Khi ông bà đón tôi ở cửa, tôi nói lớn, "Làm ơn cho tôi biết có cách nào để tôi được rửa tội ngay lập tức không?"

"Chúng tôi sẽ hỏi vị mục sư của chúng tôi," ông Ken vừa nói vừa cầm tay tôi đưa vào phòng khách. "Mục sư nói vấn đề này phải đi qua một Thử Thức."

"Thử Thức?" tôi hỏi lại, "Đó là cái gì?"

Ông giải thích rằng vị mục sư muốn rửa tội cho tôi nhưng ông phải được sự chấp thuận của ban điều hành hội thánh. Ông nói thêm, "Điều này có thể mất đến vài ngày, và bất cứ gì cũng có thể xảy ra."

Tôi thở dài, "Phải, tiếng sẽ đồn ra ngoài." Một cách tuyệt vọng, tâm trí tôi lướt qua tất cả mọi trường hợp có thể.

Sau đó ông Ken kể cho tôi nghe một điều kinh ngạc. Vào nửa đêm ông nghe có tiếng của một người đàn ông bảo ông "Giờ Kinh Thánh trang 654." Ông nghĩ, thật là một kiểu cách kỳ lạ khi bảo ông mở đoạn Kinh Thánh. Đó là sách ông Job 13:13 và 14, và hai câu này sáng hẳn lên. Ông đọc các câu này mà cảm thấy sung sướng và dường như có ý nghĩa cho tôi. Câu ấy bắt đầu thế này: "Vì sao tôi liều mạng đến một mất một còn? Dù Người giết tôi, tôi vẫn tin thác vào Người."

Tôi có sẵn sàng ngay cả điều này không, tôi tự hỏi? Sự tin thác của tôi có mạnh mẽ như vậy không? Tôi đứng lên và nắm tay ông Ken. "Hãy rửa tội cho tôi ngay bây giờ. Và sau đó, dù Người có giết tôi, tôi sẵn sàng. Ở trên Thiên Đàng với Người thì tốt hơn."

Tôi ngồi sụp xuống ghế và ngược nhìn ông Ken, ngỏ lời xin lỗi. "Tôi xin lỗi ông. Tôi đang bối rối. Nhưng tôi biết một điều: Chúa nói tôi phải được rửa tội ngay bây giờ. Tôi sẽ nói thẳng thừng với ông. Ông có giúp tôi hay không?"

Ông Ken ngồi xuống ghế, tay xoa mớ tóc nâu. "Dĩ nhiên," vừa nói ông vừa nhìn bà Marie. "Sao chúng ta không đến nhà ông bà Mitchell xem có thể làm được những gì?"

Chúng tôi lái xe qua các con đường ngoằn ngoèo của làng Wah. Chúng tôi ngồi im lặng một lúc với ông bà Mitchell ở phòng khách để cầu nguyện. Sau đó ông Ken thở thật dài, nghiêng mình tới trước và nói với tất cả chúng tôi. "Tôi chắc là tất cả chúng ta đều đồng ý là Thiên Chúa từng dẫn dắt bà Bilquis trong một phương cách bất thường cho đến bây giờ. Và nếu bà nhất định rằng việc rửa tội cấp kỳ là ý của Chúa thì chúng ta cũng đừng ngăn cản bà." Ông quay sang David. "Ông sẽ đến Abbottabad. Tại sao Marie và tôi lại không đưa bà Bilquis tới đó hôm nay, để gặp ông và Synnove, và sắp xếp việc rửa tội cho bà Bilquis ở đó vào chiều nay? Chúng ta quên Peshawar đi."

Bỗng dưng, dường như đó là điều phải làm và tất cả chúng tôi bắt đầu chuẩn bị. Tôi vội vã về nhà, bảo nhỏ Raisham lấy những quần áo mà ông bà Olds cho biết là tôi sẽ cần đến.

Tuy trong hoàn cảnh như vậy tôi vẫn cảm thấy bứt rứt. Ngay cả sự gần gũi với Thiên Chúa tôi cũng cảm thấy yếu dần. Không phải là Người đã ban cho tôi một chỉ thị khẩn cấp trong quá nhiều phương cách sao? Không phải là Người đã ra lệnh cho tôi phải rửa tội ngay bây giờ sao?

Một tư tưởng thoáng qua trong đầu. Tôi xua đuổi ý tưởng ấy. Đó là điều không thể tưởng được.

Nhưng khi ý tưởng này vẫn dai dẳng, tôi cầu xin Chúa: "Điều đó có đúng không, thưa Cha?"

Và rồi vào ngày 24 tháng Giêng 1967, khởi sự một việc rửa tội bất thường nhất.

Tôi bảo nhỏ Raisham, "Lấy nước đổ đầy bồn tắm."

Nó trở về với nhiệm vụ, trên mặt đôi chút bối rối, chưa bao giờ tôi tắm vào giờ này.

Raisham cho biết bồn tắm đã đầy nước; tôi bảo nói lui ra ngoài. Điều mà tôi thi hành có lẽ có những trở ngại thần học. Nhưng tôi không nghĩ theo ngôn ngữ thần học. Tôi chỉ đơn giản cố tuân theo một thúc giục mạnh mẽ được Kinh Thánh hỗ trợ. Tôi tin rằng tôi phải được rửa tội ngay bây giờ, và với những cản trở tôi đang cảm thấy, tôi không nghĩ là có thể chờ đợi cho đến chiều.

Do đó, vì tôi muốn ở trong sự Hiện Diện của Thiên Chúa hơn bất cứ điều gì trên đời này, và phương cách để đạt được điều đó là sự vâng phục. Tôi đi vào phòng tắm và bước vào bồn. Khi tôi ngồi xuống, nước dâng lên tới vai. Tôi đặt tay lên đầu và nói lớn: "Bilquis, ta rửa người nhân danh Cha và Con và Thánh Thần." Tôi tự ấn đầu xuống nước để toàn thân chìm trong nước.

Tôi vươn lên khỏi mặt nước, hân hoan, kêu cầu và ngợi khen Thiên Chúa. "Ôi, Cha ơi, con cảm ơn Cha. Con thật may mắn." Tôi biết rằng tội của tôi đã được tẩy sạch và tôi được chấp nhận trong ánh mắt của Thiên Chúa.

Tôi không giải thích cho nhỏ Raisham biết điều tôi vừa làm và theo cung cách thường lệ nó cũng chẳng hỏi. Trong vòng vài phút tôi đã thay quần áo xong, chờ ông bà Olds đến chở tôi đi rửa tội ở Abbottabad. Phải nói rằng tôi không biết vấn đề thần học này như thế nào. Tôi biết các động lực của tôi. Những bạn Kitô Hữu này chăm sóc tôi, giúp đỡ tôi. Họ phải khó nhọc vì tôi và tôi không muốn làm vấn đề thêm lộn xộn. Tôi sẽ tiếp tục đi rửa tội, mặc dù theo bản năng tự nhiên tôi biết là đã thi hành điều Thiên Chúa muốn. Tôi cố đọc Kinh Thánh, nhưng thần khí tôi quá hân hoan đến độ tôi không thể nào tập trung tư tưởng. Tôi lại trở về với sự Vinh Hiển, cũng như khi tôi vâng phục Người một cách dứt khoát, với cuốn Kinh Thánh chỉ để kiểm chứng lại.

"Thưa bà Begum Sahib."

Tôi nhìn lên. Đó là Raisham. Ông bà Olds đang chờ ở dưới nhà.

Tôi nói với cháu Mahmud là tôi sẽ đi vắng cho đến tối. Tôi cảm thấy tốt hơn là nó không nên can dự vào một biến cố mà sẽ đem lại các hậu quả không vui thích gì. Sau đó tôi xuống nhà để gặp ông bà Ken và Marie.

Phải mất hai giờ lái xe đến Abbottabad trên con đường giữa hai hàng cây tùng. Tôi không nhắc đến việc rửa tội trong bồn tắm. Thay vào đó tôi nhắc lại những lần gia đình tôi đi chơi trên con đường này với hàng loạt xe chất đầy hành lý theo sau. Trong thinh lặng tôi tự hỏi không biết tôi có bất trung với di sản ngày xưa đó hay không.

Chúng tôi đến trung tâm truyền giáo và nhận thấy ông bà Mitchell đang đợi ở đó với một bác sĩ Gia Nã Đại và vợ ông ta, là ông Bob và bà Madeline Blanchard. Bà Synnove nói, "Ông này là Padri Bahadur, mục sư sẽ rửa tội cho bà."

Tôi nhìn quanh, có một bác sĩ Anh Giáo và một mục sư người Pakistan.

"Bà Bilquis này, có lẽ đây là điều tiên tri," bà Synnove nói. "Có lẽ nhờ bà mà nhiều Kitô Hữu đã đến gần với nhau, vì đây là lần đầu tiên ở Pakistan mà người Baptist, người Presbyter và Anh Giáo đến với nhau trong một bí tích rửa tội chung."

Một bầu khí phấn khởi trong căn phòng. Các cửa được đóng lại, các rèm che được kéo xuống và tôi tưởng tượng nó giống như thế kỷ thứ nhất khi các tín hữu Kitô phải rửa tội trong các hang toại đạo ở Rôma.

Khi chúng tôi chuẩn bị nghi thức, tôi nhìn quanh và hỏi, "Nhưng cái bồn đâu?"

Thì ra không có. Ông Ken nói tôi sẽ được rảy nước.

"Nhưng Chúa Giêsu bị nhận chìm trong sông Giođan mà," tôi lên tiếng.

Chúng tôi vừa mới băng qua con sông ngay trước khi đến trung tâm truyền giáo. "Sao không đưa tôi xuống con sông ấy?" Tôi hỏi và rồi nhận ra rằng trời thật lạnh và những người khác cũng phải xuống sông và rồi tôi không thúc bách điều đó. Nhất là vì tôi chắc chắn rằng tôi đã được lãnh nhận bí tích này.

Và vì vậy tôi được rửa tội lần nữa, lần này là rảy nước. Trong khi được rảy nước, tôi nghĩ chắc Chúa phải phì cười. Sau nghi thức, tôi nhìn lên thấy nước mắt chảy dài trên khuôn mặt của những người trong phòng. Tôi cười và nói, "Chắc là những giọt nước mắt này không khích lệ tôi chút nào cả!"

"Ôi bà Bilquis," bà Synnove khịt khịt ôm lấy tôi, và không nói được nữa.

Những người khác lên tiếng chúc mừng. Bà Synnove hát thánh vịnh, ông Ken đọc Kinh Thánh, và sau đó là lúc phải trở về nhà.

Đó là quãng đường thăm lặng. Không còn nhiều khắc khoải; tôi cảm thấy thật thoải mái ở giữa những Kitô Hữu. Tất cả chúng tôi tạm biệt nhau trong nước mắt, và tôi đi vào nhà.

Ngay khi bước qua cửa tâm trạng thoải mái của tôi tiêu tan. Người quản gia chạy vội đến tôi, mắt tròn xoe, giọng nói đầy lo lắng.

"Thưa bà, gia đình bà đến đây tìm bà! Họ nói là họ biết bà đang giao thiệp với người Kitô Hữu và..."

Tôi giơ tay lên ra lệnh, "Thôi đủ rồi. Nói cho tôi biết ai đến."

Khi người quản gia kể tên, một sự hiểu biết mới tràn ngập tôi. Đó là các phần tử thâm niên trong gia tộc, các bác, các anh em họ lớn tuổi, các cô dì, là những người chỉ đến nhà tôi khi có điều lưu tâm quan trọng.

Tâm hồn tôi chùng xuống. Tối hôm đó tôi ngồi ăn với cháu Mahmud, cố không lộ vẻ lo sợ, nhưng ngay sau khi nó vào giường ngủ tôi cũng lui về phòng riêng. Tôi nhìn qua cửa sổ; tuyết đã ngưng đổ và dưới ánh trăng mùa đông tôi có thể nhìn thấy hình dáng của khu vườn yêu quý. Nhìn quanh, tôi cảm thấy thoải mái với ngôi nhà cũ mà tôi rất thích, đó là thâm cung của tôi, nơi tôi ẩn dật.

Và bây giờ? Liệu tôi có thể giữ được ngay cả căn nhà của mình hay không? Đó là một tư tưởng kỳ lạ, vì tôi từng cảm thấy an toàn về gia đình, tài chính và uy tín. Tuy nhiên tôi cảm thấy chắc chắn rằng đó cũng là một tư tưởng có tính cách tiên tri. Các động lực mà tôi biết đang tấn công tôi đã bắt đầu lộ ra qua gia đình. Hầu hết những "sức mạnh", "sự an toàn" của tôi nằm trong gia đình. Điều gì sẽ xảy ra nếu bỗng dưng cùng một lúc tất cả đều chống lại tôi?

Chắc chắn rằng đây là lý do mà Chúa cả quyết rằng tôi phải được rửa tội ngay lập tức. Người biết tôi. Người biết chỗ mà tôi dễ bị tổn thương nhất.

Tôi đứng đó nhìn qua cửa sổ. Bóng cây lay động đang chờn vờn trên tấm rèm.

"Lạy Chúa," tôi cầu nguyện, "xin đừng để họ đến với con cùng một lúc. Xin để họ đến từng người một."

Không lâu sau khi thốt lên những lời này, có tiếng gõ cửa. Người tớ gái bước vào đưa cho tôi một gói đồ và nói, "Gói này mới được giao cho bà." Nóng lòng tôi xé toang giấy gói và thấy quyển Kinh Thánh. Viết trên trang giấy trắng bên trong là hàng chữ: Cho người em thân mến của chúng tôi nhân ngày sinh nhật. Ký tên: "Ken và Marie Old."

Tôi nâng sách lên ngực, cảm tạ Chúa vì những người bạn tốt. Sau đó tôi mở sách ra và mắt tôi bị thu hút vào một trang với những hàng chữ như nổi bật lên: Ta sẽ phân tán họ khắp nơi...

Lúc bấy giờ ý nghĩa của những chữ ấy là một bí ẩn đối với tôi.

Chương 8

CÓ SỰ BẢO BỘC NÀO KHÔNG?

Sáng hôm sau tôi thức dậy với sự e dè. Hôm nay, gia đình tôi sẽ đến, cả một đám đông hay từng người một. Cách nào đi nữa tôi sợ phải đương đầu. Tôi sợ những lời kết án, những tức giận cảnh cáo, những dỗ dành và đe dọa mà tôi biết sẽ đến. Nói cho cùng, tôi không muốn làm họ đau lòng.

Vì không thật sự tin rằng Thiên Chúa sẽ nhận lời cầu xin, tôi nói với nhỏ Raisham đem ra các váy xari đẹp nhất, chọn một chiếc duyên dáng nhất và bảo với đứa giữ cổng là tôi rất vui mừng để tiếp đón mọi người khách đến thăm tôi hôm nay, và sau đó tôi vào phòng khách. Ở đó tôi ngồi đọc sách trên một chiếc ghế bọc lụa trắng và cháu Mahmud chơi ở bên cạnh, nó đẩy chiếc xe lửa chạy theo các đường thêu ngang dọc của tấm thảm trên sàn.

Chiếc đồng hồ lớn ở hành lang gõ mười tiếng, mười một tiếng và sau cùng mười hai tiếng. Tôi thầm nghĩ, có lẽ họ sẽ đến vào buổi trưa.

Bữa ăn trưa được dọn ra và trong khi cháu Mahmud ngủ trưa tôi vẫn tiếp tục đợi. Sau cùng, vào lúc ba giờ tôi nghe có tiếng xe hơi ngừng ở ngoài sân. Tôi sững người khi nghe tiếng xe vọt đi! Cái gì vậy? Tôi hỏi người đầy tớ và nó cho biết chỉ là một người giao hàng.

Tôi đến đã làm đen hần các cửa sổ trong phòng khách và in bóng trên trần nhà. Sau đó có tiếng chuông điện thoại. Tôi liếc nhìn đồng hồ; lúc ấy là bảy giờ tối. Chẳng lẽ họ điện thoại thay vì đến gặp mặt? Tôi cảm ông nghe và nhận ra tiếng nói nhỏ nhẹ quen thuộc của bà Marie Old. Bà có vẻ rất lo lắng. Tiếng đồn về việc tôi trở lại Kitô Giáo chắc chắn đã lan rộng, như cuộc thăm viếng của người bà con hôm qua đã cho thấy. Vậy tại sao lại quan tâm?

"Bà có sao không?" Bà Marie hỏi. "Tôi lo lắng cho bà."

Tôi trấn an bà là tôi không sao. Ngay sau khi gác máy điện thoại, tôi gọi đầy tứ lầy quần áo và nói bác tài lấy xe. Vào quãng thời gian này trong năm, gia đình tôi ít khi đến thăm tôi sau tám giờ tối, bởi thế tôi cảm thấy an tâm để ra khỏi nhà. Kỳ lạ, không có một người bà con nào điện thoại hay đến thăm.

Tôi muốn được vững tâm nhờ một trong các gia đình Kitô Giáo của tôi. Ông bà Old? Sao bà Marie lại gọi tôi một cách khó hiểu như vậy? Tôi lái xe đến nhà ông bà Old và ngạc nhiên khi thấy căn nhà tối om.

Và sau đó, thật ngạc nhiên, thật bất ngờ, tôi rùng mình sợ hãi. Khi đứng ở ngoài cổng dẫn vào khu vườn nhà họ, tôi cảm thấy sự sợ hãi lan dần trong người, làm tôi rùng mình nổi da gà. Các tư tưởng mờ ám đến với tôi từ các góc vườn u tối. Chắc chắn là tôi thật điên khùng khi ra khỏi nhà một mình vào ban đêm. Trong các bóng tối ấy có cái gì? Tim tôi đập mạnh.

Tôi quay lưng định chạy vội ra xe.

Nhưng tôi đứng lại. Không! Không có gì phải lo sợ như vậy. Nếu tôi đã là một phần tử của Nước Trời, tôi phải được sự bảo vệ của Chúa. Tôi đứng đó trong bóng tối rợn rùng, vẫn còn khiếp sợ, tôi thật sự ao ước được ở trong tay Chúa. "Giêsu. Giêsu. Giêsu." Tôi lập đi lập lại. Thật không ngờ sự sợ hãi tan đi. Nó vừa đến thì cũng biến mất. Tôi được tự do!

Miệng như mỉm cười, tôi quay về nhà ông bà Old. Sau một vài bước, tôi thấy có tia sáng lọt qua hai tấm màn trong phòng khách. Tôi gõ cửa.

Cánh cửa hé mở. Đó là bà Marie. Khi thấy tôi, bà thở phào nhẹ nhõm và mau chóng đưa tôi vào nhà và ôm hôn tôi.

Bà lớn tiếng gọi, "Anh Ken, anh Ken."

Ông xuất hiện ngay sau đó. Ông kêu lên, "Tạ ơn Chúa! Chúng tôi thật sự lo cho bà."

Ông nói với tôi rằng ông Padri, người Pakistan có mặt khi tôi rửa tội, rất lưu tâm đến sự an toàn của tôi và ông ấy bảo họ rằng thật là một sai lầm khi để tôi một mình.

"Và đó là lý do tại sao bà có vẻ quá lo lắng khi điện thoại cho tôi phải không, bà Marie?" Tôi nén cười. "Tôi nghĩ là cả nước sẽ biết tôi trở lại đạo, nhưng đầu sao đi nữa, cảm ơn bà. Cho tới bây giờ, chưa có gì xảy ra. Ngay cả gia đình tôi cũng chưa xuất hiện và ông bà không thể biết rằng tôi tạ ơn Chúa là đường nào vì đã nhận lời cầu xin của tôi."

"Chúng ta cùng cảm tạ Chúa," ông Ken đề nghị và cả ba chúng tôi quỳ gối trong phòng khách khi ông Ken dâng lời tạ ơn Chúa vì đã bảo vệ tôi và xin Người tiếp tục gìn giữ tôi.

Sau đó tôi trở về nhà, cảm thấy bình an vì đã kêu cầu Chúa giúp khi đối diện với sự sợ hãi. Các đấng tở cho biết cả buổi tối hôm ấy không có ai điện thoại. Nếu vậy thì sẵn sàng cho ngày mai, vừa chuẩn bị đi ngủ tôi vừa nghĩ thầm.

Một lần nữa, tôi chờ đợi trong phòng khách cả ngày, vừa cầu nguyện, suy nghĩ, thầm đếm các ô vuông trên sàn gạch và trên tấm thảm lớn trên sàn. Không có một ai gọi.

Chuyện gì xảy ra vậy? Đây có phải là trò chơi ú tim không?

Và sau đó tôi nghĩ mình nên hỏi các người làm. Ở Pakistan, nếu bạn muốn biết bất cứ gì, cứ hỏi các gia nhân. Qua hệ thống thông tin bí mật, họ biết bất cứ gì về bất cứ ai.

Sau cùng, tôi chặn đầu nhỏ Raisham: "Hãy nói cho tôi biết chuyện gì xảy ra cho gia đình tôi?"

"Ồ thưa bà," nó trả lời, cố nén tiếng cười khúc khích, "điều thật kỳ lạ là hầu như mọi người trong gia tộc bà ai cũng bận cả. Anh của bà bận đi tham dự trận đấu banh hàng năm rồi." Tôi mỉm cười; đối với anh tôi, môn "cricket" còn quan trọng hơn là cô em mình trên đường xuống hỏa ngục. "Bác Fateh xuống tỉnh về một vụ kiện; Di Amina cần phải đi Lahore; hai người bà con của bà đi làm ăn xa, và ..."

Tôi ngắt lời; nó không cần phải nói thêm. Chúa đã nói Người sẽ phân tán họ và Người đã làm như thế. Hầu như tôi có thể nghe tiếng cười khúc khích của Chúa. Tôi biết chắc là các phần tử trong gia tộc của tôi không để tôi yên, và bây giờ họ sẽ đến từng người một.

Và đúng như vậy. Sứ thần đầu tiên là Di Amina, một phụ nữ vương giả trong tuổi bẩy mươi mà nét đẹp đông phương của bà luôn trái ngược với đồ đạc tây phương trong phòng khách của tôi. Trong nhiều năm, chúng tôi rất thân nhau vì thương mến và tin tưởng lẫn nhau. Giờ đây, khi bà bước vào, diện mạo bà có vẻ xanh xao hơn thường lệ và đôi mắt xanh xao có nét sầu muộn.

Chúng tôi tán gẫu một chút. Sau cùng tôi có thể thấy là bà sắp sửa đề cập đến lý do chính mà bà đến đây. Hắng giọng, bà ngồi thẳng người lên và cố ra vẻ tự nhiên, bà hỏi: "Ê... Bilquis... đi nghe rằng... con trở thành người Kitô Giáo. Điều đó thật không?"

Tôi chỉ nhìn bà mỉm cười.

Bà thay đổi thế ngồi cách khó khăn và nói tiếp, "Di nghĩ là dân chúng đang đồn đãi tin thất thiệt về con." Bà ngập ngừng, đôi mắt bà như nài nỉ tôi xác nhận điều đó không có thật.

"Di ơi, đó không phải là điều thất thiệt đâu," tôi trả lời. "Con đã hoàn toàn tín thác vào Đức Kitô. Con đã được rửa tội. Bây giờ con là một Kitô Hữu."

Bà đưa hai tay ôm lấy mặt và kêu lớn, "Thật sai lầm là dường nào!" Bà ngồi bất động trong một lúc, không thể nói gì thêm. Sau đó, chậm rãi kéo khăn choàng lên người, bà đứng dậy và lạnh lùng bước ra khỏi nhà của tôi.

Tôi thật tan nát, nhưng tôi xin Chúa bảo vệ bà khỏi sự đau khổ trong lòng. Tôi biết là phải có lời cầu nguyện đặc biệt cho gia đình tôi. Nếu không, tôi sẽ để lại vết cắt đau lòng cho người thân yêu. Tôi nói, "Chúa ơi, dĩ nhiên điều lý tưởng là những người này đều biết Chúa. Nhưng con biết là dù họ không trở lại, Chúa vẫn yêu thương họ, và ngay bây giờ con xin Chúa chạm đến những người thân thương của con với ơn sủng đặc biệt của Chúa, khởi đầu với Di Amina, nếu Chúa muốn. Chúa ơi, con cảm tạ Chúa!"

Hôm sau, tôi phải nói lại lời cầu nguyện ấy. Lần này là cho Aslam, một người anh họ lớn tuổi đến gặp tôi. Anh ta là luật sư sống cách làng Wah khoảng 45 dặm. Là con của người bác ruột, anh ta có nhiều nét của cha tôi, cũng nụ cười thân thiện, và tính khôi hài nhẹ nhàng. Tôi mến anh Aslam. Qua thái độ của anh, tôi biết là anh chưa được nghe hết những vấn đề của tôi. Chúng tôi trao đổi vài câu chuyện vui đùa, và rồi Aslam hỏi:

"Khi nào thì gia đình họp mặt? Anh sẽ đón em và chúng ta đến đó."

Tôi khúc khích cười. "Em không biết khi nào gia đình họp mặt, nhưng em biết là sẽ không được mời vì buổi họp đó là về vấn đề của em."

Anh có vẻ bối rối, tôi biết là mình phải giải thích mọi sự cho anh nghe. Khi chầm dứt, tôi nói, "Anh nên đến buổi họp. Có thể anh sẽ có vài lời bào chữa cho em."

Tôi nhìn anh buồn bã ra khỏi nhà; thật hiển nhiên, tôi nghĩ, càng ngày càng đến cao điem. Tốt hơn tôi nên đến Rawalpindi và Lahore càng sớm càng tốt. Tôi không muốn cô con gái Tooni và cháu Khalid nghe biết những điều xuyên tạc về tôi. Với cháu Khalida, đích thân tôi chẳng làm gì được vì nó ở Phi Châu. Nhưng tôi có thể đối diện với Tooni và Khalid. Ngay ngày hôm sau tôi đi Lahore. Khalid rất thành công trong thương mại và nhà của nó chứng tỏ điều đó. Căn nhà một tầng được bao quanh bởi hành lang rộng và bãi cỏ được chăm sóc cẩn thận.

Tôi lái xe qua công, đậu ngay lối vào và đi bộ trên hành lang. Khalid đã được gia đình báo trước cũng như tôi đã điện thoại nên cháu vội vã ra tiếp tôi. Nó lên tiếng, "Thưa mẹ! Con rất vui khi thấy mẹ", dù tôi cảm thấy sự chào đón của nó có đôi chút bối rối. Cả buổi chiều hôm ấy, tôi cho biết những gì tôi đã làm, nhưng sau cùng tôi biết Khalid không hiểu gì cả.

Kế tiếp tôi phải gặp cháu Tooni. Tôi lái xe đến Rawalpindi và đi thẳng vào bệnh viện. Tôi yêu cầu gặp Tooni, và trong khi chờ đợi, tôi tự hỏi không biết phải nói với cháu thế nào. Không hề nghi ngờ là cháu đã nghe mọi chuyện. Chắc chắn cháu là người đầu tiên thấy tôi đọc Phúc Âm. Có lẽ cháu đã nghe lóm mẩu đối thoại giữa tôi với một nữ tu Công Giáo, Bác sĩ Santiago, trong nhà thương mà Mahmud đến khám bệnh. Một điều chắc chắn cháu không biết rõ: kể từ cuộc gặp gỡ với Bác sĩ Santiago, cuộc đời tôi đã thay đổi nhiều, vì chính nữ tu này đã khuyến khích tôi cầu nguyện với Chúa như người Cha.

"Thưa mẹ!" Tôi ngược mắt lên thấy Tooni vội vã đi đến, mái tóc màu hạt dẻ của cháu thật tương phản với chiếc áo trắng, khuôn mặt nó rạng rỡ với đôi tay mở rộng.

Tôi đứng lên, tim đập mạnh. Làm sao tôi có thể mở đầu câu chuyện với cháu! Tôi cố nghĩ đến những phương cách dịu dàng, nhưng tôi vẫn lo sợ Tooni làm áp lực. Không thận trọng gì cả, tôi buột miệng. "Tooni, con chuẩn bị nghe đây. Hai ngày trước đây, mẹ... mẹ đã rửa tội."

Tooni sững người, đôi tay mở nửa chừng, đôi mắt cháu ngẩn lẹ. Nó thả người xuống ghé bên cạnh tôi. "Con đã nghĩ điều đó sẽ xảy đến," cháu nói thật nhỏ đến độ khó nghe.

Tôi cố gắng an ủi nó, nhưng không thành công. Tooni nói, "Con không muốn làm việc hôm nay." Sau đó nó xin phép về sớm và chúng tôi về chung cư của cháu. Vừa mở cửa đã có chuông điện thoại; Tooni vội vàng chạy đến cầm ống nghe, và quay sang tôi nói: "Đó là Nina." Đây là cháu của tôi sống ở Rawalpindi. "Nó muốn biết đó có phải là sự thật không." Tooni quay trở lại cuộc đối thoại với Nina; tôi đứng xa đó mà còn nghe được tiếng của Nina cao giọng. Sau đó, Tooni nhỏ nhẹ: "Phải, đó là sự thật". Chắc Nina đã

dẫn mạnh ống điện thoại, vì Tooni nhắc ống nghe khỏi tai, nhún vai và gác máy. Tốt nhất là để cháu có thời giờ bình tĩnh lại. Do đó tôi cũng muốn rút lui.

Tôi nói, "Đến thăm mẹ khi con có thể. Chúng ta sẽ nói chuyện." Tooni không phản đối, sau đó, chỉ vài phút sau tôi đã trên con đường Đại Thụ dẫn về nhà. Ngay khi đến nhà, các gia nhân vây quanh tôi. Nurjan xoa xoa đôi bàn tay bụ bẫm của nó và khuôn mặt Raisham tái nhợt hơn thường lệ. Điện thoại reo suốt ngày, những người bà con đến nhà tôi ngay từ sáng sớm đòi gặp mặt. Ngay cả khi các gia nhân huyền thuyên, điện thoại lại reo. Đó là người chồng của em tôi, Jamil, đang làm việc với một công ty dầu khí của Anh. Tôi thường nghĩ Jamil là một người của thế giới, nhưng bây giờ giọng nói của hắn không còn tự tin.

"Chị Bilquis, em vừa nghe một điều kỳ lạ và không thể tin được," hắn nói thẳng. "Một bạn thương gia nói với em là chị đã trở lại Kitô Giáo. Dĩ nhiên, em cười vào mặt nó và bảo đảm với nó là điều đó không thể nào xảy ra được."

Tiếng đồn thực sự đang lan tràn nhanh chóng. Tôi chẳng nói gì.

"Chị Bilquis!" Tiếng Jamil cương quyết. "Chị có nghe em nói gì không?"

"Có."

"Chuyện đó có thật không?"

"Có."

Một sự im lặng nặng nề. Sau đó: "Nếu vậy thì tốt," Jamil đốp chát. "Chị vừa mất mát nhiều hơn chị tưởng. Và để làm gì? Chỉ vì một quan điểm khác biệt về tôn giáo, phải không." Hắn cúp điện thoại.

Trong mười phút Tooni khóc sụt sùi trên điện thoại. "Mẹ ơi, Bác Nawaz mới gọi con nói rằng cha của Mahmud sẽ có thể lấy nó lại. Bác Nawaz nói không tòa án nào để mẹ giữ cháu Mahmud cả!"

Tôi cố an ủi Tooni nhưng nó khóc lóc rồi cúp máy.

Tôi hôm đó, khi Mahmud và tôi đang ăn trong phòng ngủ, Tooni và hai người cháu gái đến nhà. Tôi sửng sờ khi thấy khuôn mặt tái mét của chúng.

"Ngồi xuống đây," tôi nói. "Để mẹ gọi mấy gia nhân đem thức ăn lên."

Tooni và hai đứa cháu ăn qua loa. Tôi thật vui khi gặp chúng nhưng hiển nhiên chúng không vui khi gặp tôi. Cuộc đối thoại thật nhàm chán và cả ba đứa không ngừng liếc nhìn nhỏ Mahmud và đề nghị nó đi chỗ khác chơi. Chỉ sau khi nó ra khỏi phòng thì một đứa cháu mới nghiêng người về tôi lo lắng hỏi.

"Bác ơi, bác có biết là người khác có nghĩa gì không?" Nó bật khóc. "Bạn có nghĩ đến ai khác không?" Câu hỏi của nó như được lặp lại qua đôi mắt của đứa cháu khác đang im lặng ngồi đối diện với tôi.

Tôi rướn người tới trước cầm lấy bàn tay gầy guộc của nó và buồn bã nói, "Các cháu ơi, bác không thể làm gì hơn được là vâng phục."

Tooni nhìn tôi qua làn nước mắt và như thể không nghe lời tôi vừa nói, nó nài nỉ, "Mẹ ơi, mẹ thu xếp đồ đạc rồi đi đi. Đi trong khi còn có gì đó... hay ai đó... đi với mẹ."

Nó cao giọng. "Mẹ có biết là người ta nói gì không? Mẹ sẽ bị tấn công. Chính anh em mẹ có thể bị thúc giục hành động chống lại mẹ!" Và sau đó cháu bật khóc nức nở. "Mấy đứa bạn con nói mẹ sẽ bị giết, mẹ ơi".

"Rất tiếc, mẹ sẽ không trốn chạy, Tooni," tôi dịu dàng trả lời. "Nếu mẹ bỏ đi bây giờ, cả đời mẹ sẽ trốn chạy." Khi nói câu ấy tôi thấy rất cương quyết. "Nếu Chúa muốn, Người có thể dễ dàng chăm sóc mẹ trong chính căn nhà này. Và không ai, không ai có thể đẩy mẹ ra ngoài." Tôi ngồi thẳng người trên ghế, bỗng dưng cảm thấy mạnh mẽ. "Cứ để họ đến và tấn công đi!"

Và sau đó, khi tôi cảm thấy mãnh liệt tự tin chính mình, có điều gì đã xảy ra. Cái ám áp của Sự Hiện Diện của Thiên Chúa không còn nữa. Tôi ngồi đó, gần như hốt hoảng, không còn nhớ các tiếng nói ở chung quanh. Nhưng cũng bất chợt tôi nhận biết điều gì đã xảy ra. Cái "tôi" cũ kỹ của Bilquis, đầy tự kiêu và cứng cổ, chiếm ngự con người tôi. Chính tôi quyết định chọn những gì xảy ra, không ai có thể đẩy tôi ra khỏi nhà.

Tôi ngồi bất động trên ghế, lơ mơ nhận biết rằng Tooni đang nói với tôi.

"... được rồi, mẹ," Tooni nói lớn. "Vậy mẹ trở thành một Kitô Hữu. Mẹ cũng phải trở thành một Kitô Hữu từ đạo phải không?" Nó quỳ xuống cạnh tôi và đầu dựa vào cánh tay tôi. "Mẹ có biết là con thương mẹ không?"

"Dĩ nhiên, con ơi, dĩ nhiên," tôi lẩm bẩm, tay vuốt tóc cháu. Trong im lặng tôi xin Chúa tha lỗi vì quá cứng đầu. Bất cứ đâu Người muốn tôi đi đều được cả, ngay cả việc từ giã căn nhà của tôi. Khi nói điều này, ngay trong tâm hồn tôi lại cảm thấy sự Hiện Diện của Chúa Cha. Toàn thể sự trao đổi chỉ xảy ra trong vài phút, và mấy đứa con cháu vẫn tiếp tục nói ngay trước mặt. Tôi nhận thức rằng đời sống cũng có thể xảy ra ở một mức độ khác nữa. Chúa ở ngay đó, ngay lúc đó, cùng hoạt động với tôi, dạy bảo tôi. Người cho tôi thấy thế nào là ở trong sự Hiện Diện của Người.

"... vậy chúng con sẽ thế nào? Đồng ý?" Đó là giọng nói của Tooni và tôi không rõ cháu muốn tôi đồng ý điều gì. May mắn, nó nói tiếp, "Nếu cha của Mahmud muốn bắt nó, mẹ có thể để con đưa nó đi," Tooni cay đắng nói thêm. "Con không phải là Kitô Hữu".

Sau cùng cả ba đứa nó im lặng. Tôi hỏi chúng có muốn ở lại đêm không và cả ba đồng ý. Khi tạm biệt Tooni và hai cháu để đi ngủ, tôi nghĩ làm thế nào mà vai trò của chúng tôi đã thay đổi. Trước đây tôi từng hết sức bảo vệ và lo lắng cho chúng; giờ đây chúng tôi cùng lo cho nhau. Đêm đó, tôi cầu nguyện: "Lạy Chúa, thật khó để nói với một người không tin vào Chúa. Xin Chúa giúp gia đình con, con thật lo cho hạnh phúc của những người thân yêu."

Khi thiếp dần vào giấc ngủ, một lần nữa tôi lại cảm thấy thân xác tôi bênh bồng. Tôi thấy mình đứng trước một con dốc đầy cỏ xanh chung quanh là các cây thông. Một con suối róc rách gần chỗ tôi đứng. Chung quanh tôi toàn là các thiên thần, thật nhiều đến nỗi dường như họ tạo thành một lớp sương mỏng. Tôi luôn luôn nghe thấy tên, "Thánh Micae". Các thiên thần giúp tôi thêm can đảm. Và sau đó tôi trở về giường ngủ. Tôi ngồi dậy, vẫn còn cảm thấy sức mạnh tinh thần, tôi đi vào phòng cháu Mahmud. Tay tôi chỉ vào giường của cháu và tôi sang phòng con gái, các cháu và cũng làm y như vậy. Trở về giường tôi quỳ gối cầu nguyện, "Lạy Chúa, Chúa đã cho con thấy nhiều câu trả lời, giờ đây xin cho con thấy Chúa sẽ làm gì với Mahmud. Con muốn đem lại cho Tooni một sự bảo đảm."

Tôi cảm thấy có sự thúc giục mở Kinh Thánh và đoạn sau dường như nổi bật: Sáng Thế 22:12- "Đừng đặt tay người trên đứa trẻ, cũng đừng đụng đến nó..."

Tôi thở phào, "Ôi cảm tạ Cha."

Vào bữa ăn sáng, tôi có thể trấn an Tooni. "Con ơi, không có gì xảy ra cho Mahmud đâu; con không cần phải lo lắng." Tôi đưa đoạn Kinh Thánh trên cho nó. Tôi không biết là vì đức tin của tôi lay lan hay Tooni được Thần Khí chạm đến. Nhưng khuôn mặt của nó bớt căng thẳng và nở một nụ cười đầu tiên trong hai ngày qua.

Hôm ấy cô con gái và hai cháu từ già tôi mà ít buồn sầu hơn trước. Nhưng các bà con thân thuộc và bạn hữu vẫn tiếp tục tuồn đến.

Một vài ngày sau, Raisham cho biết có bảy người, tất cả là bạn thân của gia đình tôi đang chờ ở dưới nhà. Tôi không muốn gặp họ mà không có cháu Mahmud. Nó phải biết mọi chuyện xảy ra. Do đó tôi đi tìm cháu và chúng tôi bước xuống lầu vào phòng khách. Ở đó, tất cả họ ngồi thật ngay ngắn trịnh trọng. Sau khi uống trà và ăn bánh cũng như trò chuyện chút đỉnh, một người trong bọn họ hắng giọng. Tôi cứng người chờ đợi điều mà tôi biết sẽ phải đến.

"Bilquis," một người bạn mà tôi biết từ khi còn nhỏ lên tiếng, "chúng tôi yêu quý bạn và chúng tôi từng nghĩ đến điều mà bạn đã làm, và chúng tôi có một đề nghị mà chúng tôi nghĩ rằng nó sẽ giúp bạn."

"Thật vậy sao?"

Hắn nghiêng người tới trước và mỉm cười.

"Đừng công bố việc bạn trở lại Kitô Giáo."

"Bạn muốn nói là tôi phải giữ đức tin cách bí mật?"

"Thì..."

"Không thể được," tôi trả lời. "Tôi không thể đùa giỡn với Thiên Chúa. Nếu phải chết, tôi sẽ chết."

Tất cả bảy người dường như xích lại gần tôi. Một người bạn già của cha tôi nhìn tôi trừng trừng. Tôi định trừng mắt lại nhưng kèm hãm được. Họ nghĩ họ hết sức quan tâm đến hạnh phúc của tôi.

"Thành thật xin lỗi," tôi trả lời. "Tôi không thể thi hành điều mà các bạn yêu cầu." Tôi giải thích rằng đức tin của tôi, dù mới chỉ có một tháng, đã trở thành điều quan trọng nhất trong đời. Tôi nói "Tôi không thể giữ im lặng về điều đó." Tôi trích một đoạn Kinh Thánh mà Chúa nói: "Ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời. Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ chối người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời" (Mt. 10:32,33).

Một ông đứng tuổi lên tiếng, "Nhưng bạn đang trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Tôi tin chắc là Chúa của bạn không phản đối nếu bạn giữ im lặng. Người biết bạn tin ở Người. Thế là đủ." Ông ta trích luật trong Koran về vấn đề chối đạo. Ông nói, "Chúng tôi sợ rằng sẽ có người giết bạn."

Tôi mỉm cười nhưng chẳng có ai cười theo. Đó là một cuộc thảo luận vô nghĩa, như họ nghĩ. Khi họ chuẩn bị ra về, tôi được nghe lệnh tối hậu.

"Hãy nhớ rằng nếu bạn gặp khó khăn, không ai trong gia đình bạn có thể trông nhờ được. Những người lưu tâm càng nhiều thì họ sẽ phải quay lưng tránh mặt."

Tôi gật đầu. Tôi rất hiểu lời họ nói. Tôi ao ước phải chi bây giờ Mahmud đừng có mặt ở đó để khỏi phải nghe điều này. Tuy nhiên, khi tôi nhìn nó, đang ngồi trên chiếc ghế nhỏ cạnh tôi, nó chỉ mỉm cười. Đường như nó muốn nói "Đâu có sao."

Hầu như mọi người muốn khóc khi cả nhóm chuẩn bị từ giã. Một người bạn thân của mẹ tôi đến hôn tôi và nói: "Tạm biệt." Bà lặp lại câu ấy với sự nhấn mạnh khác thường. Rồi bà bật khóc, quay mặt và bước vội ra cửa.

Căn nhà như một nấm mồ sau khi họ ra về. Ngay cả sự ồn ào thường lệ của Mahmud cũng lắng đọng.

Ba tuần lễ trôi qua mà tiếng động trong nhà chỉ là tiếng xì xào của các gia nhân. Nếu không vì ông bà Mitchell và ông bà Old và vì các buổi họp Chúa Nhật hàng tuần, tôi tự hỏi không biết việc tẩy chay tôi có hữu hiệu không.

Mỗi ngày lẫn ranh cuộc chiến gia đình càng rõ rệt hơn. Tôi nhìn thấy điều đó trên khuôn mặt giận dữ của một người em họ mà tôi gặp ở trong tiệm. Tôi cảm thấy điều đó trong cái nhìn khinh bỉ của một đứa cháu khi tôi đi trên phố ở Rawalpindi, trong lời lẽ lạnh lùng của một bà di khi gọi điện thoại từ chối lời mời dự bữa cơm tối. Sự tẩy chay bắt đầu. Điện thoại của tôi vẫn im lìm, và không ai giạt chuông cửa. Không một phần tử nào trong gia tộc đến nói chuyện, ngay cả khiển trách. Tôi không biết gì hơn là nhớ đến một câu trong kinh Koran (Sura 74-20): Nếu người chối bỏ đức tin, chắc chắn người đã làm sự dữ và vi phạm các liên hệ máu mủ. Những người đó sẽ bị Đức Ala nguyên rửa khiến họ không nghe và không thấy.

Điều này đã xảy ra một cách rất thực. Tôi đã vi phạm các liên hệ máu mủ và không hề nghi gì là tôi đã không nghe và không thấy từ gia tộc nữa.

Tiếng trò chuyện cười đùa của các gia nhân cũng im bặt khi họ ra vào phòng tôi. Thật khó để thấy họ nói về tôi, ngoài việc xưng hô lễ phép, "Dạ thưa bà Begum Sahib."

Và rồi một sáng kia, sự tẩy chay chuyển sang một khúc quanh kỳ lạ. Có tiếng mở cửa phòng thật nhẹ và xoay lại tôi thấy Nurjan yên lặng bước vào giúp tôi làm vệ sinh buổi sáng. Thật không giống với sự cởi mở thường lệ của nó. Nhỏ Raisham bước vào một cách trịnh trọng bất thường. Khi tiếp tục công việc hàng ngày, chúng không nói và tôi thấy khó chịu vì cái vẻ ảm đạm trên khuôn mặt chúng.

Tôi chờ xem chúng có nói gì nhưng Nur-jan tiếp tục công việc cách yên lặng, mà không cười nói huyên huyên. Khuôn mặt nhỏ Raisham thì xám lại. Sau cùng, tôi lên tiếng:

"Đừng có giấu. Chắc có điều gì xảy ra phải không. Nói cho bác biết đi."

Nur-jan ngưng chải tóc cho tôi khi nó cho biết: Ngoại trừ Raisham, đang đứng trước mặt tôi, tất cả các người gia nhân Kitô Giáo, kể cả ông Manzur, đã rời bỏ căn nhà của tôi vào nửa đêm hôm qua.

Chương 9

SỰ TÂY CHAY

Điều đó có nghĩa gì với sự bỏ đạo này? Bốn người đầy tớ nghi việc! Trong một thành phố như ở Wah, nơi rất khó tìm việc, quyết định của họ thật khó hiểu.

Dĩ nhiên đó là sự sợ hãi. Ông Manzur lo sợ vì tôi bảo ông lấy cho tôi cuốn Kinh Thánh và chở tôi đến nhà của các người truyền giáo. Ba người đầy tớ Kitô Giáo khác chắc biết được sự lo sợ của ông. Chắc là họ nghe được tiếng sôi sục của ngọn núi lửa sắp bùng nổ không lâu và không muốn bị kẹt giữa lớp phún thạch.

Nhưng còn nhỏ Raisham, người đầy tớ Kitô Giáo này đang chuẩn bị chải tóc cho tôi thì sao? Tôi có thể cảm thấy đôi tay nó đang run rẩy khi bắt đầu công việc.

Tôi hỏi, "Con thì sao?"

Nó bặm môi trong khi vừa tiếp tục chải tóc. Nó nhỏ nhẹ, "Có lẽ con không nên ở lại. Sẽ rất..."

"Cô đơn," tôi tiếp lời.

"Dạ phải," nó nuốt nước bọt, "và..."

"Và con sợ hãi. Nay Raisham, nếu con bỏ đây, bác không trách con đâu. Con phải tự quyết định, cũng như bác vậy. Tuy nhiên nếu con ở lại, hãy nhớ rằng Đức Giêsu đã bảo chúng ta sẽ bị bách hại vì Người."

Raisham gật đầu, đôi mắt đen của nó long lanh. Nó lấy cái kẹp và tiếp tục làm tóc cho tôi. Nó nói thật buồn, "Con biết".

Cả ngày hôm đó Raisham thật im lặng. Sự lo âu của nó ảnh hưởng đến nhỏ Nur-jan là người trở nên im lặng cách kỳ lạ. Sáng hôm sau, khi thức giấc, thật khó nhọc để tôi với tay giật chuông gọi đầy tớ. Bây giờ ai sẽ là người ở với tôi? Cánh cửa phòng mở ra từ từ và nhỏ Nur-jan bước vào. Sau đó, trong bóng tối của sáng sớm mùa đông, một bóng khác theo sau. Đó là Raisham!

Sau đó, tôi nói với nó là tôi rất cảm kích khi nó ở lại. Nó đỏ mặt. "Thưa bà," nó nhỏ nhẹ trả lời, "như bà phụng sự Thiên Chúa thì con cũng phục vụ bà."

Khi các đầy tớ người Kitô Giáo còn lại đã nghỉ việc, căn nhà trở nên trống vắng, một phần là vì tôi không kiếm người khác thay thế. Các nhu cầu của tôi bây giờ đơn giản hơn vì họ hàng không còn đến như trước nữa. Tôi quyết định không muốn thêm người Kitô Giáo trong một thời gian. Tôi tìm được một ông tài xế mới, người Hồi Giáo tên là Fazad và một người Hồi Giáo phụ bếp, ngoài ra không còn ai khác. Tôi thật vui khi thấy cháu Mahmud vẫn tiếp tục chơi đùa vui vẻ trong nhà hay ngoài sân. Tôi khuyến khích cháu mời các bạn ở trong làng đến chơi, và nó vui vẻ đồng ý. Hầu hết các trẻ này đều lớn tuổi hơn Mahmud chút đỉnh. Nhưng Mahmud dẫn đầu bọn trẻ một cách tự nhiên, tôi không nghĩ vì nó là chủ nhà, nhưng vì trong dòng máu nó có đến bảy trăm năm lãnh đạo của tổ tiên tôi.

Bao nhiêu phần trong di sản này mà tôi sắp sửa đánh mất? Bao nhiêu liên hệ gia tộc của đứa trẻ này mà tôi không mong muốn? Mới hôm qua cháu lại hỏi nữa khi người anh bà con Karim đưa nó đi câu cá.

Karim hứa sẽ dạy Mahmud bí quyết bắt cá hồi đang tung tăng giữa đám đá sỏi trong con suối ở khu vườn nhà tôi, được nối với sông Tahrira.

Mahmud hỏi, "Ngoại! Khi nào Karim tới nữa?"

Tôi nhìn nó trong ánh mắt sáng ngời, và tôi không nỡ tâm nói rằng bạn cá của nó sẽ không đến nữa. Mahmud có thể không bị Phúc Âm thu hút như tôi. Tôi đọc các chuyện Phúc Âm cho cháu nghe trước khi đi ngủ, mà nó rất thích đến độ tôi phải đổi giờ sớm hơn, 7g30 thay vì 8g, để cháu có thêm giờ nghe chuyện. Nhưng có chuyện nào bằng đi câu cá. Và bạn bè. Vì càng ngày bạn của Mahmud càng ít đến chơi. Mahmud không thể hiểu điều này, và khi tôi cố gắng giải thích nó nhìn tôi hoang mang.

"Ngoại! Ngoại thương ai nhất, thương con hay thương Đức Giêsu?"

Tôi phải nói thế nào được! Nhất là ngay bây giờ cháu đang cô đơn. "Chúa phải trước chứ, Mahmud." Tôi nói thế và trích lời cảnh cáo của Người là trừ phi chúng ta đặt gia đình họ hàng sau Người thì chúng ta không thực sự thuộc về Người. Tôi nói, "Chúng ta phải đặt Chúa trước, ngay cả trước những người mà chúng ta yêu thương nhất."

Dường như Mahmud chấp nhận. Dường như nó lắng nghe khi tôi đọc Phúc Âm cho cháu. Có lần, sau khi tôi đọc câu này, "Hãy đến với tôi tất cả những ai nặng gánh và tôi sẽ cho nghỉ ngơi," tôi nghe cháu vừa mơ màng vừa nài xin: "Chúa ơi, con yêu Chúa và con sẽ đến với Chúa, nhưng... đừng cho con nghỉ ngơi. Con không thích nghỉ ngơi." Ngay cả cháu chấp tay cầu nguyện, nhưng tôi biết thật khó cho cháu ở một mình và thấy tôi cô đơn. Không một người bà con, bạn hữu hay quen biết rẽ vào đường Đại Thụ hướng về nhà tôi nữa; điện thoại cũng không còn reo nữa.

Sau đó lúc 3 giờ sáng, điện thoại đầu giường tôi reo vang. Tôi vói tay lấy điện thoại mà tim đập mạnh. Không ai gọi vào giờ này trừ khi có người trong gia tộc chết. Tôi nhắc ông nghe vào lúc đầu tôi chỉ nghe tiếng thờ đôn dập. Sau đó ba tiếng vang lên như ném vào mặt tôi:

"Đồ bất trung. Đồ bất trung. Đồ bất trung."

Điện thoại cắt đứt. Tôi nằm ngửa trên giường. Đó là ai? Đó có phải là một trong những người cuồng tín mà các chú bác luôn cảnh cáo tôi? Họ có thể làm gì?

"Ôi lạy Chúa, Chúa biết con không sợ chết. Nhưng con chỉ là một người hèn nhát xấu xa. Con không thể chịu nổi đau khổ. Chúa biết con sợ muốn chết khi thấy cây kim của bác sĩ. Con xin Chúa giúp con có thể chịu đựng được đau khổ khi nó xảy đến." Nước mắt dàn dụa. "Lạy Chúa, con nghĩ con không đủ sức từ đạo. Con xin lỗi Chúa. Xin giúp con bước với Chúa qua những gì sẽ xảy đến."

Điều sẽ xảy ra đến là sự đe dọa, bức thư nặc danh. "Hãy biết cho rõ. Chỉ có một chữ để diễn tả người thôi. Đó là đồ phản bội." Sau đó một lá thư khác và sau đó ít lâu lại một thư khác. Tất cả đều cảnh cáo. Tôi là một kẻ phản bội và tôi sẽ bị đối xử cách xứng đáng.

Vào một buổi chiều đầu hè năm 1967, khoảng sáu tháng sau khi tôi trở lại Kitô Giáo, tôi đứng trong vườn với một lá thư đỏ trong tay. Nó thật cay độc, gọi tôi bằng một tên tệ hơn đồ bất trung, là người dụ dỗ tín hữu. Lá thư viết, các người tín hữu đích thực sẽ đốt tôi như đốt chỗ hư thối khỏi một nhánh tốt lành.

Thieu đốt tôi sao? Điều này không chỉ là một hình ảnh chứ? Tôi bước sâu hơn vào vườn, chung quanh có những bụi hoa tu-líp và dạ lan. Mùa xuân đã nở rộ sang mùa hè. Cây cối đã bùng nở trong vườn, và các

cánh hoa trắng cuối cùng đang rụng từ các cây lê. Tôi xoay lưng và nhìn về căn nhà. "Chúng không dám đụng đến nhà mình?" Tôi thâm nhủ. Chúng không dám đốt Begum! Nhưng, như thể xác nhận rằng tôi không còn trông đợi ở sự bảo vệ của địa vị và giàu sang, một đày tớ đến gặp tôi.

Nó nói, "Tướng Amar đang đợi gặp bà."

Tim tôi nhảy nhồm. Tôi nhìn qua cổng vườn và đứng vậy, ở đó là chiếc xe quân đội màu xanh xám quen thuộc. Tướng Amar là người bạn cũ của tôi trong những ngày ở quân ngũ. Trong Thế Chiến II, tôi phụ tá cho ông và giờ đây ông là một tướng cao cấp trong quân đội Pakistan. Chúng tôi từng liên lạc với nhau trong nhiều năm, nhất là khi chồng tôi là Tổng Trưởng Nội Vụ và làm việc gần với ông. Không lẽ ông cũng đến để lên án tôi?

Không lâu tôi nghe tiếng chân của ông lao xao trên lối đi đầy sỏi trong vườn khi đến gặp tôi, đôi giày sạch bóng trong bộ quân phục màu ka ki, quần đi ngựa và giày da. Ông cầm tay tôi, nghiêng người và hôn tay. Sự e dè của tôi giảm đi; hiển nhiên ông không trong nhiệm vụ chiến đấu.

Ông nhìn tôi, đôi mắt ông lấp lánh hóm hỉnh. Như thông lệ, ông vào thẳng đề tài. "Có đúng với những gì người ta nói không?"

"Đúng," tôi trả lời.

"Điều gì khiến bà hành động như vậy?" ông kêu lên. "Bà tự đưa mình vào hoàn cảnh rất nguy hiểm! Tôi nghe đồn là nhiều người muốn giết bà!"

Tôi nhìn ông im lặng.

"Được rồi," ông vừa ngồi xuống băng ghế vừa nói. "Bà biết là tôi cũng như người anh của bà không?"

"Tôi hy vọng vậy."

"Và là một người anh, tôi cảm thấy có trách nhiệm bảo vệ bà."

"Tôi hy vọng vậy."

"Vậy, hãy nhớ rằng nhà tôi luôn luôn rộng mở đón tiếp bà."

Tôi mỉm cười. Đây là điều tử tế đầu tiên tôi được nghe.

"Nhưng," ông tiếp tục, "có điều bà phải biết. Đề nghị giúp đỡ đó chỉ là phần cá nhân." Ông vói tay cầm một nhánh hoa đưa lên mũi ngửi, sau đó xoay người về tôi, ông tiếp, "Một cách chính thức, tôi không thể làm gì nhiều cho bà."

"Tôi biết," Tôi cầm tay ông, chúng tôi đứng dậy, rảo bước qua hiên nhà vào bên trong. Khi sánh bước, tôi nói với ông nhiều điều không dễ dàng.

"Và chúng sẽ không dễ dàng hơn đâu," ông nói với kiểu cách đương nhiên là như thế. Sau đó, khi tôi đưa trà cho ông trong phòng khách, ông hỏi với nụ cười trêu chọc: "Bilquis, nói tôi nghe tại sao bà làm như vậy?"

Tôi giải thích những gì xảy ra và thấy ông lắng nghe cẩn thận. Thật bất thường! Ở đây, vô tình, tôi đang làm một điều mà các nhà truyền giáo thường gọi là làm chứng nhân. Tôi nói về Đức Kitô cho một người Hồi Giáo nghe, và là một sĩ quan cao cấp. Và ông lắng nghe chứ! Tôi không nghĩ là tôi đã ảnh hưởng đến ông chiều hôm đó nhưng ông có vẻ suy tư khoảng nửa giờ sau đó, khi ông từ biệt trong ánh nắng chiều, ông lại hôn tay tôi.

"Nhớ nhé, Bilquis," giọng ông khàn khàn, "bất cứ khi nào bà cần tôi giúp... bất cứ gì tôi có thể làm cho bà như một người bạn..."

"Cám ơn ông Amar," tôi trả lời.

Ông quay lưng, gót giày gõ nhịp trên hành lang xa dần và khuất hẳn trong bóng tối của chiếc xe. Và cuộc viếng thăm cô độc, buồn bã lạ lùng đã chấm dứt. Tôi thầm nghĩ, "Không biết bao giờ mình sẽ gặp lại ông ta."

Lần đầu tiên trong thời gian bị tẩy chay, trong những lá thư và điện thoại nặc danh, trong những cáo cáo của các người bạn cũ, tôi mới biết mình đang sống từng giờ phút. Trái với sự lo âu. Đó là sự chờ đợi xem Người sẽ cho phép tôi làm gì. Vì tôi tin rằng không có gì xảy ra mà không có sự cho phép của Người. Ti như, tôi biết áp lực đối với tôi sẽ ngày càng mãnh liệt. Nếu điều đó xảy ra vì Người đã cho phép và tôi phải tìm kiếm sự Hiện Diện của Người giữa những điều dường như thảm họa. Tôi sẽ sống từng giờ một, ở gần bên Người. Phải, đó là chìa khóa của tôi. Tìm cách bầu bạn với Người, để bất cứ gì, bất cứ lúc nào xảy ra, tôi vẫn ở trong vinh quang của Người.

Với áp lực gia đình ngày càng tăng, tôi có thể thông cảm với Vua Đavít khi trốn khỏi đứa con của ông là Absalom, ông đã hát thánh vịnh: "Nhưng ôi Thiên Chúa, Ngài là khiên thuẫn cho con; vinh dự của con..." (TV 3:3). Tôi hiểu vinh dự mà ông coi là phúc lành không thể tả, là niềm vui, và hạnh phúc của các thánh trên thiên đàng.

Áp lực của gia đình tôi vẫn là sự tẩy chay. Không một phần tử nào trong gia tộc đến nói chuyện, dù để khiển trách. Cũng lạ là không ai trong đám bạn cũ gọi điện thoại. Những cái nhìn khinh bỉ nơi phố xá vẫn tiếp tục. Bất cứ khi nào tôi để mình rơi vào sự cô độc, tôi cảm thấy vinh quang bắt đầu mờ đi, và ngay lập tức tôi nghĩ đến giây phút Đức Giêsu cũng cảm thấy cô đơn.

Điều đó giúp đỡ tôi rất nhiều. Nhưng tôi thấy, với hơi chút ngạc nhiên, là tôi thực sự cần một tình bạn. Tôi từng sống cách biệt nhưng giờ đây lại cần sự gần gũi. Ngay cả ông bà Old và Mitchell cũng không còn đến nhà tôi nữa. Vì để bảo vệ họ, tôi khuyên họ đừng đến thăm.

Một buổi chiều âm đạm tôi thu mình trên giường đọc Kinh Thánh. Đó là cái lạnh bất thường vào đầu hè. Cơn gió mạnh đập phần phật vào cửa sổ. Khi bắt đầu đọc, tôi cảm thấy tay mình ấm áp và nhìn theo vệt nắng đổ trên cánh tay. Tôi nhìn ra cửa sổ ngay lúc mặt trời biến dạng sau các đám mây. Trong chỉ một phút, dường như Người đến với tôi và chạm vào tay tôi để an ủi.

Tôi ngược mắt lên, "Ôi lạy Chúa, con cô đơn quá; ngay cả đôi má con cũng héo khô vì thiếu trò chuyện. Hôm nay, xin Chúa gửi cho con ai đó để nói chuyện."

Vì đôi chút cảm thấy điều xin xỏ đó có vẻ con nít, tôi quay về với Kinh Thánh. Sau cùng, tôi có Người bầu bạn và điều đó đã đủ. Nhưng sau đó giây lát tôi nghe có tiếng động kỳ lạ trong nhà, kỳ lạ là vì từ lâu không có. Có tiếng người nói ở dưới nhà.

Tôi khoác áo vào và chạy vội ra hành lang để gặp nhỏ Nur-jan đang hụt hơi chạy về phía tôi. Nó hét lên, "Bà ơi, ông bà Old đang ở đây."

"Tạ ơn Chúa," tôi reo lên và hấp tấp gặp họ. Dĩ nhiên tôi đã từng thấy ông Ken và bà Mari trong nghi thức Chúa Nhật ở nhà họ, nhưng hôm nay thật khác biệt, một cuộc gặp gỡ giữa tuần. Bà Mari vội vã đến với tôi, cầm tay tôi bà nói: "Chúng tôi chỉ muốn gặp bà. Không có lý do gì khác ngoại trừ muốn ở với bà."

Cuộc thăm viếng chỉ có vậy. Khi nói chuyện tôi mới thấy mình sai lầm khi không mời người khác đến nhà. Sự kiêu hãnh khiến tôi không nhận ra các nhu cầu. Bỗng dưng tôi thấy có cảm hứng. Sao không mời mọi người đến nhà tôi để họp mặt ngày Chúa Nhật? Nhưng đó có phải là thêm dầu vào lửa không? Tôi cố dẹp bỏ ý nghĩ này nhưng không được. Ngay khi các bạn tôi sửa soạn ra về, tôi mau mắn nói:

"Ông bà có muốn đến đây tối Chúa Nhật không?"

Cả hai người nhìn tôi hơi chút sững sờ.

"Tôi muốn như vậy," vừa nói tôi vừa mở rộng cánh tay. "Vì căn nhà cỏ này cần có chút sức sống."

Thế là được quyết định.

Tối hôm đó khi chuẩn bị nghỉ ngơi, tôi nghĩ thật tuyệt vời khi Chúa quan phòng cho chúng ta. Khi gia đình và bạn hữu tôi bị lấy đi khỏi, Người thay thế họ với chính gia đình và bạn hữu của Người. Tôi ngủ một giấc ngon lành và tỉnh dậy khi ánh mặt trời ấm áp đã len qua khung cửa. Tôi đứng dậy mở cửa sổ, say sưa trong làn gió nhẹ ùa vào. Trong hương thơm của đất tôi có thể ngửi thấy hơi thở ấm áp của mùa hè giờ đây đã tràn ngập.

Tôi không thể chờ đợi cho đến tối Chúa Nhật. Vào chiều thứ Bảy, căn nhà cỏ xưa ấy đã đầy bông hoa; từng lầu, từng cửa sổ được chùi rửa cho đến lúc sạch bóng. Tôi gợi ý với nhỏ Raisham là nó có thể tham dự với chúng tôi nhưng nó hơi bối rối; nó chưa sẵn sàng cho một bước mạnh bạo như vậy và tôi không ép.

Sáng Chúa Nhật lên vào trong khi tôi cố giữ cháu Mahmud đừng nghịch trong phòng khách, rồi tôi căng lại tấm thảm Ba Tư, lúc nào tôi cũng sắp xếp lại các chậu hoa, và tìm tòi những vết bụi đầy đó để lau chùi. Nhưng sau cùng tôi nghe tiếng mở cổng và tiếng xe lăn bánh vào nhà.

Tối hôm đó là tất cả những gì tôi trông đợi, với thánh ca và sự cầu nguyện và kể cho nhau nghe những gì Thiên Chúa đang thực hiện. Chỉ có mười hai người chúng tôi, cộng thêm Mahmud, ngồi thoải mái trong phòng khách.

Tối hôm đó cũng có một mục đích đặc biệt, mà tôi không ngờ. Đó là các bạn của tôi thực sự rất lo lắng cho tôi.

Bà Mari hỏi, "Bà có thêm thận trọng không?"

Tôi cười, "Tôi không thể làm gì nhiều. Nếu ai muốn hại tôi, chắc chắn họ sẽ tìm ra cách."

Ông Ken nhìn quanh phòng khách rồi qua cửa sổ lớn nhìn ra khu vườn. Ông nói: "Thực sự ở đây bà không được bảo vệ nhiều. Tôi không ngờ bà dễ bị nguy hiểm đến thế."

"Còn phòng ngủ của bà thì sao?" Bà Synnove hỏi. Mọi người cảm thấy nên xem xét các phòng, do đó mọi người chúng tôi lũ lượt kéo nhau đi. Ông Ken đặc biệt để ý đến các cửa sổ, nhìn xuống khu vườn; chỉ có tấm kính và mạng lưới chắn bảo vệ.

Ông lắc đầu. "Bà phải biết là thực sự không an toàn. Bà phải làm điều gì đó; thiết kế một lưới sắt kiên cố hơn chẳng hạn. Ai cũng có thể vào qua lối này."

Tôi nói ngày mai tôi sẽ coi lại.

Không biết có phải là óc tưởng tượng hay là vinh quang của Người phai nhạt chút đỉnh khi tôi hứa như vậy?

Sau cùng chúng tôi tạm biệt và tôi vui sướng nghỉ ngơi sau một thời gian khá lâu. Tuy nhiên, ngày hôm sau, khi tôi định gọi người thợ sắt trong làng, một lần nữa tôi lại cảm thấy vinh quang của Người mờ đi mau chóng. Tại sao vậy? Có phải vì tôi chuẩn bị một hành động chỉ vì lo sợ? Dường như mỗi lần tôi định gọi người thợ sắt thì tôi lại ngưng.

Và sau đó tôi biết lý do. Khi tiếng đồn khắp làng là tôi làm cửa sắt, mọi người sẽ biết là tôi đang lo sợ. Tôi có thể nghe người ta xì xào. "A! Nói cho cùng Kitô Giáo là loại tôn giáo gì. Khi bạn trở thành Kitô hữu, bạn trở nên sợ hãi?" Không. Tôi quyết định sẽ không làm cửa sắt.

Tối hôm đó tôi đi ngủ với sự tin tưởng rằng mình đã quyết định đúng. Tôi chìm vào giấc ngủ ngay lập tức nhưng tôi giật mình thức giấc vì tiếng động. Tôi ngồi dậy, hốt hoảng nhưng không sợ. Trước mặt tôi xuất hiện một hình ảnh ngoạn mục.

Qua các bức tường phòng, trong một phương cách siêu nhiên, tôi có thể thấy toàn thể khu vườn. Nó tràn ngập ánh sáng trắng. Tôi có thể thấy từng cây bông hồng, từng lá cây, từng ngọn cỏ, từng cái gai. Và cả khu vườn thật yên lặng. Trong tâm hồn, tôi nghe Chúa Cha nói, "Con làm đúng, Bilquis. Ta ở với con."

Từ từ ánh sáng mờ dần và căn phòng tối trở lại. Tôi bật đèn ngủ, giang tay lên cao và cảm tạ Chúa. "Ôi Cha ơi, làm sao con có thể cảm tạ Cha cho đủ? Cha quá lưu tâm đến từng người chúng con."

Sáng hôm sau tôi gọi tất cả các đầy tớ lại và nói với họ là từ giờ trở đi, họ có thể ngủ tại nhà họ nếu muốn. Chỉ có cháu Mahmud và tôi ngủ trong căn nhà lớn này. Các đầy tớ liếc mắt nhìn nhau, một số ngạc nhiên, một số vui vẻ, chỉ một hoặc hai người hoảng sợ. Nhưng tôi biết tối thiểu một điều đã được chu toàn. Quyết định chấm dứt bất cứ tư tưởng nào bảo vệ chính mình. Và với quyết định đó, sự vinh quang lại đến và ở trong thời gian lâu hơn thường lệ. Có lẽ điều này cần cho các biến cố sắp xảy đến.

Một sáng kia khi Raisham chải tóc cho tôi, nó nói: "Con nghe nói là đứa con trai của dì Karim đã từ trần."

Tôi nhồm đùng dậy và nhìn nó nghi ngờ. Tôi há hốc, "Không có đâu." Không thể là Karim, người sẽ đưa cháu Mahmud đi câu! Nó là một trong những đứa tôi thích! Điều gì đã xảy ra? Tại sao tôi phải tìm hiểu cái chết của Karim qua các đầy tớ! Với ý chí sắt thép tôi tự chế ngự và ngồi xuống ghế để Raisham có thể tiếp tục công việc. Nhưng tâm trí tôi rối bời. Đây có thể là tin đồn, tôi nghĩ vậy. Raisham có thể lộn tên. Tim tôi hơi rộn rã. Sau này, tôi yêu cầu một bà lớn tuổi xuống làng tìm hiểu. Một giờ sau, bà trở lại, buồn bã.

Bà nói, "Rất tiếc, thưa bà, đó là sự thật. Nó chết tôi qua vì đau tim và hôm nay là đám tang."

Người đầy tớ nói, di của tôi biết tôi mến Karim là chừng nào, nên muốn đặc biệt "báo tin cho tôi biết là cháu đã từ trần." Nhưng không ai tuân theo lời ao ước của di.

Sau đó tôi ngồi ở cửa sổ trầm ngâm. Tôi đã bị tách biệt khỏi mọi sinh hoạt trong gia tộc đã sáu tháng, nhưng chưa bao giờ sự tấy chay làm tôi đau đớn như bây giờ.

Vừa ngồi ghé đong đưa, tôi vừa cầu nguyện xin Chúa giúp đỡ và, như thường lệ, luôn luôn sự giúp đỡ xảy đến. Lần này, như thể tấm áo choàng ấm áp choàng lên vai tôi. Và trong tâm tình đó một kế hoạch hành động bất thường xảy ra. Ý tưởng này làm tôi bàng hoàng. Nó quá mạnh mẽ đến độ tôi biết chắc rằng nó xuất phát từ Thiên Chúa.

Chương 10

HỌC CÁCH SỐNG TRONG SỰ VINH HIỂN CỦA CHÚA

Khi tôi ngồi ở cửa sổ nhìn xuống khu vườn, nơi Karim và tôi thường chơi đùa khi còn nhỏ, một ngọn gió mùa thổi lên từ nước Ấn làm cong cả ngọn cây. Trong đó dường như tôi nhận được một sứ điệp mà thật khó tin ở đời tai của mình.

Tôi mỉm cười lẩm bẫm, "Không thể nào Chúa thực sự nói với con như vậy. Con vừa mới nghe những điều đó mà! Chúa muốn con tham dự đám tang của Karim sao. Không thích hợp đâu Chúa ơi. Có vẻ lạc điệu quá. Và rồi con sẽ phiền hà những người đang thương tiếc Karim."

Ngay cả khi tôi đang phản đối, một lần nữa tôi cảm thấy sự Hiện Diện của Người mờ dần. Ngay lập tức, với dấu hiệu này, tôi bắt đầu tự hỏi không biết có thật là tôi được bảo phải thi hành điều khác thường này hay không, đó là trực diện với những người thù nghịch muốn tấy chay tôi.

Sau cùng, hít một hơi dài, tôi bước ra khỏi chỗ ngồi ở cửa sổ, nhún vai và nói lớn, "Chúa ơi, con đang bắt đầu học. Cảm giác của con về những gì đúng cần phải làm thì không thể nào sánh với Chúa được! Con sẽ đến đó, một khi Chúa nói với con như vậy."

Và dĩ nhiên, tôi lại cảm thấy sự Hiện Diện của Người.

Thật lạ thường là dường nào khi cảm được sự xuất hiện cũng như tan biến của vinh hiển Chúa. Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng là sự hiểu biết đó mới chỉ sơ sài. Làm thế nào để tôi có thể ở trong sự Hiện Diện của Người càng lâu càng tốt? Tôi không ngờ rằng trong hai tháng kế tiếp tôi có được một chuỗi cảm nghiệm giúp tôi thăng tiến thêm trong tiến trình học hỏi ấy.

Tôi đứng trên con đường đá sỏi dẫn đến nhà của Karim và do dự. Bất kể là tôi đã hứa vâng lời Chúa, tôi cảm thấy mình như một con bò câu lẻ loi sắp bị ném vào hang rắn độc. Hít một hơi dài, tôi hướng về ngôi nhà bằng đá nằm giữa các căn tương tự. Tôi bước vào sân và đi lên hành lang, chịu sự dòm ngó của các

dân làng đang im lặng ngồi chung quanh. Tôi đi vào một căn nhà kiểu xưa với trần được trạm trổ và các bức tường bằng thạch cao trắng, đó là nơi Karim và tôi thường chơi đùa và cười giỡn với nhau.

Giờ đây tiếng cười không còn nữa. Ngoài bầu khí ảm đạm của gia đình đang thương tiếc, tôi còn phải hứng chịu những cái nhìn khinh miệt lạnh lùng. Tôi đưa mắt nhìn về người chị họ mà trước đây chúng tôi rất thân. Ánh mắt chúng tôi gặp nhau trong giây lát; chị quay đầu đi và chuyện trò với một người đứng gần đó.

Đôi vai giương cao tôi đi vào phòng khách, rồi ngồi xuống một tấm nệm dày được đặt trên sàn nhà và có các gối đệm rải rác chung quanh. Tôi kéo váy sari che đôi chân. Bỗng dung mọi người như tỉnh thức khi nhận ra tôi là ai. Tiếng rì rào nói chuyện tràn ngập căn nhà bỗng dung im bật. Ngay cả các bà đang lần chuỗi, mỗi một hạt biếu thị một lời cầu xin với Ala, cũng ngừng và ngược nhìn. Cả căn phòng, nóng nực với cái nóng đầu hè và với biết bao người trong đó, bỗng dung dường như ớn lạnh.

Tôi không nói một lời, không muốn trò chuyện với ai, chỉ cúi đầu và thầm thì cầu nguyện, "Lạy Chúa Giêsu, xin ở với con khi con đại diện cho Chúa trong nhóm bạn hữu và thân thuộc đang buồn sầu vì cái chết của Karim."

Sau mười lăm phút, tiếng rì rào nói chuyện lại nổi lên. Đã đến lúc phải chia buồn với vợ của Karim. Ngẩng cao đầu, tôi đứng dậy và bước vào phòng kế cận, nơi thi hài Karim được đặt trong một quan tài sâu và to, được đóng theo phong tục Hồi Giáo để người chết có thể ngồi dậy khi các thiên thần đến tra hỏi trước khi được vào thiên đàng. Tôi chia buồn với vợ của Karim, sau đó nhìn vào khuôn mặt im lìm của người anh họ thân mến của tôi trong tang phục màu trắng, và tôi thì thầm lời cầu nguyện với Chúa Giêsu cho linh hồn người ấy. Ôi tôi rất muốn được nói chuyện với anh trước khi anh từ trần.

Tiếng râm ran trầm buồn tràn ngập căn phòng khi vợ con người qua đời cầu nguyện cho Karim. Các bà thì đứng và đọc các câu thơ trong kinh Koran. Đó là các phần nói về sự sống và cái chết mà tôi quá quen thuộc. Tôi xoay lưng lại tất cả các thứ đó. Hôm nay trước khi mặt trời lặn, đám tang sẽ ra nghĩa trang với mọi người trong gia đình đi theo sau quan tài. Tại phần mộ, khi quan tài được đặt trong lòng đất một thầy tu sẽ đọc lớn, Ôi Thượng Đế thật cao trọng. Lạy Ngài, đây là tôi tớ của Ngài, con của tôi tớ Ngài. Hẳn luôn tuyên xưng chỉ có Ngài chứ không có Thượng Đế nào khác, và Môhamét là tôi tớ của Ngài và sứ giả của Ngài...

Khi tôi đứng lắng nghe tiếng than van nhẹ nhàng trong căn phòng, tôi thấy mẹ của Karim quỳ bên quan tài. Bà có vẻ đau khổ, bỗng dung tôi cảm thấy giục giã đến bên bà. Tôi có dám không? Đó có phải là sự lãng mạn không? Tôi có nên nói điều gì về Chúa Giêsu không? Có lẽ không. Chỉ cần hiện diện ở đó như một Kitô Hữu cũng đã đem Chúa Giêsu đến bên bà một cách an ủi.

Do đó tôi bước đến bên mẹ của Karim và ôm lấy vai bà, nhỏ nhẹ chia buồn. "Karim và cháu rất thân với nhau. Xin Thượng Đế chúc lành và an ủi bác." Mẹ của Karim xoay đầu lại. Đôi mắt đẫm lệ của bà nhìn tôi biết ơn và tôi biết Chúa Giêsu cũng đã an ủi trái tim phiền muộn của bà.

Nhưng dường như mẹ của Karim là người duy nhất trong phòng chấp nhận hành động của tôi. Khi tôi rời bà và trở về ngồi với các thân quyến đang thương khóc, một người bà con--cũng gần lắm--vội vã đứng dậy và ra khỏi phòng. Một người bà con khác đi theo. Và rồi một người khác nữa.

Tôi ngồi đó vừa bối rối với những cảm xúc thương xót Karim cùng tang quyến, vừa thật ngỡ ngàng lúng túng. Tim tôi đập mạnh. Thái độ thù nghịch đã khiến tôi phải tự vệ. Tất cả những gì tôi có thể làm là ngồi lì ở đó trong một thời gian rồi đứng dậy, chào tạm biệt và bước ra khỏi phòng. Sau cùng khi ra về, tôi cảm thấy mọi con mắt trong nhà như muốn ăn tươi nuốt sống tôi.

Tôi ngồi trong xe một lúc lâu để trấn tĩnh lại. Tôi đã vâng lời Chúa, và giá phải trả thì cao. Chắc chắn là tôi muốn ở nhà hơn là đi vào tâm điểm của sự tức giận.

Nếu nghĩ rằng tôi chỉ phải đi qua thung lũng này một lần, thì thật sai lầm. Một vài tuần sau, ngay khi cái nóng giữa hè bắt đầu tràn lấp quận lỵ, một người bà con khác lại từ trần. Lại vâng lời sự hướng dẫn của Chúa, tôi thấy mình miễn cưỡng đi vào một căn phòng đầy những người có thái độ ghét bỏ thật lạnh lùng. Với sức mạnh của ý chí, tôi cố gắng không nghĩ gì đến chính mình và hướng về người thực sự mất mát, là vợ người qua đời. Bà cũng có một đứa con trai chừng năm tuổi, cùng tuổi với cháu Mahmud. Bà thật đau khổ một mình đứng bên quan tài, tôi khóc cho bà và chồng bà.

Và rồi cũng như tôi đã thi hành trong tang lễ của Karim, tôi thấy mình được thúc giục đến với người đàn bà tuyệt vọng này. Khi đến gần, ánh mắt chúng tôi gặp nhau, và tôi thấy sự do dự thoáng qua trên khuôn mặt đầy nước mắt của bà. Sau đó, với một quyết định mau chóng, dù biết trái với ý muốn của gia đình, bà đưa tay về phía tôi. Khi cầm lấy bàn tay gầy guộc và run rẩy của bà, tôi âm thầm nhỏ lệ. Chúng tôi chỉ trao đổi một hai câu, nhưng tim tôi cầu nguyện thật mãnh liệt xin Thánh Thần đến trong sự mất mát của bà cũng như giữ lời hứa của Người, ngay cả với người Hồi Giáo thân yêu này, là "Phúc cho những ai than khóc."

"Cám ơn Bilquis, cám ơn" bà quả phụ thì thầm những lời ấy khi buông tay tôi ra. Tôi ôm lấy bà rồi bước ra khỏi phòng.

Thật kỳ quặc, hai đám tang liền một lúc. Đó là một điều bất thường cho gia đình tôi. Nhưng trong mỗi trường hợp, tôi được Chúa bảo thật rõ ràng, thật dứt khoát là phải ra khỏi căn nhà êm ấm của tôi và đến những nơi cần thiết. Tôi không phải nói nhiều. Chỉ để sự hiện diện ân cần của tôi làm chứng.

Và suốt thời gian ấy Thiên Chúa làm việc với tôi. Người có quá nhiều điều để dạy tôi, và Người dùng các đám tang này như lớp học của Người.

Chính trong khi thăm viếng tang quyền mà tôi khám phá điều bí ẩn lớn lao để có thể ở trong sự Hiện Diện của Người.

Trong tang lễ của Hồi Giáo, không ai nấu nướng hay ăn uống khi chưa chôn cất. Điều này có nghĩa phải nhịn đói nguyên ngày nhưng không quá khó khăn. Tuy nhiên, hôm ấy, khi ngồi một mình trong căn phòng đầy người, bỗng dưng tôi thấy thèm trà. Tôi tự nhủ, đây là điều không thể không có.

Sau cùng, không nhịn được nữa, tôi đứng dậy xin kiếu. Tôi nghĩ, mình phải rửa tay chứ. Tôi lên ra khỏi nhà và đến một quán ăn nhỏ ở cuối đường. Tôi dùng trà ở đó rồi quay lại đám tang.

Ngay lập tức, tôi cảm thấy sự cô đơn kỳ lạ, như thể một người bạn vừa từ giã tôi. Dĩ nhiên tôi biết đó là gì. Sự Hiện Diện đầy an ủi của Thần Khí Người không còn nữa.

Tôi nói với chính mình, "Chúa ơi, con đã làm gì vậy?"

Và rồi tôi biết. Tôi vừa nói dối khi xin kiếu ra ngoài.

"Nhưng đó chỉ là nói dối vô hại mà Chúa," tôi tự nhủ. Tôi vẫn không cảm thấy khuây khỏa. Thật im lặng như tờ.

Tôi nài nỉ, "Nhưng Chúa ơi, con không còn phải theo các tập tục Hồi Giáo nữa. Và ngoài ra, con không thể sống mà không có trà được. Chúa biết mà."

Vẫn không cảm thấy Thần Khí của Người.

Tôi tiếp tục nài nỉ, "Nhưng Cha ơi, con không thể nói với họ là con ra ngoài để uống trà ăn bánh được. Điều đó làm họ đau lòng."

Vẫn không có Thần Khí.

"Thôi được. Con hiểu rồi. Thật sai lầm khi con nói dối. Con biết là con tìm kiếm sự đồng ý của loài người và đúng ra con chỉ nên sống theo sự đồng ý của Chúa mà thôi. Con thực sự xin lỗi, Chúa ơi. Con sẽ không làm thế nữa nếu Chúa giúp con."

Và với những lời ấy, sự Hiện Diện an ủi của Người lại tràn ngập tôi, như mưa đổ xuống trên mặt hồ khô cạn. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi biết là Người ở với tôi.

Và đó là một phương cách nữa mà tôi vừa được biết để trở về với sự Hiện Diện của Người cách mau chóng. Bất cứ khi nào không cảm thấy sự gần gũi của Người, tôi biết mình đã làm buồn lòng Chúa. Tôi phải nhìn lại cho đến khi nhận ra sự Hiện Diện của Người lần sau cùng. Và rồi tôi kiểm điểm lại mọi hành động, mọi lời nói và mọi tư tưởng cho đến khi khám phá ra điều làm lỗi. Lúc đó tôi thú tội và xin Người tha thứ.

Tôi học được điều này với sự can đảm ngày càng gia tăng. Qua việc tập luyện vâng phục tôi biết được vẻ đẹp bí ẩn của sự hối lỗi. Tôi khám phá thấy sự hối lỗi không phải là ăn năn khóc lóc mà là thú nhận mình đã sai trái ở đâu và thú nhận rằng với sự giúp đỡ của Chúa chúng ta sẽ không tái phạm lỗi lầm ấy nữa. Khi nhận ra khuyết điểm của mình, tôi mới có thể xin Chúa nâng đỡ.

Chính trong thời gian này tôi khám phá rằng không có dối trá nào mà không hại người khác. Nói dối là nói dối và luôn luôn xuất phát từ Satan, là cha dối trá. Hẳn dùng những nói dối "vô hại" để chúng ta bắt đầu đi vào một thói quen xảo quyệt. Nói dối dọn đường cho những cám dỗ khác lớn hơn sẽ đến. Satan rí tai rằng nói dối vô hại là sự "lưu tâm" đến người khác. Chúng ta khom lưng khuất phục một thế giới không thuộc về Chúa Giêsu, Người là Sự Thật.

Tuy tôi học được điều này trong đám tang của người bà con, bài học đó khởi sự một đời sống mới cho tôi, mà trong đó tôi cố gắng nhổ tận gốc mọi dối trá. Từ ngày đó trở đi mỗi lần sửa soạn nói dối tôi lại ngăn chặn kịp. Có lần một người thừa sai quen biết mời tôi đến dự cuộc họp mà tôi không thích. Tôi dự định sẽ kiêu từ với lý do có cuộc gặp gỡ khác. Ngay lúc đó như có tiếng báo động trong tôi và kịp thời tôi ngưng lại. Thay vào đó, tôi thấy mình được tín nhiệm nhưng vẫn không làm buồn lòng người khác khi thành thật trả lời, "Thành thật cáo lỗi, tôi không thể đến đó được."

Hoặc, một ngày kia tôi ngồi xuống viết thư cho một người bạn ở Luân Đôn và tôi đặt bút viết "vì xa thành phố trong một thời gian nên tôi không thể trả lời thư của bạn ngay được." Tôi dừng bút.

Xa thành phố? Lúc nào mà tôi chẳng ở đó. Tôi vò tờ giấy, vất vào thùng rác và viết lại. "Bạn mến: Tôi xin lỗi đã chậm trễ trả lời thư bạn..."

Chắc chắn đó là những điều nhỏ mọn. Nhưng tôi học được rằng khi thận trọng trong việc nhỏ sẽ giúp tôi chống trả những cám dỗ lớn dễ dàng hơn. Ngoài ra, cuộc sống dễ thở hơn khi tôi không phải mất thời giờ bịa đặt.

Từ từ, chắc chắn, tôi chớm thấy rằng tôi đang cố gắng sống với Đức Kitô như một người đồng hành trung kiên! Dĩ nhiên, điều đó không dễ. Tôi thấy mình thường trở về đường cũ! Nhưng tôi vẫn cố gắng.

Và trên cuộc hành trình tôi khám phá ra khía cạnh thực tế của lời hứa, "Trước hết hãy tìm kiếm nước Thiên Chúa, và sự chính trực của Người; và tất cả những điều khác sẽ được ban cho anh em" (Mt. 6:33). Vì, khi tôi cố gắng đặt Chúa lên trên hết, những nhu cầu chân thành khác lại được ban cho tôi.

Một buổi chiều kia, nhỏ Raisham bước vào phòng với khuôn mặt sững sờ. Nó nói: "Có một người trong phòng khách đợi được gặp bà."

"Ai vậy?" tôi hỏi.

"Thưa bà, nếu con không lầm thì đó là mẹ của Karim."

Chắc nó lầm! Mẹ của Karim thì đời nào đến đây.

Tôi bước xuống nhà băng khuâng tự hỏi đó là ai. Nhưng khi vừa rẽ vào phòng khách, quả thật mẹ của người anh họ tôi đang đứng đó. Nghe tiếng chân tôi, bà ngược nhìn, chạy đến và ôm lấy tôi.

"Bilquis ơi," bà nói với đôi mắt ngấn lệ. "Bác đến để nói với cháu một điều. Trong đám tang, lúc đầu bác không thấy cháu trong đám người đến chia buồn. Nhưng bác phải nói là cháu đã an ủi bác thật nhiều. Bác không biết... có điều gì đó thật lạ lùng. Thật đậm ấm và đặc biệt."

Và sau cùng tôi thấy tại sao tôi không được phép trực tiếp nói về Chúa Giêsu cho mẹ của Karim nghe trong khi bà đau đớn mất người thân yêu. Vì điều đó giống như lợi dụng. Bây giờ hoàn cảnh thật khác biệt. Một cách ôn tồn và nhẹ nhàng, tôi nói cho bà nghe về Chúa Giêsu, Người thật có ý nghĩa đối với tôi, và Người thật từ từ nhưng cương quyết thay đổi kiểu cách hống hách của tôi bằng cá tính niềm nở của Người.

"Đúng vậy," mẹ Karim lên tiếng. "Cháu thật sự lưu tâm. Cháu thật sự muốn chia sẻ sự đau buồn của bác."

Đó là cuộc viếng thăm ngắn ngủi nhưng thật tuyệt diệu. Khích lệ cả hai chiều: Trước hết, đã có người nhận ra sự thay đổi nơi tôi; và thứ hai, tôi hy vọng sự tẩy chay sẽ bắt đầu gián đoạn.

Tuy nhiên, nó không xảy ra mau chóng. Cứ mỗi lần điện thoại reo thì đó lại là một người thừa sai bạn của tôi. Do đó, một sáng kia ngay trước ngày sinh nhật thứ sáu của Mahmud, khi tiếng điện thoại reo tôi đoán là bà Maria. Nhưng thay vào đó, tôi nghe tiếng nói của bà mẹ người bà con thứ hai mới từ trần.

"Bilquis?"

"Dạ."

"Bilquis, bác muốn nói là bác rất cảm ơn điều cháu giúp đỡ cho con dâu của bác. Nó bảo lời cháu nói rất an ủi nó."

Thật lạ lùng. Tôi có nói gì nhiều đâu. Chính Đức Kitô là người an ủi đấy chứ.

Chúng tôi trao đổi vài lời vui vẻ và sau đó gác máy.

Một lần nữa tôi không thể làm gì khác hơn là bàng hoàng ở những điều mà Chúa Giêsu đã thực hiện qua tôi khi tôi nói ít lời hoặc chẳng nói gì về Người cả. Chính sự hiện diện của tôi ở đó, đại diện cho Thần Khí Người trong lúc cần thiết đã là một sự giúp đỡ.

Trong vài tuần kể đó, một vài phần tử khác trong gia đình đến thăm tôi. Họ ghé ngang để thăm Mahmud vào ngày sinh nhật của nó, đem cho nó ít bánh kẹo và quà. Bề ngoài là để thăm thằng bé. Thực sự, tôi biết, đó là lời bào chữa khéo. Họ đến để hòa dịu phần nào sự xúc phạm khi tẩy chay tôi. Các cuộc thăm viếng của họ luôn luôn ngắn ngủi và miễn cưỡng. Nhưng họ thông minh, biết lợi dụng kẽ hở của bức tường được chính họ dựng lên bao bọc quanh tôi.

Đã gần một năm trôi qua kể từ khi tôi quyết định chấp nhận lời mời gọi của Chúa Kitô. Thời gian trôi thật nhanh! Chẳng bao lâu sẽ đến ngày sinh nhật của tôi. Đã một năm kể từ khi tôi dâng mình cho Chúa. Và giờ đây tôi ngóng đợi việc thực sự mừng lễ Giáng Sinh. Dĩ nhiên tôi đã từng thấy người ta mừng lễ Giáng Sinh ở Âu Châu. Nhưng chưa bao giờ tôi thực sự mừng lễ Giáng Sinh. Tôi mượn một máng cỏ của ông bà Mitchell. Khi họ đem máng cỏ đến nhà, họ cũng mang theo một cây thông nhỏ, và chúng tôi hát, "Ô cây Noel... ô cây Noel..." trong khi bé Mahmud hét lên vui sướng. Các dây tơ đặt cây thông trong phòng khách và tất cả chúng tôi trang hoàng cây với những giải giấy màu.

Tuy nhiên, có điều gì không ổn.

Tôi rất thích các ngày lễ, nhưng tôi không thấy ý nghĩa đích thực. Tôi bắt đầu tự hỏi có thể nào tôi mừng lễ Giáng Sinh trong một phương cách mà nó phản ánh những thay đổi trong cuộc đời tôi hay không.

Và rồi một ý tưởng nảy ra trong đầu. Tại sao không tổ chức họp mặt cho mọi người - các nhà truyền giáo, và dân làng, ngay cả các người quét đường. Ngay tức thì, tôi nghe có tiếng cảnh cáo của dòng tộc là tôi đừng phô trương đức tin; và tôi cũng nghe tiếng của ông tướng cảnh cáo rằng ông sẽ không thể chính thức bảo vệ tôi nếu gặp khó khăn. Tôi biết một cuộc họp mặt Giáng Sinh như thế sẽ là một đe dọa đối với nhiều người. Tuy nhiên, sau nhiều lần cầu nguyện tôi cảm thấy sự Hiện Diện của Chúa dường như mạnh mẽ nhất khi tôi bắt đầu chuẩn bị cho một cuộc họp bất thường ấy.

Do đó tôi tiếp tục tổ chức họp mặt Giáng Sinh như dự định và tạo nên một khuấy động ở làng Wah. Dân làng đến từ sớm và tụ tập chung quanh cây thông trong phòng khách. Sau đó các nhà thừa sai đến. Bà Synnove tập hát cho mọi người. Và tôi ngạc nhiên khi một dây tơ cho biết bà di của tôi và một vài bà con từ Rawalpindi đến thăm tôi!

Tim tôi đập thình thịch. Không biết họ sẽ phản ứng như thế nào? Tôi không cần phải lo lắng--họ sẽ phản ứng một cách bình thường theo kiểu thượng lưu. Trước hết họ sẽ há hốc miệng, sau đó âm thầm rút lui sang phòng khác và ngồi một mình trong sự thỉnh lặng ngột ngạt.

Tôi không muốn bỏ quên nhóm nào do đó tôi đi hết phòng này sang phòng khác. Như thể đi đi lại lại từ bồn nước nóng sang bồn nước lạnh.

Sau cùng, có lẽ vì sự kiên trì của tôi, một vài phần tử trong gia đình bắt đầu khuấy khóa. Ngay cả một vài người đó đi vào phòng khách và cùng mừng lễ chung quanh cây thông. Lúc cuối cuộc họp mặt, họ chuyện trò với ông bà Old và Mitchell, nhưng không nói chuyện với các người quét đường.

Tôi hy vọng cuộc họp mặt này tiên đoán khởi đầu một năm khác biệt. Không phải một năm dễ dàng, nhưng chỉ là một năm khác lạ. Vì bày ra ngay trước mặt tôi là những ngã ba đường chằng chịt có thể khiến tôi gặp khó khăn nếu tôi sai bước. Vì ngoài một vài bà con và thân hữu trở lại với tôi, còn có một loại thăm viếng khác. Họ là những người quyết định đưa tôi trở về với đức tin Hồi Giáo. Tôi có cảm tưởng là có những người tò mò, nóng lòng muốn biết xem tôi phản ứng thế nào với những lời thúc giục tôi trở về nhà. Liệu tôi phải thận trọng im lặng, hay tôi phải lên tiếng?

Một lần nữa, câu trả lời lại đến với tôi trong sự Hiện Diện của Chúa. Vì bất cứ khi nào thử dùng thủ đoạn, tôi đều cảm thấy không an tâm và cô đơn. Nhưng bất cứ khi nào tôi trả lời các câu hỏi gay go ấy một cách thẳng thắn và trong đức ái, tôi cảm thấy Chúa hiện diện với tôi.

Tỉ như, một chiều kia, có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Tôi ngạc nhiên, vì đó là hai giờ trưa.

"Ai đó?" Cửa mở ra. Đó là nhỏ Raisham. "Thưa bà có khách đến thăm."

Giọng nói của nó có vẻ do dự. Tôi từng nói với Raisham là tôi không muốn bị quấy rầy từ trưa cho đến ba giờ chiều. Tuy nhiên, đó không phải là một mệnh lệnh. Một năm trước đây, tôi đã gay gắt ra lệnh cho Raisham đừng quấy rầy tôi vì bất cứ lý do gì. Giờ đây, tôi giải thích cho nó biết rằng thời giờ không còn là của tôi nữa, mà là của Chúa. Nếu có điều gì nó nghĩ là tôi phải biết, thì cho biết ngay dù bất cứ lúc nào.

"Thưa bà, đó là một người nước Anh." Trong ánh mắt của nó có chút hóm hỉnh. "Ông ấy bảo ông muốn nói về Thiên Chúa."

"Được rồi, bác sẽ xuống."

Đợi tôi trong phòng khách là một người Anh xanh xao, tóc lờm chờm. Tôi thích thú khi thấy ông mặc y phục bình dân của người Pakistan, chiếc áo trắng và quần rộng thùng thình. Với nét mặt xanh xao và áo trắng, dường như ông biến dạng trong bức tường trắng của phòng khách. Sau khi xin lỗi vì không hẹn trước, ông đi thẳng vào đề. Ông cho biết ông từ mãi Karachi đến đây để gặp tôi; vì ông đã bỏ Kitô Giáo để theo Hồi Giáo, các phần tử trong gia đình tôi nghĩ chúng tôi có cùng chung những ý thích. Tôi tự nhủ, "À thì ra thế. Vì biết mình rất thích người Anh nên họ nghĩ mình sẽ bàng hoàng khi thấy một người Anh từ bỏ Kitô Giáo để theo Hồi Giáo."

Vị khách của tôi ập a ập ứng rồi sau cùng đề cập đến mục đích cuộc viếng thăm.

Ông nói, "Bà Begum này. Một điều thực sự làm tôi khó chịu khi người Hồi Giáo trở về với Kitô Giáo là cuốn Phúc Âm. Tất cả chúng tôi đều biết rằng Tân Ước Kitô Giáo đã bị sửa đổi khác với những gì Thiên Chúa đã ban cho."

Ông bày tỏ lời kết án chính yếu của Hồi Giáo về Phúc Âm, họ cho rằng sách này đã bị sửa đổi đến độ các bản ngày nay không còn tin tưởng được. Người Hồi Giáo cho rằng nguyên bản Phúc Âm thì phù hợp với kinh Koran.

Tôi nói, "Hy vọng là ông không nghĩ tôi nói đùa. Tôi thực sự muốn biết vài điều. Tôi thường nghe là Phúc Âm bị sửa đổi nhưng tôi không thể biết ai sửa đổi. Những sửa đổi ấy xảy ra khi nào và các đoạn nào?"

Vị khách của tôi ngả người ra sau, mắt nhìn lên trần nhà, tay gõ nhịp trên thành ghế. Ông ta không có câu trả lời. Tôi biết là không ai có thể trả lời câu hỏi này.

Tôi nói tiếp, "Ông thấy không, ở Bảo tàng Viện Anh Quốc có những cuốn Phúc Âm cổ được viết xuống trước khi Môhamét sinh ra gần ba trăm năm. Về mỗi vấn đề giữa Kitô Giáo và Hồi Giáo những bản cổ này không có gì khác với Phúc Âm ngày nay. Các chuyên gia nói rằng, các điều căn bản chủ yếu trong Phúc Âm ngày nay không khác gì với nguyên bản. Đây là điều quan trọng đối với tôi. Vì, với tôi Phúc Âm trở nên Lời sống động. Nó nói với linh hồn tôi và nuôi dưỡng tôi. Nó hướng dẫn tôi... Và vì vậy, thật quan trọng để biết những chỗ nào mà tôi bị lừa gạt. Ông có thể cho tôi biết không?"

Vị khách nói, "Bà nói về 'Lời' như thể đang sống động."

Tôi trả lời, "Tôi tin là Đức Kitô đang sống, nếu đó là điều ông muốn nói. Chính kinh Koran nói Đức Kitô là Lời của Thiên Chúa. Nếu có thời giờ tôi muốn nói với ông về điều này."

"Tôi phải đi ngay."

Và chỉ có vậy. Tôi tiễn vị khách ra cửa và mời ông trở lại. Ông không bao giờ trở lại nhưng những người khác lại đến, một số được trang bị kỹ càng cho sự tranh luận và với những quan niệm sai lầm! Tôi không bao giờ quên có một ông cho rằng Kitô Hữu thờ ba Chúa khác nhau.

Ông nói, "Chúa Ba Ngôi của bà gồm Thiên Chúa, Đức Maria và Đức Giêsu! Kitô Hữu các bà nói rằng Thiên Chúa lấy vợ là Đức Maria và từ đó sinh ra Đức Giêsu. Đức Ala không thể có vợ!" ông cười đắc thắng.

Tôi cầu xin. Và một ý tưởng rõ ràng đến với tôi.

"Ông có thực sự đọc kinh Koran không?" tôi hỏi.

"Dĩ nhiên rồi."

"Vậy ông có nhớ kinh Koran nói gì khi Đức Kitô nhận được Thần Khí Thiên Chúa không?" Tôi thường bàng hoàng khi thấy kinh Koran nói về các chân lý tuyệt vời như điều này. "Có lẽ ông được nghe về Sadhu Sundar Singh, một người Sikh đạo đức được thấy Đức Giêsu trong một thị kiến. Đây là điều Đức Giêsu giải thích cho ông ta về Chúa Ba Ngôi: 'Cũng như trong mặt trời vừa có ánh sáng vừa có sức nóng, nhưng ánh sáng không phải là sức nóng, và sức nóng không phải là ánh sáng, nhưng cả hai là một, dù thể hiện dưới những hình thức khác nhau, do đó Ta và Thánh Thần, xuất phát từ Chúa Cha, đem ánh sáng và sức nóng đến thế giới... Tuy nhiên Chúng Ta không phải là ba nhưng là Một, cũng như mặt trời chỉ là một.'"

Căn phòng im như tờ khi tôi dứt lời. Vị khách của tôi trầm ngâm suy nghĩ. Sau cùng ông đứng dậy, cảm ơn tôi đã dành thời giờ cho ông và im lặng từ giả.

Khi trông theo bóng dáng tuyệt vọng của ông bước trên con đường đá sỏi, tôi tự hỏi có phải ông này cũng như ông người Anh trước đây cũng được Thiên Chúa dùng đến hay không. Tôi không thể nào biết được điều ấy vì sau đó họ không bao giờ trở lại. Điều đó không quan trọng. Có lẽ tôi không nên tìm hiểu kết quả. Điều duy nhất tôi phải bận tâm là sự vâng lời. Nếu Chúa muốn tôi nói với những người này, thì đó là điều tôi phải làm.

Khi mùa đông từ từ vào xuân, dường như Thiên Chúa cũng ban cho tôi nhiều cách khác để lên tiếng. Tôi đến Lahore và--sau cuộc thăm viếng tốt đẹp nhưng không mấy thiện cảm với con trai Khalid--tôi mua một trăm cuốn Phúc Âm để tặng cho bất cứ ai muốn đọc. Tôi cũng mua một lô sách biện hộ Kitô giáo. Tôi phân phát bất cứ khi nào có thể, ngay cả để các sách ấy trong phòng vệ sinh công cộng. Tôi không rõ điều

này có tốt không. Có lần tôi trở lại phòng vệ sinh, tôi thấy chồng sách vở đi nhưng khi nhìn vào các sọt rác, tôi cũng thấy các trang giấy sách hộ giáo nhàu nát.

"Dường như vô dụng," tôi tự nhủ. "Có phải con đang thi hành điều Chúa muốn không? Tại sao vậy, Chúa ơi. Sao chưa có lần nào con được thấy kết quả khi nói về Chúa?" Một người Anh trở lại Hồi Giáo, và một ông Tướng, và các người đầy tớ bỏ trốn, và hàng trăm lần tôi nói chuyện với các người trong dòng họ cũng như bạn hữu--không một lần nào đem đến kết quả nhãn tiền. "Khó hiểu quá Chúa ơi! Con không hiểu sao Chúa không dùng đến con."

Khi tôi cầu nguyện, cảm giác về sự Hiện Diện của Chúa ngày càng lớn dần. Dường như Người lấp đầy bầu khí trong phòng với sức mạnh và sự an ủi. Tôi nghe trong tâm hồn lời đề nghị rõ rệt, "Biquis, Thầy chỉ có một câu hỏi với con. Hãy nghĩ lại những lần con nói chuyện với bạn hữu, và với gia đình con. Nghĩ lại những lần con chấp nhận những người đến tranh luận với con. Con có thấy sự Hiện Diện của Thầy trong những lần đó không?"

"Thưa Chúa có. Quả thật là có."

"Sự vinh hiển của Thầy có ở đó không?"

"Thưa Chúa có."

"Đó là tất cả những gì con cần. Kết quả không phải là điều con bận tâm. Tất cả những gì con cần lo lắng là sự vâng phục. Hãy tìm sự Hiện Diện của Thầy, đừng tìm kết quả."

Do đó tôi tiếp tục con đường của tôi. Điều kỳ lạ là nó trở nên quãng thời gian ngày càng hứng khởi và khích lệ. Có lần Chúa đã giúp tôi đừng nhìn đến "các kết quả" và hướng về sự Hiện Diện của Người, tôi có thể vui thích khi gặp gỡ bạn hữu, bà con mà không cảm thấy một chút chán chường. Tôi học cách lợi dụng thời cơ. Dù cuộc đàm thoại về vấn đề chính trị hay thời trang, tôi vẫn xin Chúa gợi ra một câu hỏi mà nó đem đến cho tôi cơ hội thuận tiện. Thí dụ, có một lần khi tôi nói chuyện với người cháu, cuộc đàm thoại hướng về người chồng cũ của tôi, hiện làm đại sứ ở Nhật.

"Nếu bác Khalid đến nhà bác thì sao?" con bé hóm hình cười, hơi nhú đôi lông mày.

Tôi nhìn thẳng nó, "Bác sẽ mời ông ấy vào nhà. Bác sẽ mời uống trà." Đứa cháu gái nhìn tôi nghi ngờ. "Bác sẽ tha thứ cho ông ấy," tôi tiếp tục. "Và bác hy vọng ông ấy tha thứ cho bác vì những gì bác đã làm ông ấy buồn."

"Làm sao bác có thể tha thứ được!" Cô cháu gái biết rằng sự đổ vỡ là điều khó khăn nhất.

Tôi giải thích rằng chắc chắn không dễ để tha thứ với chính sức mạnh của mình. Tôi xin Chúa Giêsu giúp đỡ tôi. Tôi nói, "Cháu biết là Chúa Giêsu mời tất cả chúng ta đến với Người, với những khó nhọc của chúng ta. Chúa Giêsu đã cất gánh nặng vì căm thù khỏi con người bác."

Nó ngồi thình lạng trong giây lát rồi nói, "Đó là một điều của Kitô Giáo mà cháu chưa bao giờ nghe đến. Nếu bác tiếp tục nói theo chiều hướng này thì cháu sẽ là người đầu tiên đến đây và tìm hiểu về Chúa Giêsu."

Ngay cả vậy tôi cũng thất vọng. Tôi quá kỳ vọng. Tôi tin rằng cháu tôi sẽ trở lại nhưng không bao giờ nó đến.

Trong thời gian này, có nhiều lần tôi đánh mất sự vinh hiển của Chúa. Luôn luôn xảy ra theo cùng một kiểu cách. Tôi rơi vào bẫy của Satan khi nghĩ rằng tôi giỏi giang! Lý lẽ của tôi thật thâm thúy! Ti như một ngày kia bạn tôi hỏi, "Tại sao bạn có vẻ quá khác biệt như vậy? Bạn phải thú nhận rằng chúng ta thờ phượng cùng một Thượng Đế, dù là Kitô Giáo, Hồi Giáo, Ấn Giáo, Phật Giáo hay Do Thái Giáo. Chúng ta có thể gọi Người khác nhau, nhưng nói cho cùng cũng cùng một Thượng Đế."

"Bạn muốn nói Người như một đỉnh núi mà có nhiều đường đến khác nhau?"

Anh ta ngồi xuống, xoay ly trà và gạt đầu. Và tôi bắt đầu tấn công.

Tôi nói, "Người có thể là một đỉnh núi nhưng chỉ có một đường đến với Người, qua Đức Giêsu Kitô. Chúa Giêsu nói: 'Ta là đường, là sự thật và là sự sống.' Không phải là một con đường nào đó," tôi cay cú nhấn mạnh, "mà là con đường này."

Bạn tôi đặt tách trà xuống, nhăn mặt và lắc đầu. Anh nói, "Bilquis, có ai nói cho bạn biết là bạn thực sự ngạo mạn chưa?"

Và ngay lúc đó, tôi biết người ngồi trước mặt tôi đang nói thay cho Chúa. Lý luận của tôi thì đúng. Nó phù hợp Phúc Âm và hợp lý. Nhưng Thần Khí đã xa tôi. Tôi cầu nguyện xin lỗi và xin Chúa làm chủ con người tôi.

"Thành thật xin lỗi," tôi cười. "Nếu tôi thực sự tự mãn vì tôi là một Kitô Hữu, thì đó không phải là điều Đức Kitô muốn nơi tôi. Càng học biết về Đức Kitô bao nhiêu, tôi càng cần phải sửa đổi mình bấy nhiêu. Chúa muốn nói với tôi nhiều điều và tôi biết Người đang nói với tôi qua bạn."

Bạn tôi từ giã, có thể gần Chúa hơn, có thể không. Tôi không nghĩ là mình có thể biết được. Nhưng tôi biết rằng, qua những bước đau thương, tôi mới học được cách lắng nghe và vâng phục.

Và rồi một đêm kia, một cảm nghiệm kinh hoàng đến với tôi chỉ sau khi tôi trở nên một Kitô Hữu. Tôi đang ở trong phòng chuẩn bị đi ngủ thì bỗng dưng tôi cảm thấy một sự hiện diện mạnh mẽ của ma quỷ ở cửa sổ phòng ngủ. Ngay lập tức tôi hướng về Đấng Quan Phòng và tôi được cảnh giác là đừng đến gần cửa sổ. Tôi quỳ xuống sàn nhà cầu nguyện, xin Chúa che chở tôi như gà mẹ bao bọc đàn con và tôi cảm thấy sự bảo vệ của Người ôm choàng lấy tôi. Khi đứng dậy, sự hiện diện ở cửa sổ không còn nữa.

Sáng hôm sau, tôi lái xe đến nhà ông bà Mitchell. Mặt trời chói chang trên đường phố nhưng tôi vẫn rùng mình. Tuy nhiên, khi bước đến cửa nhà họ, tôi cảm thấy do dự không biết có nên đề cập đến điều xảy ra cho tôi hay không vì sợ họ không hiểu.

Bà Synnove ôm tôi ngay trước cửa, sau đó lùi ra xa, bà nhìn tôi dò hỏi.

"Chuyện gì vậy, Bilquis?"

Tôi đánh bạo, "Tại sao nhiều điều sợ hãi xảy đến với tôi sau khi tôi trở thành một Kitô Hữu?"

Bà dìu tôi vào phòng khách và chúng tôi ngồi xuống.

"Tôi thực sự không hiểu bà muốn nói gì," bà bối rối hỏi. "Có ai hăm dọa bà hay sao?"

"Không phải một người," tôi trả lời, "một cái gì đó."

"Vậy sao?", bà vừa nói vừa đứng dậy lấy cuốn Phúc Âm. "Đây," bà ngồi xuống, tay lần giở những trang sách, "trong thư Êphêsô đoạn 6 nói về loại đó." Bà đọc: "Chúng ta chiến đấu với những quyền lực vô hình kiểm soát thế giới tối tăm này, và các tay sai quái ác từ chính các trung tâm quỷ quái ấy."

Bà nhìn tôi.

"Chắc là như vậy," tôi kể cho bà nghe những điều xảy ra tối hôm qua.

Bà cẩn thận lắng nghe rồi nói, "Sao bà không kể cho ông bà Old nghe điều này?"

Tôi cười lo lắng, "Tôi không biết là có nên nói về điều đó nữa không."

Và đó là điều tôi cảm thấy khi mở đầu câu chuyện với ông bà Old vào tối hôm đó. Tôi quyết định là không đưa ra. Tôi nghĩ, mình chỉ làm trò hề. Có lẽ đó chỉ là óc tưởng tượng của tôi.

Tuy nhiên, khi ngồi nói chuyện với bà Old trước lò sưởi, tôi không thể nào không đề cập đến điều ấy. Tôi cố làm ra vẻ không quan trọng.

Tôi nói, "Bà này, có một điều thật kỳ lạ xảy ra cho tôi vào đêm qua. Tôi cảm thấy sợ hãi nhất và không biết giải thích làm sao."

Ông Ken, chồng bà, theo kiểu cách thoải mái thường lệ, ông ngồi gần cửa sổ đọc sách. Nghe tôi nói, ông đặt sách xuống, nhìn tôi và cảm thấy tôi lưỡng lự, ông dịu dàng và lặng lẽ giúp tôi kể lại toàn thể câu chuyện.

Khi kết thúc, tôi muốn phá lên cười. Tôi nói nhỏ, "Có lẽ tối hôm qua tôi ăn quá nhiều cà ri!"

"Đừng coi thường những điều mà Thiên Chúa sẽ đưa bà trải qua," ông ôn tồn nói. "Các điều siêu nhiên có xảy ra." Ông bước vòng qua ghế salông và ngồi ở chiếc ghế đối diện với chúng tôi. Khuôn mặt ông nghiêm trọng.

Ông giải thích sự hiện diện siêu nhiên của ma quỷ, và Thiên Chúa cho phép điều đó xảy đến để thử thách ai đó. Để thí dụ, ông đưa ra đoạn Cựu Ước mà trong đó Thiên Chúa cho phép Satan tấn công ông Gióp, và Thiên Chúa cũng cho phép Satan cám dỗ Đức Kitô trong sa mạc. Ông Ken cho biết, cả hai trường hợp này là những thử thách. Và trong mỗi trường hợp, ông nói thêm, các nạn nhân của Satan đều chiến thắng vì họ tin tưởng vững vàng nơi Thiên Chúa.

Việc học hỏi từ từ tiếp tục. Nhưng khi nghĩ đến điều giải thích thật an ủi của ông Ken, tôi không biết là Thiên Chúa đã khởi sự một tiến trình giúp tôi ngày càng cô độc nhưng không cô đơn; càng tách rời với gia tộc, nhưng trở nên một phần tử của gia đình rộng lớn hơn; ngày càng tách khỏi các gốc gác thật có ý nghĩa đối với tôi ở Wah, nhưng lại bám rễ sâu trong một Thành Phố mới.

Chính vì những thử thách sự chịu đựng sắp đến mà Người đã đưa tôi vào những hoàn cảnh mà tôi chỉ còn biết tùy thuộc vào Người.

Chương 11

NHỮNG LUÔNG GIÓ THAY ĐỔI

Tiến trình từ bỏ bắt đầu vào một Chúa Nhật cách đó vài tuần, trong một cuộc họp mặt thường lệ. Tôi nghĩ dường như cả hai ông bà Old và Mitchell có vẻ buồn bã thất thường vào tối hôm đó.

"Chuyện gì vậy?" Vừa hỏi, tôi vừa bước vào phòng khách của ông bà Old. Ông Old ngược cổ nhìn lên trần nhà.

Ông trả lời ngắn gọn: "Hai vợ chồng tôi đang nghỉ phép một năm."

Phản ứng đầu tiên của tôi là hoảng hốt khi nghĩ mình bị bỏ rơi. Tôi phải làm gì nếu không có hai ông bà Old! Dĩ nhiên, tôi vẫn còn ông bà Mitchell, nhưng tôi lệ thuộc vào sự giúp đỡ của cả hai gia đình. Ông bà Mitchell là người đầu tiên đưa tôi vào giáo hội; ông bà Old từng đi bên cạnh tôi. Có phải đây mới là khởi đầu? Bao lâu nữa thì tôi mất cả hai gia đình?

Bà Old có lẽ đọc được tâm tư của tôi. Bà bước đến cầm lấy tay tôi. Nước mắt lưng tròng, bà nói:

- Em yêu dấu. Em phải biết rằng luôn luôn xảy ra như vậy. Những người chúng ta yêu mến sẽ từ bỏ chúng ta. Chỉ có Đức Giêsu luôn luôn ở với em.

Bây giờ, ông Ken đến bên cạnh bà.

Ông nói: "Bà Bilquis này. Bà phải biết rằng Chúa không bao giờ đưa bà ra khỏi hoàn cảnh an toàn trừ khi Người có một mục đích. Vì lý do đó, bây giờ bà có thể hân hoan, ngay cả giữa những khổ tâm."

Chúng tôi chỉ ở với nhau thêm một vài tuần. Ngày chia tay càng gần hơn, mang theo một cảm giác bất hạnh. Tất cả chúng tôi cố gắng giữ vững đức tin vì sự trống trải bởi vắng mặt ông bà Old, nhưng đó chỉ là bên ngoài, không phải là thực tế.

Đó là một ngày buồn khi ông bà Mitchell và tôi cũng như một số khác trong nhóm Kitô Giáo đến nhà ông bà Old để từ giã. Chúng tôi cố gắng hết sức để cử hành phút biệt ly nhưng tâm hồn chúng tôi nặng trĩu. Chúng tôi cố gắng coi giây phút này như cơ hội để "sai họ đi" chứ không phải "từ giã họ."

Đó là một tấn tuồng can đảm. Nhưng trong thâm tâm, khi chúng tôi nhìn theo chiếc xe chất đầy hành lý của ông bà Old lăn bánh về đường Đại Thụ, dường như mọi người đều thấy rằng đời sống sẽ không còn phong phú như trước.

Khi tôi lái xe về nhà hôm ấy, tôi có cảm giác kỳ lạ về chính tôi, bây giờ, cô đơn trong một cộng đồng thù hận. Thật buồn cười. Nói cho cùng, ông bà Mitchell vẫn ở Wah mà!

Tiến trình từ bỏ xoay chiều một cách bất ngờ vào một buổi sáng, sau khi ông bà Old từ giã một vài tháng, khi Bác sĩ Daniel Baksh điện thoại cho tôi. Ông cho biết chính ông và Bác sĩ Stanley Mooneyham, đại diện cho tổ chức gọi là World Vision, có trụ sở ở California, USA, muốn đến thăm tôi. Tôi chưa bao giờ nghe biết về tổ chức của ông nhưng nhà tôi luôn rộng mở đón tiếp mọi người, ngay cả những người tò mò muốn biết thế nào là một người Hồi Giáo trở về Kitô Giáo.

Một vài ngày sau, cả hai ông ấy đến. Khi chúng tôi ăn tối xong, Bs Mooneyham bắt đầu lên tiếng và hiển nhiên là ông không phải là người hiếu kỳ. Ông rất thích câu chuyện hoán cải của tôi, không sao cả, nhưng tôi cảm thấy tốt hơn ông cũng nên thích thú với câu chuyện hoán cải của người làm vườn. Khi chúng tôi uống trà, ông đi vào đề.

Bs Mooneyham hỏi, "Thưa bà Sheikh, bà sẽ đến Tân Gia Ba để làm chứng cho Đức Kitô chứ?"

"Tân Gia Ba?"

"Mục sư Billy Graham đang chuẩn bị một đại hội ở đây gọi là Christ Seeks Asia (Đức Kitô Tìm Kiếm Á Châu). Đại hội sẽ dành cho Kitô Hữu Á Châu của đủ mọi dân tộc-Nam Dương, Nhật, Ấn Độ, Đại Hàn, Trung Hoa, Pakistan. Chúng tá của bà sẽ phấn khởi chúng tôi."

Nghe có vẻ không xuôi. Tôi có đủ việc phải làm ngay tại Wah mà chẳng phải đi đâu hết.

Tôi trả lời: "Tôi sẽ cầu nguyện về điều đó."

"Xin bà vui lòng chấp nhận!" Bs Mooneyham lên tiếng và sau đó không lâu ông chào từ giả.

Thật lâu sau khi Bs Mooneyham đi khỏi, tôi ngồi ở hàng hiên suy nghĩ và cầu nguyện như tôi đã hứa về lời mời này. Một phần con người tôi thì nói rằng tôi phải lợi dụng cơ hội này. Phần kia lại nói tôi đừng suy nghĩ về điều đó.

Và sau đó một ý tưởng khác nảy ra trong đầu.

Giấy thông hành của tôi. Dĩ nhiên, nó sắp sửa hết hạn. Nó phải được gia hạn nếu tôi muốn đi Tân Gia Ba. Ở Pakistan vào lúc đó có nhiều thói quan liêu khi xin giấy thông hành. Hoàn cảnh dường như bất khả. Một số người gửi giấy thông hành đến để xin gia hạn và không bao giờ nhận lại.

Sao không coi tình thế này như tiếng nói của Chúa? Nếu Người muốn tôi đi, Người sẽ lo liệu từng chi tiết cho giấy thông hành.

Ngay chiều hôm đó, tôi điền giấy tờ cần thiết và gửi cho các viên chức trách nhiệm. Khi bỏ vào thùng thư tôi không hề nghi gì rằng đây là một từ chối để đi Tân Gia Ba.

Một tuần sau, một phong bì từ cơ quan chính phủ gửi đến.

Tôi mỉm cười, "Đây chỉ là bước đầu để được gia hạn, còn nhiều giấy tờ phải điền nữa. Và như vậy sẽ mất vài tháng."

Tôi mở thư.

Kìa, giấy thông hành đã được gia hạn, được đóng dấu.

Và vì thế, một vài tháng sau, tôi từ già cháu Mahmud và lái xe xuống Lahore. Ở đây tôi ghé thăm Khalid, người con trai, trước khi tiếp tục lái đến Karachi là nơi tôi sẽ bay sang Tân Gia Ba. Mặc dù lúc bấy giờ là năm 1968 và đã một năm rưỡi kể từ khi tôi được gặp Chúa, Khalid rất giống với những người trong dòng họ, có vẻ không tha thiết gì với chuyện tôi đang làm.

Sau đó khi ngồi trên phản lực cơ ở Karachi và suy nghĩ về chương trình mà tôi đang thực hiện, tôi có cảm tưởng là Khalid đúng. Tôi không biết tại sao mình lại bay sang Tân Gia Ba! Ở ngoại quốc thì có quá nhiều Kitô Hữu và tôi không chắc là mình thích thú với những điều thấy trước mắt. Tôi chùn bước trước sự hân hoan của họ. Họ hát Phúc Âm, đối đáp qua lại giữa các hàng ghế, nhiều khi họ giơ tay lên và hô lớn. "Chúc tụng Chúa!" Tôi thấy bối rối. Trong niềm vui có vẻ không tự nhiên, giống như niềm vui gượng ép mà thỉnh thoảng tôi thấy nơi những người tham dự đại hội ở đường phố Luân Đôn. Tôi thấy mình lầu bầu rãng nếu vì lý do đó mà tôi phải bay sang đây thì thật không thích thú chút nào.

Với những lý do mà tôi không thể xác định rõ, điều làm cho giây phút đó tệ hại hơn là tôi cảm thấy hành trình này chứa đựng một sự quan trọng riêng tư. Như thể chuyến đi này mang tính cách ngôn sứ, đoán trước lối sống mà tôi sẽ được mời gọi để dẫn đầu.

Tôi tự nhủ, "Ồ, không được đâu Chúa ơi. Chúa phải hoạt động với con!" Ngôn sứ trong ý nghĩa nào? Và tôi sẽ phải dành nhiều thời giờ giữa những người thích hưởng ngoại, phải du hành bằng máy bay? Ở Wah tôi cảm thấy thoải mái trong vai trò của một Kitô Hữu, nhưng đó là ở một làng nhỏ. Ở đó, tối thiểu tôi làm chủ được mình. Kitô Giáo đối với tôi là một niềm vui riêng tư, được chia sẻ theo ý của tôi. Tuyệt đối tôi không thích ý nghĩ khi phải đi đứng trước hàng trăm, hay hàng ngàn người lạ mặt.

Khi máy bay cất cánh tôi đưa mắt nhìn ra khung cửa sổ, nhìn Pakistan dần xa tôi trong đám sương mờ. Dù biết rằng tôi sẽ trở về trong vòng vài ngày, điều gì đó rất thực cho tôi biết đây mới chỉ là khởi đầu. Dù rằng tôi sẽ trở về nhà trong ý nghĩa tự nhiên, trong một ý nghĩa khác tôi sẽ không bao giờ trở về. Nhóm Kitô Hữu trên chiếc máy bay này giờ đây là nhà của tôi.

Như thế có nghĩa gì! Ý tưởng đó làm tôi hoảng sợ.

Từ phi trường Tân Gia Ba, chúng tôi đi thẳng đến đại hội là nơi các cuộc họp đã bắt đầu tiến hành.

Và bỗng dưng, thật ngạc nhiên, tôi thấy mình có một phản ứng rất khác biệt với nhóm Kitô Hữu này.

Có hàng ngàn người quy tụ trong đại thánh đường, tôi chưa bao giờ thấy số người đông như vậy ở một chỗ. Khi tôi bước vào, mọi người đang hát bài "Chúa Vĩ Đại Đường Bao." Tôi cảm thấy sự Hiện Diện quen thuộc của Thần Khí và chưa bao giờ thấy hồi hộp như vậy. Hầu như ngay lúc đó tôi cảm thấy muốn khóc, không phải vì buồn nhưng vì vui. Trước đây, chưa bao giờ tôi thấy một đám đông như vậy chúc tụng Thiên Chúa. Thật khó để lĩnh hội. Thật nhiều người, đến từ nhiều quốc gia! Khác biệt dòng giống, khác biệt y phục! Các bài hát chúc tụng dường như không bao giờ dứt.

Bây giờ thật khác biệt! Không giống như nhóm người trên phi cơ. Sau đó tôi mới nhận ra điều tôi cảm được trên phi cơ. Mọi sự bỗng dưng trở nên rõ ràng. Những người trên phi cơ thì e dè, bẽn lẽn, có lẽ cả sợ hãi nữa. Sợ điều gì mới mẻ, sợ chuyến bay. Họ có vẻ giả dối, không trong Thần Khí bất kể ngôn ngữ.

Nhưng ở đại hội này thật khác biệt. Xã giao không còn nữa, phụng tự bắt đầu. Nếu điều tiên đoán là tôi phải ở với nhóm như thế này, tôi có thể chấp nhận điều đó.

Một điều vẫn làm tôi áy náy. Có thật là tôi phải đứng trước hàng ngàn người này để nói chuyện không? Nói về cảm nghiệm của tôi trước dân chúng mà tôi quen thuộc ở Wah là một chuyện. Nhưng ở đây? Với những người xa lạ từ nhiều quốc gia? Tôi không cảm thấy an tâm chút nào.

Tôi vội vã đến phòng riêng để nghỉ ngơi. Tôi nhìn qua cửa sổ xuống đường phố Tân Gia Ba. Tân Gia Ba thật khác với Luân Đôn và Ba Lê. Dân chúng chen lấn trên đường phố, người bán hàng rong lớn tiếng rao, xe cộ nối đuôi nhau qua các con đường hẹp, nhân còi inh ỏi. Sự hối hả của dân chúng dường như đe dọa

tôi khi đang ở đây cũng như khi ở đại thánh đường. Tôi rùng mình, khép màn cửa sổ lại và lui về cuối phòng, ngồi xuống và lấy lại bình tĩnh.

"Chúa ơi," tôi kêu lên, "Thần Khí an ủi của Chúa ở đâu vậy?"

Và bỗng dưng tôi nhớ lại một cảm nghiệm khi còn nhỏ cùng với cha tôi đi qua dãy chợ ở Wah. Cha tôi luôn nhắc nhở phải đi bên cạnh ông nhưng lúc nào tôi cũng muốn chạy ra xa. Một ngày kia, khi thấy hàng hoa đẹp mắt tôi chạy vội lại đó. Bỗng dưng tôi nhận ra rằng không có cha tôi bên cạnh. Sự sợ hãi bao trùm lấy tôi và tôi bật khóc. "Bố ơi" tôi nức nở, "đến với con đi và con sẽ không chạy xa nữa!" Ngay khi tôi còn đang nói, thì kia dáng người cao lớn của ông đang vội vã len qua đám đông tiến về phía tôi. Tôi lại ở với ông! Tất cả những gì tôi muốn ngay bây giờ là được ở bên cạnh ông.

Khi ngồi trong căn phòng khách sạn, tôi nhận ra rằng quả thật một lần nữa tôi lại lìa xa Cha trên trời. Khi để mình quá lo lắng, tôi đã tách rời khỏi sự Hiện Diện đầy an ủi của Người. Khi cố gắng không quá lo âu và đồng thời tin tưởng vào Thiên Chúa thì tôi lại cảm thấy khoan thai và bình an.

"Con cảm ơn Cha," tôi vừa nói vừa khóc vì khuây khỏa. "Xin tha cho con vì đã lìa xa Ngài. Ngài đang ở đây, trong đại thánh đường đó. Con sẽ được an toàn."

Một vài phút sau trong hành lang khách sạn, tôi thấy tay ai đặt trên vai tôi với giọng nói quen thuộc. Tôi xoay lại và thấy Bs Mooneyham.

"Thưa bà Sheikh, rất vui mừng khi bà có mặt ở đây!" Bs Mooneyham dường như rất vui khi thấy tôi. "Bà vẫn muốn nói chứ?" Dường như ông đọc được ý định của tôi.

Vừa cười tôi vừa trả lời, "Ông đừng quá lo cho tôi, không sao đâu. Có Chúa ở đây mà."

"Tốt quá," Bs Mooneyham trả lời. "Phiên của bà là sáng hôm sau." Ông nhìn đồng hồ, "Bà sẽ có rất nhiều lời cầu nguyện hỗ trợ."

Bs Mooneyham hiểu rất đúng ý tôi. Cảm giác an toàn kéo dài cho đến sáng hôm sau, khi tôi thực sự đứng trước đám đông hàng ngàn người trong đại thánh đường để nói về con đường kỳ lạ mà Chúa đã đến với tôi. Phần nói chuyện chẳng có gì khó khăn cả. Người ở với tôi khi tôi vấp ngã, Người ẵm bế tôi và khuyến khích tôi, trấn an tôi rằng chính Người làm công việc truyền đạt chứ không phải tôi. Và khi dân chúng vây quanh tôi trong sự hiệp thông đầy thương yêu sau phần nói chuyện, như thể đó là bước đầu tiên trong một loại công việc mới cho Chúa.

Chúa cũng sắp xếp để tôi gặp một người mà sau này rất quan trọng cho đời tôi, dù lúc đó tôi không biết. Tôi được giới thiệu với Tiên Sĩ Christy Wilson, một người lịch thiệp làm mục sư cho một hội thánh ở Kabul, Áp-ga-nít-tan, phục vụ cho người ngoại quốc.

Chúng tôi thấy hân hoan trong Thần Khí của Chúa khi thảo luận về công việc của ông.

Sau đó, các cuộc họp kết thúc và tôi trên đường trở về Wah. Một lần nữa tôi lại cảm thấy toàn bộ chuyến đi có một đặc tính tiên tri kỳ lạ, như thể Thiên Chúa đã mời tôi đi với Người đến Tân Gia Ba để tôi có thể học hỏi thêm về loại công việc mà Người muốn tôi thực hiện.

Nói cho cùng, trụ sở của tôi ở Wah. Có lẽ tôi không ngại để thỉnh thoảng đi ra ngoài, xa rời sự thoải mái và an toàn của mái nhà tổ tiên.

Nhưng khi xe rẽ vào đường Đại Thụ về lại mái nhà thân yêu, tôi không ngờ rằng tiến trình từ bỏ đang bắt đầu làm vụn vỡ khung cảnh an toàn đó.

Chương 12

THỜI GIAN ĐỂ GIEO

Sự chia ly kế tiếp xảy đến khi có tin ông bà Mitchell được phép đi nghỉ hè. Sẽ mất một thời gian trước khi họ trở lại Pakistan.

Đã trên một năm sau khi đi Tân Gia Ba về, tôi ngồi trong phòng khách của nhà ông bà Michell với một nhóm chuyên gia Kitô Hữu trong vùng. Đó là một dịp không vui, lần họp mặt cuối cùng trước khi ông Đavít và bà Synnove từ giã. Tôi nhớ lại lần đầu tiên khi đến căn nhà này như một người e dè đang tìm kiếm đức tin. Kể từ đó đến giờ nhiều điều đã xảy ra. Tôi nhìn vào khuôn mặt của hai người thật quá gần gũi với tôi khi họ giới thiệu tôi với Đức Kitô: ông Đavít thì cao, tóc bạc, và bà Synnove chân thành từng câu nguyện liên li cho tôi.

"Tôi sẽ nhớ ông bà ghê gớm," tôi lên tiếng khi chúng tôi đứng ở sân cỏ trước nhà. "Làm thế nào tôi có thể sống được nếu không có sự tiếp tay của ông bà!"

"Có lẽ Thiên Chúa đang dạy bà tự lập," bà Synnove lên tiếng. "Bà Bilquis này, bà phải biết rằng Người luôn luôn đòi hỏi ở chúng ta đến độ chúng ta không còn ai giúp đỡ nữa ngoại trừ chính Người."

Nghe thì hay, nhưng tôi vẫn không muốn bị đòi hỏi và tôi nói với bà Synnove về điều đó. Bà cười, "Dĩ nhiên, bà không muốn như vậy. Có ai muốn ra khỏi sự an toàn của lòng mẹ đâu. Nhưng trước mặt là cuộc phiêu lưu!"

Bà Synnove bước vào chiếc xe cũ kỹ và đóng cửa. Chúng tôi lại ôm nhau qua khung cửa và chiếc xe của ông bà Mitchell lăn bánh trên con đường bụi mù, xa khỏi dãy nhà vô trắng từng là trung tâm chỉ huy trong thời chiến. Chiếc xe của họ biến dạng sau góc đường. Cuộc phiêu lưu, đúng vậy! Ở đây, tôi là một Kitô Hữu đơn độc trong một thành phố Hồi Giáo. Có thể nào tôi sống sót một mình không?

Một vài tuần trôi qua, trong quãng thời gian đó, thành thật mà nói, thật khó để tôi cảm nghiệm được cuộc phiêu lưu mà bà Synnove đã nói đến, hay chiều hướng cũng như mục đích mà ông Ken đã tiên đoán khi hai ông bà từ giã. Cuộc họp mặt Kitô hữu chiều Chúa Nhật vẫn tiếp tục, đầu tiên ở nhà một người sau đó thay phiên nhau trong năm người còn lại của chúng tôi, nhưng thiếu sự dẫn dắt của ông bà Old và ông bà Mitchell các cuộc họp dường như lúng túng.

Và rồi một tối kia sau cuộc họp bơ phờ, tôi nảy ra một ý kiến. Có phải chúng tôi sai lầm khi cố gắng thi hành đúng như những gì mà ông bà Old và ông bà Mitchell đã làm hay không? Nhóm cầu nguyện nhỏ bé của chúng tôi chắc chắn sẽ hao mòn nếu chúng tôi không có sức sống mới giữa những người trong nhóm. Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi mời người tham dự mà họ không phải là chuyên gia--không phải là bác sĩ hay kỹ sư và thừa sai? Sao không mời những người dù có đạo hay không, người quét đường, người thuộc

giai cấp thấp kém đến tham dự. Có lẽ tại chính nhà tôi vì nó rộng và thuận tiện. Khi tôi đưa ra đề nghị này với nhóm, lúc đầu có vài chống đối, sau đó e dè đồng ý. Chúng tôi quyết định tiến hành. Qua những lời mời trực tiếp và qua hệ thống tin mật, tôi loan báo rằng một cuộc họp Kitô Hữu sẽ được tổ chức ở nhà của tôi vào tối Chúa Nhật.

Tôi ngạc nhiên về số người đến tham dự. Hầu hết từ Rawalpindi là nơi tin tức được lan tràn. Và, như tôi mong đợi, không phải hầu hết là Kitô Hữu. Nhiều người chỉ đói khát muốn tìm hiểu về Thiên Chúa của người tín hữu Kitô. Với sự hướng dẫn của những người trong nhóm tiên khởi, chúng tôi ca hát và cầu nguyện cũng như cố gắng thoả đáp nhu cầu của những người đầy tớ, giới thợ thuyền, giáo chức, dân thương mại là những người đến với chúng tôi.

Không bao lâu buổi họp mặt Chúa Nhật trở nên hứng thú. Tinh thần trách nhiệm thật bàng hoàng. Tôi và những người thuộc nhóm hướng dẫn tiên khởi dành nhiều thời giờ quỳ gối cầu nguyện, để gần với Chúa và Lời Người, để biết chắc rằng chúng tôi không đi sai hướng mà Người muốn. Bỗng dưng giai đoạn "không kết quả" mà tôi từng cảm nghiệm bị đảo ngược. Tôi có thể thấy được những hoán cải thực sự. Người đầu tiên đến với Chúa là một goá phụ trẻ. Bà khóc lóc kể về sự cô đơn và đau khổ rồi sau đó xin Chúa ngự vào lòng bà. Thật đặc biệt khi thấy sự biến đổi nơi con người bà, từ một tạo vật buồn sầu, không có khả năng tự vệ đến một người con Chúa tràn trề hy vọng. Sau đó ít lâu, một người thợ máy từ làng kê cận trở về với Chúa, sau đó là một thư ký, và một người quét đường.

Và tất cả tụ họp trong nhà của tôi. Và đó thật là một vinh dự, nhưng tôi vẫn lo lắng không biết khi nào tôi sẽ nghe dòng họ than phiền về sự hoen ố thanh danh của chúng tôi. Nhưng không có ai than phiền. Dù sao đi nữa, chưa có gì. Như thể dòng họ tôi không muốn thú nhận điều đang xảy ra. Một ngày kia tôi vấp ngã vì viên gạch trên sân và bị gãy xương chân. Dòng họ tôi cũng không đến; thay vào đó họ gọi điện thoại. Tối thiểu thì họ đã điện thoại!

Sự chống đối của dòng họ giảm dần khi tôi ngày càng tiến triển trong đời sống Kitô hữu nhưng thỉnh thoảng trong lòng tôi vẫn có sự phản kháng. Tôi vẫn là một người rất kín đáo, ích kỷ, coi ruộng vườn là của riêng tôi.

Ngang qua bãi cỏ trước nhà tôi là một con đường dẫn đến khu nhà các người đầy tớ. Cạnh con đường này là cây be, có trái màu đỏ giống như trái anh đào. Mùa hè năm đó sau khi ông bà Mitchell từ già, trẻ con trong làng (có lẽ nghe biết là tính tình tôi đã thay đổi) chúng tôi đi thẳng vào vườn và leo lên cây be để hái trái. Việc xâm nhập đã đủ sai quấy, nhưng khi tiếng la hét ồn ào của chúng tôi làm gián đoạn sự nghỉ ngơi, tôi nghiêng người ra khỏi cửa sổ và ra lệnh người làm vườn đuổi chúng tôi đi khỏi. Cũng chính ngày hôm đó tôi nói người làm vườn hãy đốn cây ấy. Thế là vấn đề được giải quyết!

Ngay khi cây ấy bị đốn tôi mới nhận thức được điều tôi đang làm. Cái cây không còn thì niềm vui và bình an của Thiên Chúa cũng biến mất. Tôi đứng thật lâu ở khung cửa sổ đêm chiêm nhìn vào khoảng trống trải ở chỗ cây be trước đó. Bấy giờ tôi thực sự ao ước là phải chỉ cây be vẫn còn đó để có thể nghe được tiếng hò hét vui vẻ của đám trẻ con. Tôi vừa nhận ra được con người thật của Bilquis. Một lần nữa tôi biết rằng trong bản chất tự nhiên của tôi, tôi sẽ không bao giờ đổi khác. Chính nhờ Thiên Chúa, qua ơn sủng của Người mà sự thay đổi mới có thể xảy ra được.

Tôi xin, "Ôi lạy Chúa, xin cho con được trở về với sự Hiện Diện của Người!" Chỉ có một điều phải làm. Rải rác trong khu vườn là các cây to đầy trái. Ngay hôm sau, tôi cho công bố một lời mời công khai với các trẻ trong làng là hãy đến mà vui hưởng! Và chúng đến. Dù rằng tôi phải khuyến cáo chúng cẩn thận vì các cành cây rải rác và đừng đạp lên bông hoa.

"Con nghĩ con đã thấy điều Ngài làm," tôi thầm nhủ sau khi lũ trẻ ra về, và tôi đang quan sát sự thiệt hại. "Chúa thấy khu vườn trở nên một khoảng cách giữa con và Ngài. Chúa đang làm cho con dứt bỏ ngay cả khu vườn! Chúa lấy đi để ban cho người khác. Nhưng Chúa thấy không bọn trẻ thật vui thích. Đó là vườn của Chúa. Con đã nhường nó cho bọn trẻ với sự sung sướng. Cảm ơn Chúa vì đã dùng điều này để đưa con trở về với sự Hiện Diện đầy an ủi của Chúa."

Chúa cũng đã trở lại. Cho đến khi, một lần nữa tôi cần được cắt tỉa. Lần này không phải là khu vườn, mà là sự nghi ngại quý báu của tôi.

Một buổi trưa tháng Mười Một lạnh lẽo khi tôi đang nghỉ ngơi thì cháu Mahmud lén vào phòng. Bây giờ nó là một thiếu niên và với các đức tính tốt lành của nó ai cũng đoán nó sẽ là một thanh niên đẹp trai. Nhưng bây giờ khuôn mặt của nó có vẻ lo âu.

"Ngoại ơi, có một bà đứng ngoài cổng muốn gặp ngoại. Bà ấy bế đứa con."

Tôi ngẩng đầu. "Mahmud!" tôi lớn tiếng, "Con đã tám tuổi rồi. Con phải biết là ngoại không muốn gặp ai trong lúc nghỉ trưa!"

Mahmud lững thững ra khỏi phòng trước khi một ý tưởng đến với tôi: nếu là Thiên Chúa thì Người sẽ làm gì? Và đương nhiên, tôi biết điều Người sẽ làm. Người sẽ đến với bà ấy ngay lập tức, ngay cả lúc ấy là nửa đêm.

Tôi gọi Mahmud, lúc ấy nó chưa đi quá xa để có thể nghe tiếng tôi. Một lần nữa nó lại thò đầu vào.

"Bà ấy muốn gì?" tôi hỏi.

"Con nghĩ đứa nhỏ con của bà ấy bị đau," Mahmud trả lời, bây giờ nó đã bước vào phòng. Tôi có thể thấy sự lưu tâm trong ánh mắt của nó.

"Vậy mời bà ta vào nhà," tôi ra lệnh rồi chuẩn bị đi xuống lầu.

Khi tôi đến chỗ Mahmud thì người đàn bà và đứa con đã đứng ở cửa. Bà mặc quần áo thô kệch, thùng thình của một nông dân. Đứa nhỏ kia chắc là cháu của bà. Khuôn mặt bà khô héo, đôi vai nhô cao và chiếc quần bó ống ôm lấy thân hình mảnh mai. Chỉ khi bà ngược mắt nhìn với đôi mắt nâu đen sâu hoắm tôi mới thấy bà chỉ là một thanh nữ.

"Tôi có thể giúp đỡ gì cho cháu?" tôi hỏi mà thấy mùi lòng.

"Con nghe nói về bà và con đi bộ đến đây."

Chỗ ở mà cô ấy nói, cách đó mười hai dặm. Không lạ gì mà cô ta trông thật mệt mỏi. Tôi sai các đầy tớ dọn trà và bánh. Tôi không biết cô ấy còn cho con bú hay không; trong một số làng các bà mẹ vẫn cho con bú dù chúng đã ba tuổi. Đôi mắt đứa trẻ bơ phờ đăm đăm nhìn đèn chúc đài treo trên trần, cái miệng nhỏ xíu của nó bất động. Tôi đặt tay lên trán nó và cầu nguyện; nó nóng và khô. Khi tôi đặt tay lên đầu người mẹ, tôi có thể cảm thấy bao thế hệ dòng họ của tôi nhấn mặt. Trong những ngày trước, có lẽ tôi đã khiếp sợ dù chỉ là cái bóng của người nông dân này đổ trên tôi.

Khi tôi nhận danh Đức Giêsu cầu xin Chúa chữa lành cho họ, tâm hồn tôi thấy thương cảm hai mẹ con nhỏ bé này. Khi người đầy tớ bước vào, tôi bảo cô ta đi lấy một số thuốc bổ cho người mẹ. Chúng tôi nói chuyện khoảng nửa giờ, người mẹ kể cho tôi biết về cuộc đời cô ta với người chồng bị tật nguyền sau một

tai nạn, và đưa con đầu lòng thì không đủ dinh dưỡng. Và quả thật, cô ta đang cho con bú--đó là phương cách rẻ tiền nhất để nuôi con. Khi người mẹ muốn đứng dậy ra về, tôi ra hiệu ngăn cản.

"Khoan đã," tôi nhỏ nhẹ. "Chúng tôi phải tìm ra phương cách nào đó để chăm sóc cho cô và đứa nhỏ." Ngay khi tôi nói điều này, con người cũ của Bilquis cảm thấy bộn chồn. Điều gì sẽ xảy ra nếu tin đồn đến với những người nghèo ở Wah rằng bà Bilquis bây giờ tử tế lắm? Chúng tôi có bị tràn ngập bởi những người đau ốm, bệnh tật, nghèo hèn không?

Nhưng khi tâm trí tôi đang còn thắc mắc, tôi biết rằng không có lựa chọn nào khác. Một là có hai là không khi tôi phó thác chính mình và tài sản của mình cho Chúa.

"... và dĩ nhiên là chồng cô cũng cần được đề ý. Chúng tôi sẽ đưa tất cả vào bệnh viện. Và chúng tôi sẽ giúp bồi dưỡng cho cơ thể của cô. Sau đó, nếu chồng cô vẫn không thể tìm được việc làm, hãy cho tôi biết."

Đó là tất cả những gì trong cuộc thăm viếng. Tôi sắp xếp để bệnh viện gửi biên lai cho tôi và chờ đợi. Nhưng người phụ nữ ấy không bao giờ trở lại. Tôi hơi ngạc nhiên. Khi tôi hỏi các đầy tớ là họ có biết điều gì xảy ra cho cô ấy không, thì như thường lệ, họ đã có câu trả lời. Quả thật hai vợ chồng và đứa con có đến bệnh viện, và bây giờ họ đã khá hơn. Người chồng đã có việc. Lúc đầu, con người tự nhiên của tôi bực tức vì thái độ vô ơn của người phụ nữ này đã không trở lại cảm ơn, nhưng Chúa đã cản trở tôi. "Đó có phải là lý do mà con giúp đỡ họ không? Để con được cảm ơn? Thầy nghĩ sự cảm tạ phải dành cho Thầy!"

Và dĩ nhiên Chúa đúng. Tôi sống lại cảm giác đầu tiên khi giúp đỡ người phụ nữ này. Sau đó tôi xin Chúa tha thứ cho tôi, và xin đừng bao giờ để tôi sa ngã một lần nữa. Tôi thờ dài, "Chúa ơi, có lẽ tay Chúa sẽ mệt mỏi vì cứ phải lôi con lên."

Qua những ngày ấy dường như tôi thành công chút đỉnh trong việc sống gần với Chúa, chỉ sau những lần thất bại. Tôi tự hỏi đó có phải là khuôn mẫu thường xảy ra trong đời sống Kitô Hữu. Vì không có ai để nói chuyện, tôi giữ mãi những thắc mắc này trong lòng.

Một sáng kia khi nhỏ Nur-jan đang giúp tôi trang điểm, con chim hồng hoàng bay đến khung cửa sổ.

Tôi kêu lên, "Ồ! Coi sáng nay Chúa gửi đến cho mình cái gì kìa."

Đôi chút im lặng khi nhỏ Nur-jan âm thầm chải tóc cho tôi. Tôi hơi ngạc nhiên; nhỏ Nur-jan thường nói nhiều. Sau đó nó bẽn lễn nhận xét, "Thưa bà, bà có biết là khi bà nói về Chúa, toàn thể diện mạo bà thay đổi không?"

Chiều hôm đó, tôi đặt mua thêm vài cuốn Kinh Thánh ở trung tâm truyền giáo ở Islamabad. Đó là loại Kinh Thánh đặc biệt, dành cho trẻ em. Tôi khám phá ra sự hữu ích của các cuốn Kinh Thánh này đối với Mahmud. Tôi cũng thấy các đầy tớ thích đọc cuốn sách nhiều tranh ảnh màu sắc này. Khi sách về, tôi dành một cuốn cho nhỏ Nur-jan. Thử tưởng tượng xem tôi vui biết chừng nào khi một ngày kia nó đến nói riêng với tôi.

"Thưa bà," nhỏ Nur-jan nói, khuôn mặt nó đầy xúc động. "Con có điều muốn nói với bà. Bà có nhớ là bà thường nói với tụi con là nếu muốn biết Chúa Giêsu, chúng con chỉ cần xin Người đến với tâm hồn mình không?" Nói đến đó, nó tràn trề nước mắt. "Thưa bà, con đã làm như vậy. Và Ngài đã đến. Con chưa bao giờ cảm được tình yêu thương như vậy suốt đời con!"

Tôi không tin đôi tai mình. Tôi giang tay ôm nó. Chúng tôi khiêu vũ trong nước mắt sung sướng.

"Nur-jan ơi, thật là một tin vui không thể tưởng được. Bây giờ chúng ta có ba Kitô Hữu-con, Raisham và bà. Chúng ta phải ăn mừng!"

Vì vậy, Raisham, Nur-jan và tôi cùng uống trà. Đó không phải là lần đầu tiên tôi uống trà với những người hạ cấp. Nhưng việc đó khiến tôi hơi bàng hoàng. Khi ba Kitô Hữu chúng tôi nhâm nhi chén trà và bánh ngọt, trò chuyện với nhau như những bạn thân, tôi thấy mình tự lự. Điều gì đã xảy ra cho người phụ nữ thu mình trong chốn này, để lánh khỏi một xã hội giàu sang? Thì đây, bà ta đang ngồi với những người đầy tớ. Dòng họ tôi và bạn bè tôi sẽ bị mang tiếng xấu biết chừng nào. Các bạn cũ của tôi và dòng họ tôi sẽ nghĩ gì! Tôi nhớ đến kiểu cách thông thường của tôi khi chán nản với những mệnh lệnh cay nghiệt và các cơn giận dữ. Nếu tôi thấy trên ghế có chút bụi, nếu các đầy tớ nói chuyện quá lớn ở nhà bếp, nếu bữa ăn của tôi không đúng giờ, cả nhà sẽ tùy thuộc vào cơn giận dữ ấy. Quả thật Thiên Chúa đã hoạt động với tôi, và tôi cảm nhận sự đồng hành của Người với nhiều mẫn nguyện.

Không phải là tôi muốn trở nên một vị thánh. Nhưng tôi bắt đầu thấy rằng trách nhiệm của một người đại diện cho Đức Giêsu Kitô sẽ không cho phép tôi thi hành bất cứ điều gì làm xấu hổ Danh Người. Và Người cũng dạy tôi là hành động có giá trị hơn lời nói khi phải làm chứng nhân cho Đức Kitô.

Nhưng sau đó tôi nhận thấy một điều kỳ lạ trong các buổi họp ban tối. Nhỏ Nur-jan không còn trong đám dân làng mà giờ đây họ thường gặp gỡ trong phòng khách của tôi. Sao lạ vậy! Một ngày kia, sau khi nó chải tóc cho tôi xong, tôi yêu cầu nó ở lại đôi chút. Tôi hỏi nó tại sao không họp mặt với chúng tôi vào Chúa Nhật hàng tuần?

Nur-jan hơi sững sờ, mặt nó nhợt nhạt và trả lời, "Thưa bà, con không thể đến họp vì chồng con là một người Hồi Giáo sùng đạo. Chúng con được bốn đứa. Nếu con cho chồng biết là con trở lại Kitô Giáo, anh ấy sẽ tố cáo con."

"Nhưng con phải tuyên xưng đức tin," tôi nhấn mạnh. "Không có cách nào khác."

Nur-jan nhìn đăm chiêu, nó có vẻ không vui rời rời phòng, vừa đi nó vừa lẩm bẫm và lắc đầu.

Một vài ngày sau, tôi đến thăm sơ bề trên là Mẹ Ruth, là người tôi quen biết khi ở bệnh viện Thánh Gia. Tôi luôn vui thích khi nói chuyện với bà. Mẹ Bề Trên có nhắc đến rằng nhiều người ở Pakistan là các tín hữu bí mật.

"Tín hữu bí mật!" tôi kêu lên. "Làm sao có thể được. Nếu bà là một Kitô Hữu tại sao lại không la lên cho người ta biết!"

Mẹ Ruth trả lời, "Bà hãy nhìn đến ông Nicôđê mô."

"Nicôđê mô?"

"Ông là là một tín hữu bí mật. Bà xem lại chương ba của Phúc Âm Thánh Gioan."

Tôi giờ ngay Phúc Âm và đọc về đoạn người Pharisêu này đến với Chúa Giêsu vào ban đêm và hỏi về Nước Trời. Tôi thường đọc đoạn Phúc Âm này nhưng cho đến bây giờ tôi mới biết nhận ra rằng ông Nicôđê mô là một tín hữu bí mật.

"Có thể sau này, ông Nicôđêmô mới công khai tuyên xưng đức tin," sơ nói. "Nhưng theo Phúc Âm, ông ta thận trọng không để các người Pharisêu khác biết về điều đó."

Ngày hôm sau, tôi gọi Nur-jan vào phòng và đọc đoạn Phúc Âm về ông Nicôđêmô cho nó nghe. Tôi nói, "Bác xin lỗi đã làm cháu không an tâm. Sẽ đến lúc Chúa cho cháu biết phải tuyên xưng đức tin thế nào. Bây giờ, chỉ cần thận lắng nghe điều Người hướng dẫn."

Mặt nó rạng rỡ hẳn. Sau đó tôi thấy nó vừa làm việc vừa hát thầm. "Chúa ơi, con hy vọng con đã làm đúng," tôi thầm thì. "Điều con phải canh chừng là đừng xét đoán người khác."

Chỉ vài ngày sau tôi mới tự khám phá rằng thật khó là đường nào để trở thành một Kitô Hữu trong quốc gia này.

Một chiều kia, có tiếng chuông điện thoại. Đó là một trong những ông chú, là người thường khó khăn với tôi. Ngay cả khi sự tấy chay của dòng họ bắt đầu tan loãng, ông chú này chưa bao giờ lên tiếng. Giọng nói của ông trong điện thoại thật sắc sảo.

"Bilquis?!"

"Dạ."

"Chú nghe là cháu đang dẫn dắt người khác đi lạc đường. Cháu đang đưa họ ra khỏi đức tin chân chính."

"Thưa chú, đó chỉ là vấn đề ý kiến."

Tôi có thể tưởng tượng ra khuôn mặt của ông đỏ bừng vì tức giận được biểu lộ trong giọng nói. "Cháu quyết định cho mình là một chuyện. Nhưng quyết định cho người khác là một vấn đề. Bilquis, cháu phải chấm dứt điều này."

"Thưa chú, cháu rất biết ơn sự lưu tâm của chú, nhưng cháu phải nói rằng mỗi người có một cuộc đời để lo toan, cháu cũng đang lo cho cuộc đời cháu."

Ngay ngày hôm sau, khi người tài xế đưa tôi về nhà sau khi đi thăm cháu Tooni, một người đàn ông đứng ngay giữa đường và định chặn xe lại. Người tài xế biết tôi thường hay cho kẻ bộ hành đi quá giang. Nhưng lần này, ông ta không muốn ngừng xe.

Với giọng nói chắc nịch, ông nói, "Thưa bà, làm ơn đừng bắt tôi ngừng xe." Ông lái xe vòng qua người đàn ông, bánh xe rít trên mặt đường.

Tôi trườn người lên hỏi, "Điều đó có nghĩa gì. Ông nghĩ là người ấy có ý định...?"

"Thưa bà, đúng như vậy!"

Một tuần sau, một trong các đầy tớ bước vào phòng sau khi tôi mới ngả lưng.

Nó đóng cửa lại. Với giọng nói khẽ, nó nói "Con nghĩ là bà không lưu tâm, nhưng con chỉ muốn bà đề phòng. Hôm qua, em trai của con đến ngôi đền ở Rawalpindi. Có một nhóm thanh niên nói về sự thiệt hại mà bà đang làm. Họ nói cần phải thi hành điều gì đó để bịt miệng bà lại."

Giọng nói của nó run lên.

Nó nói, "Thưa bà, bà không nên công khai quá. Chúng con sợ cho bà và cậu Mahmud."

Tim tôi đập mạnh. Bây giờ đến lượt tôi tự hỏi rằng có phải cách tốt nhất là giữ mình thành một tín hữu bí mật ở quốc gia này, và đúng vậy, ngay cả trong dòng họ này là nơi Đức Giêsu bị ghét cay ghét đắng.

Chương 13

LÀN SÓNG CẢNH CÁO

Hai tháng đã trôi qua sau khi được biết họ đang đe dọa tôi. Không có gì xảy ra ngoại trừ ánh mắt thù hận của một vài thanh niên, và tôi bắt đầu tự hỏi sự báo động này có vô căn cứ hay không.

Giờ đây lại đến dịp Giáng Sinh sau một vài năm tôi tìm thấy Hải Nhi ở Bêlem. Mặc dù vài phần tử trong dòng họ đã đến thăm tôi nhưng cú điện thoại cảnh cáo từ ông chú như nhắc nhở tôi rằng các tương giao trong dòng họ vẫn còn căng thẳng, và tôi nghĩ có lẽ là một ý tưởng tốt khi tổ chức bữa tiệc cho bà con và thân hữu, để xem chúng tôi có thể làm gì để hàn gắn sự rạn nứt ấy.

Do đó tôi dành nhiều thời giờ để lập danh sách khách được mời. Sau đó vào một tối kia, trước khi đi ngủ, tôi kẹp danh sách ấy trong cuốn Kinh Thánh cho khỏi mất, dự định là sáng hôm sau tôi sẽ viết thư mời.

Nhưng điều đó không bao giờ xảy ra.

Vì sáng hôm sau, khi mở Kinh Thánh để lấy tờ danh sách ấy, mắt tôi để ý đến một đoạn. Thật không thể tin được, tôi đọc:

"Khi nào ông đãi khách ăn trưa hay ăn tối, thì đừng kêu bạn bè, anh em, hay bà con, hoặc láng giềng giàu có, kéo họ cũng mời lại ông, và như thế ông được đáp lễ rồi. Trái lại, khi ông đãi tiệc, hãy mời những người nghèo khó, tàn tật, què quặt, đui mù. Họ không có gì đáp lễ, và như thế, ông mới thật có phúc: vì ông sẽ được đáp lễ trong ngày các kẻ lành sống lại" (Luca 14:12)

"Chúa ơi, đó có phải là lời Chúa nói với con không?" tôi thầm nhủ trong khi một tay cầm Kinh Thánh tay kia cầm danh sách. Chắc chắn là hầu hết bà con và thân hữu của tôi là những người giàu có. Tôi thường tự nhủ rằng đây là cơ hội để người Hồi Giáo và Kitô Giáo quy tụ lại với nhau, nhưng thực sự tôi thấy đó là sự kiêu hãnh. Tôi muốn dòng họ tôi thấy rằng tôi vẫn còn những thân hữu trong giới giàu sang.

Tôi vo nát tờ danh sách.

Thay vào đó, tôi làm đúng như những gì Kinh Thánh viết. Tôi thiết lập một danh sách các bà goá, trẻ mồ côi, người nghèo và thất nghiệp ở trong làng và rồi mời tất cả đến dự tiệc Giáng Sinh. Lời mời này bao gồm mọi người, kể cả người đi xin ăn. Chính tay tôi viết một số thiệp mời, còn số khác tôi đưa cho các cộng tác viên. Tin tức kiêu này đi thật nhanh và chẳng bao lâu các người làm cho biết rằng cả làng chuẩn

bị đến tham dự. Tôi hơi e sợ. Tất cả những người ấy. Tôi nghĩ đến bộ thảm bằng lụa Ba Tư đắt tiền trong phòng khách. Vậy thì mình sẽ cất bộ thảm ấy đi để rộng chỗ trong dịp này, tôi thầm nghĩ.

Và rồi chúng tôi bắt đầu chuẩn bị. Sự hăng hái của cháu Mahmud lây lan khi cháu giúp tôi chuẩn bị quà cho những người đến tham dự. Chúng tôi tìm được những chiếc áo len cho các con trai, các y phục màu mè cho các cô gái, các tấm vải đỏ, hồng và tím cho các bà, các quần bó ống cho các ông và những tấm chăn, giày ấm cho em bé. Các người làm cùng với tôi mất khá nhiều giờ để gói quà, và cột lại bằng giấy ruy-băng.

Một ngày kia có tiếng gõ cửa. Một nhóm các bà từ làng Wah đứng ở ngoài cửa. Họ muốn tiếp tay. "Thưa bà Begum, không phải vì tiền," một bà lên tiếng giải thích. "Chúng tôi chỉ muốn giúp bà chuẩn bị bữa tiệc."

Bỗng dưng bữa tiệc trở nên một sinh hoạt của cộng đồng. Để trang trí, tôi yêu cầu một gia đình thợ gốm trong làng làm đèn, ở vùng ấy người ta vẫn dùng đèn dầu làm bằng đất nung. Tôi đặt 500 cái. Tôi nhờ các bà đến nhà để bên sợi bông lại làm tim đèn. Khi chúng tôi làm việc, các cơ hội để nói về Đức Kitô tự nhiên xảy đến. Thí dụ, khi đặt đèn chung quanh nhà, tôi kể cho họ nghe dụ ngôn về các trinh nữ khôn ngoan và dại khờ.

Thực phẩm là một công việc nhiều thích thú. Một lần nữa các bà trong làng lại giúp tôi nấu các đồ ngọt của người Pakistan, cũng như xắt nhỏ các hạt hạnh nhân và các loại hạt đậu khác. Họ quấn các giấy bạc thật nhỏ để nhét vào kẹo mút.

Dân làng bắt đầu đến nhà tôi từ chiều tối 24 và họ tiếp tục đến trong những ngày hôm sau để trở thành một tuần lễ liên hoan. Các ngọn đèn gốm thật đẹp, toả sáng lung linh dọc theo đường đi và trên các cửa sổ. Cháu Mahmud có được quãng thời gian tuyệt vời để chơi với các trẻ em trong làng. Tôi chưa bao giờ thấy ánh mắt của chúng long lanh như vậy, kể cả cháu Mahmud. Tiếng cười nói tràn ngập cả nhà. Thịnh thoả Mahmud đến xin tôi.

"Bà ơi, có năm đứa đứng ngoài cửa, con cho nó vào chơi được không?"

"Đương nhiên rồi," tôi cười, vỗ lưng nó và cảm thấy vui khi lũ trẻ có mặt trong nhà tôi có lẽ còn đông hơn tất cả đứa trẻ trong làng. Khi tôi nói với dân làng là Đức Kitô đã truyền cho chúng ta phải đối xử với nhau như vậy, họ hỏi ngay, "Người có thực sự sống với người dân như chúng tôi không?"

"Có chứ," tôi trả lời, "và ngày nay khi chúng ta đối xử tốt đẹp với người khác là chúng ta đối xử với Người."

Sau cùng, khi các cuộc liên hoan trôi qua và tôi có thể mạnh dạn gieo mình xuống ghế mà không sợ ngồi lên đứa bé nào đang ngủ trên ghế, tôi thở dài mãn nguyện với Chúa. "Có phải đó là điều Chúa muốn con làm không?" Và dường như tôi nghe tiếng thì thầm trả lời, "Phải." Và sau đó tôi mới biết là tôi đã quên không cất các tấm thảm quý giá. Nhưng dường như chúng chẳng hư hại gì.

Nhiều người trong làng không quên dịp liên hoan đó. Khoảng một tháng sau, tôi nghe từ một người hầu về đám tang trong làng. Vợ của ông thầy tu Hồi Giáo lớn tiếng than phiền rằng tôi đã sai lầm khi từ bỏ đức tin. Tuy nhiên, ai đó đã mau mắn trả lời: "Bà có gặp bà Begum Sahib sau này chưa? Bà có làm được bất cứ gì mà bà ấy đã làm kể từ khi là Kitô Hữu chưa? Nếu bà muốn biết về Thiên Chúa tại sao không đến gặp bà ấy?"

Nhưng cảm nghiệm này cũng có một khía cạnh khác. Vì tôi biết rằng có nhiều lực lượng ở Wah không thích dịp liên hoan vừa qua.

Ngày kia, một lão bộc làm vườn trong nhà chặn tôi lại, ông gãi đầu, "Bà đừng chân đôi chút được không?"

"Dĩ nhiên."

"Thưa bà, bà phải biết trong phố người ta đang nói gì về bà. Họ nói rằng bà trở thành một vấn đề cho họ. Có những người trong làng nói rằng họ sẽ thi hành điều gì đó đối với bà."

"Đối với tôi? Sao lạ vậy."

"Tôi cũng không biết, thưa bà. Nhưng tôi nghĩ bà phải biết về điều đó..."

Những cảnh cáo như thế này, có lúc đến cùng lúc, có lúc cách nhau vài tháng, bắt đầu xảy ra thường xuyên hơn trong vòng một năm. Hầu như Thiên Chúa đang chuẩn bị tôi cho thời kỳ khó khăn hơn sẽ đến.

Thí dụ, một ngày kia có ba đứa trẻ nhỏ đến nhà tôi. Sau này tôi tự hỏi có phải chúng là sứ giả của Chúa hay không. Vì cháu Mahmud đến cho tôi biết điều ba đứa ấy nói. Nó run rẩy với đôi mắt tròn xoe sợ hãi.

"Bà có biết mấy đứa đó nói gì không? Chúng nó nói người trong làng định giết bà. Họ sẽ thi hành điều đó sau buổi tụng kinh chiều thứ Sáu." Cháu bắt đầu khóc. "Nếu bà chết, con cũng sẽ chết theo!"

Tôi phải làm gì! Tôi ôm lấy Mahmud để an ủi và vuốt mái tóc đen bù xù của nó. Tôi nói, "Để bà kể cho con nghe câu chuyện." Và tôi kể cho nó nghe câu chuyện về bài giảng thứ nhất của Đức Giêsu ở Nagiarét, khi đám đông tức giận muốn ném đá Người. Tôi nói, "Cháu biết không, Đức Giêsu băng ngang qua họ mà đi. Không có ai làm gì được Đức Giêsu cho đến khi Chúa Cha cho phép điều đó xảy ra. Điều đó cũng đúng với hai bà cháu mình. Chúng ta có sự bảo vệ của Người. Cháu có tin như vậy không?"

"Bà muốn nói là chúng ta không bao giờ bị thiệt hại hay bị xúc phạm?"

"Không, không phải vậy. Đức Giêsu bị xúc phạm. Nhưng chỉ khi nào đến thời điểm mà Người phải đau khổ. Không phải lúc nào chúng ta cũng sống trong sợ hãi vì điều gì đó khủng khiếp sẽ xảy ra cho chúng ta. Vì nó sẽ không thể xảy ra cho đến thời điểm nào đó. Và có lẽ nó chẳng bao giờ xảy ra. Chúng ta chỉ chờ đợi và nhìn xem. Nhưng hiện thời chúng ta có thể sống với sự tin thác vô bờ. Cháu có hiểu không?"

Mahmud nhìn tôi và cặp mắt nâu đen của nó dịu đi. Bỗng dưng nó mỉm cười, như quên hết mọi lo âu nó chạy ra sân chơi vui vẻ.

Tôi ước ao là chính tôi cảm thấy tự tin. Không phải vì tôi không tin điều mà tôi vừa nói với Mahmud. Nhưng chính vì đức tin của tôi chưa giống như đứa trẻ. Tôi đứng dậy và cầm quyển Phúc Âm đi ra vườn. Tâm hồn tôi chưa thực sự bình an. Làm thế nào mà họ dám ép buộc tôi ra khỏi vùng đất của tôi!

Thời tiết mùa thu khô và mát; khi rảo bộ trên đường đá sỏi, tôi có thể nghe tiếng cá quẫy trong lạch nước nhỏ của khu vườn và tiếng chim kêu xa xa. Hoa cúc và các loại hoa còn sót lại sau mùa hè làm vui mắt lối đi. Tôi hít thở không khí trong lành. Đây là đất đai của tôi, và dân tộc tôi. Đây là quê hương tôi. Dòng họ tôi đã phục vụ quê hương này trên bảy trăm năm. Đây là nhà của tôi, và tôi không thể, sẽ không bao giờ lìa xa nó!

Tuy nhiên các biến cố đang xảy ra ngoài tầm kiểm soát của tôi, và cũng không cho tôi cơ hội tốt vì quyết định bướng bỉnh của tôi là cứ ở trong nhà.

Vào tháng Mười Hai 1970, bốn năm sau khi tôi hoán cải, lần đầu tiên Pakistan cho phép mọi người được quyền đi bầu. Dường như Đảng Nhân Dân đang nắm phần thắng. Và đó chưa hẳn là điều tốt cho tôi. Vì không một người bạn nào của tôi quen biết với đảng này. Khẩu hiệu của đảng mới này là "Hồi Giáo là Đức Tin chúng ta, Dân Chủ là Chính Sách của chúng ta, Xã Hội Chủ Nghĩa là Kinh Tế của chúng ta." Đó là một khẩu hiệu nhằm mời mọc mọi người trên đường phố. Tôi biết rằng một người Pakistan bình thường sẽ cảm thấy một sức mạnh mới. Điều này có tốt cho tôi không? Có lẽ nó tốt cho một Bilquis mới, nhưng cũng có sự nguy hiểm tiềm ẩn. Vì không có gì nung nấu nhiệt huyết của một người cuồng tín hơn là sự tin tưởng rằng chính phủ sẽ hỗ trợ sự lạm dụng của họ. Danh tiếng của tôi trước đây chắc chắn không phải là một người dân chủ; xã hội chủ nghĩa không hợp với truyền thống lâu đời của dòng họ tôi; còn Hồi Giáo?--thì bây giờ tôi là một người phản bội.

Tôi theo dõi các biến cố ở xa xa. Tuy nhiên, một ngày kia, một người bạn trong chính phủ cũ của cha tôi đến từ Sardar. Bất kể sự tuyệt vọng của ông vì đức tin mới của tôi, ông tìm cách gần với tôi. Thình thoảng ông gọi điện thoại hay đến thăm chỉ để biết chắc là mọi sự đều êm đẹp.

Giờ đây ông ngồi uống trà với tôi trên chiếc đi-văng trong phòng khách.

"Bilquis này," ông nhỏ nhẹ nói, "bạn có biết điều gì đang xảy ra và nó ảnh hưởng thế nào đến bạn không?"

"Anh muốn nói về Đảng Nhân Dân Pakistan?"

"Dĩ nhiên họ đã thắng cuộc tranh cử. Bạn biết gì nhiều về Zulfikar Ali Bhutto không."

"Tôi biết nhiều về ông ta," tôi trả lời.

"Bạn không đọc báo? Nghe radiô sao?"

"Không, anh biết là tôi không có thời giờ để làm việc đó."

"Vậy thì tôi khuyên bạn nên từ từ. Hoàn cảnh chính phủ đã thay đổi. Tôi không nghĩ là bạn có thể trông nhờ vào ông ta như trước khi ông làm tổng thống. Bạn đã mất ảnh hưởng mà bạn từng có trước đây trong giới cao cấp. Thời đại đó đã qua rồi."

Một nửa giờ sau tôi vẫy tay từ biệt người bạn cũ và khi gọi đầy tớ lên dọn dẹp, tôi mới nhận ra một điều kỳ lạ xảy đến qua sự thăm viếng của người bạn cũ. Dường như anh ta nói thay cho Chúa, để chuẩn bị tôi đương đầu với một sự kiện là sự bảo vệ nhờ các bạn có thể lực thì không còn nữa, điều đó đưa tôi đến việc hoàn toàn lệ thuộc vào Thiên Chúa gần hơn.

Thời gian không lâu trước khi tôi cảm thấy thái độ thù nghịch gia tăng. Tôi thấy điều đó trong ánh mắt của những người mà tôi đi ngang qua ở làng Wah. Tôi không bao giờ quên được sự thay đổi thái độ của một viên chức nhỏ mà tôi thảo luận về thuế bất động sản. Trước đây, anh ta là một nô dịch, thường nghiêng mình cúi đầu. Giờ đây anh chàng công khai chống đối. Điều đó lộ liễu trong lời nhận xét hỗn xược và thái độ khinh bỉ khi hắn đập mạnh đồng giấy tờ trước mặt tôi.

Và sau đó khi tôi bách bộ trên con đường bên ngoài căn nhà, tôi liếc thấy một ông thường hớn hờ ra nói chuyện với tôi. Giờ đây tôi nhận thấy sự khác biệt rõ rệt. Khi thoáng thấy tôi, ông quay đầu làm như không thấy khi tôi đi ngang qua. Bên trong lòng, tôi cười thâm, "Chúa ơi, không phải là tất cả chúng con đều giống như con nít hay sao!"

Thật thú vị khi tân chính phủ dường như ảnh hưởng rất ít đối với các người làm trong nhà tôi. Ngoại trừ nhỏ Nur-jan, nó âm thầm vui sướng khi bước theo Đức Giêsu, và Raisham, một Kitô Hữu, toàn thể gia nhân của tôi là các tín đồ trung thành của Môhamét. Tuy nhiên một sự yêu mến thực sự hiện diện giữa chúng tôi. Hơn một lần các gia nhân Hồi Giáo lên vào phòng riêng của tôi và nài nỉ. "Thưa bà," chúng nói thật khê, "nếu bà phải rời nơi đây... hay nếu bà quyết định rời bỏ... đừng lo cho chúng con. Chúng con sẽ tìm được việc khác."

So với bốn năm trước, tương giao giữa tôi với các gia nhân bây giờ thật khác biệt.

Các giấc mơ cũng đóng một vai trò đáng kể trong thời gian đó. Các giấc mơ luôn luôn là một phần cảm nghiệm về Kitô Giáo của tôi, kể từ ngày đầu tiên tôi được gặp Đức Giêsu, người đến trong một giấc mơ để ăn cùng bàn với tôi. Giờ đây các cảm nghiệm kỳ lạ và huyền bí ấy trở nên tích cực hơn, giống như điều Thánh Phaolô cảm nghiệm.

Một đêm kia tôi thấy mình bước ra ngoài trong thần khí và băng qua đại dương với một động lực tuyệt vời. Như đi với vận tốc ánh sáng tôi đến nơi mà tôi cảm thấy là tiểu bang New England, mặc dù chưa bao giờ tôi đến Mỹ Châu. Tôi đến trước một căn nhà, hay có phải là nhà hưu dưỡng không? Tôi bay vào một phòng có các giường đôi. Trên một chiếc giường, tôi thấy người phụ nữ trung niên nằm trên đó với khuôn mặt tròn, mắt xanh trong và mớ tóc muối tiêu. Hiển nhiên bà bệnh nặng; tôi có cảm tưởng là bà bị ung thư. Một y tá ngồi đọc sách cho bà nghe. Và rồi tôi thấy Chúa đứng ở góc phòng. Tôi quỳ xuống trước mặt Người và hỏi tôi phải làm gì.

"Cầu nguyện cho bà ấy," Người nói. Do đó tôi đến bên cạnh giường của bà và thành khẩn cầu xin cho bà được khỏi bệnh.

Sáng hôm đó, ngồi bên cạnh cửa sổ tôi vẫn sợ hãi về điều đã xảy ra trong căn phòng ở bên kia đại dương. Tại sao Chúa Giêsu muốn tôi cầu nguyện cho bà ấy? Người ở ngay đó. Nhưng Người lại yêu cầu tôi cầu nguyện cho bà. Tôi bắt đầu nhìn thấy một tia sáng mờ mờ của sự mặc khải vĩ đại. Lời cầu xin của chúng ta rất quan trọng đối với Thiên Chúa. Người hoạt động qua các lời ấy. Tôi được dẫn đến chương năm của Thánh Giacôbê: Lời cầu xin đầy tin tưởng có thể cứu được người bệnh; Chúa sẽ phục hồi họ và bất cứ tội lỗi nào sẽ được tha thứ... Sức mạnh khủng khiếp thì luôn sẵn sàng ban cho qua lời cầu xin chân thành của người tốt lành...

Như thế lời cầu xin của chúng ta sẽ khai mở sức mạnh này để ban cho người mà chúng ta cầu nguyện cho họ.

Một lần khác tôi thấy mình bước trên một tấm ván như thể đi lên tàu. Tấm ván ấy dẫn đến một căn phòng. Đức Kitô đang đứng trong phòng. Dường như Người chuẩn bị ra lệnh cho tôi. Sau đó tôi bước lùi về tấm ván. Cuối tấm ván có một bà đang đứng đợi, mặc y phục tây phương, váy ngắn và áo khoác. Bà có vẻ đang chờ đợi tôi. Bà bước đến khoác lấy vai tôi và bắt đầu dẫn tôi đi.

"Chúa ơi, chúng con đi đâu đây?" Tôi quay đầu hỏi Chúa. Nhưng Người không trả lời.

Giấc mơ ấy dường như muốn nói rằng tôi sẽ đi xa một chuyến nữa. Mặc dù lần này tôi sẽ đến một nơi vô định, nhưng Đức Giêsu sẽ trông nom cuộc hành trình. Giấc mơ ấy đã chuẩn bị tôi khỏi bị sửng sờ khi một người bạn cũ đưa tin cho tôi.

Vào tháng Ba 1971, chỉ một vài tháng sau khi ông Bhutto lên nắm chính quyền, ông Yaqub đến thăm tôi, ông là một người bạn trong chính phủ cũ. Ông rất thân với gia đình tôi trong nhiều năm. Thật vậy, khi chồng tôi làm Bộ Trưởng, có một thời gian kinh tế Pakistan suy thoái vì bất quân bình mậu dịch. Yaqub và tôi giúp phát động một chương trình tự lực cánh sinh mà sau này được gọi là Chương Trình Sống Đơn Giản. Ý tưởng căn bản là khuyến khích giới kỹ nghệ Pakistan sản xuất hàng hóa trong nước, bớt đi nhu cầu nhập cảng.

Chúng tôi đi khắp nước giúp khởi sự các nhà máy nhỏ và thủ công nghệ. Chúng tôi khích lệ dân địa phương dệt vải và sau đó sản xuất quần áo. Chính chúng tôi tình nguyện tham gia một chương trình khắc khổ, tự may lấy quần áo. Chương trình Sống Đơn Giản là một thành công. Khi các nhà máy địa phương bắt đầu phát đạt, điều kiện kinh tế của Pakistan tiến triển. Sau bao năm kể từ lúc đó, Yaqub thỉnh thoảng đến thăm tôi để thảo luận chính trị và vấn đề thế giới. Ông biết nhiều về những gì dòng họ tôi nắm giữ, vì ông đã từng đến xem các bất động sản của chúng tôi trên toàn quốc, và ông biết hầu hết cơ nghiệp của chúng tôi nằm ở bất động sản.

"Bilquis này" ông nói với giọng điệu biện giải, "một số bạn hữu mà tôi từng nói chuyện với họ... lại đề cập đến vấn đề tình hình tài chánh của bạn. Có bao giờ bạn nghĩ đến chuyện bán đi một số đất không? Tôi không chắc điều đó có an toàn không khi tất cả cơ nghiệp của bạn nằm ở bất động sản, với sự hứa hẹn cái cách ruộng đất của Bhutto."

Thật là một điều chín chắn để Yaqub thi hành. Và cũng không phải là không có rủi ro. Với thái độ thù nghịch ngày càng gia tăng đối với giai cấp thống trị của quá khứ, chiếc xe chính phủ của ông đậu trước nhà tôi thật dễ để ông bị dèm pha.

"Cám ơn Yaqub," tôi cố kèm giọng nói. "Nhưng như tôi đã quyết định--không gì có thể ép buộc tôi ra khỏi đây!"

Dĩ nhiên đó là một lời ấu trĩ. Một con người hồng hách, ương ngạnh của Bilquis xưa lộ rõ chân tướng. Tuy nhiên đó lại là thái độ không làm người bạn tôi ngạc nhiên. "Đó là câu trả lời tôi chờ đợi," Yaqub vừa nói vừa vuốt râu mép và mỉm cười. "Cũng như xưa, sẽ đến lúc bạn phải từ giã Pakistan. Nếu bạn cần giúp đỡ..."

"Nếu đến lúc đó, chắc chắn tôi sẽ nhớ đến lời đề nghị của bạn."

Một giấc mơ khác: lần này là từ Raisham, lúc nào cũng e dè.

"Bà ơi," nó khóc, quỳ xuống bên cạnh đi-văng mà tôi đã ngồi ở đó vào đêm tôi gặp Chúa. "Con có giấc mơ khủng khiếp quá. Con có thể kể cho bà nghe không?"

"Dĩ nhiên."

Tôi lắng nghe. Raisham kể nó mơ thấy một số người hung dữ xông vào nhà và định bắt tôi. Nó khóc, "Con chống trả với họ. Con nói lớn 'Bà ơi, chạy đi!' Và trong giấc mơ con thấy bà chạy ra khỏi nhà và thoát khỏi."

Đôi mắt nâu đen của nó sưng nước. Chính tôi lại là người an ủi nó. Nhưng đối với tôi điều này không khó khăn gì. Trong những lời tôi nói, tôi thấy mình lắng nghe lời khuyên bảo mà chính tôi phải ghi lòng tạc dạ. Tôi nói, "Cháu ơi, gần đây bà cũng nghe nhiều từ Chúa về việc có thể phải đi trốn. Và điều đó có thể xảy ra. Lúc đầu bà không muốn tin. Nhưng bây giờ bà sẽ bắt đầu để ý."

"Rất có thể bà phải đi," vừa nói tôi vừa nâng cằm nó lên và mỉm cười. "Nhưng đi lúc nào thì tùy theo ý Chúa. Bà đang tập để chấp nhận điều đó. Cháu có thể tin bà không?"

Nhỏ người làm im lặng. Sau cùng nó lên tiếng, "Thật là một lối sống tuyệt vời, thưa bà."

"Thật đúng như vậy. Nó là lối duy nhất. Không có gì còn trong sự kiểm soát của mình."

Và mặc dù tôi tin vào mọi điều tôi nói, khi cô người làm bước ra khỏi phòng, tôi thấy mình dường như không làm chủ được cảm xúc như tôi nghĩ. Chạy trốn sao? Bỏ đi sao? Minh mà như vậy sao?

Hàng loạt "cảm nghiệm" bắt đầu xảy đến nhanh hơn vào mùa thu 1971. Một ngày kia, nhỏ Nur-jan hỏi hộp đến với tôi và khuôn mặt nó thật căng thẳng.

"Cái gì đó, Nur-jan?" tôi hỏi trong khi nó chải tóc cho tôi, đôi tay nó run rẩy.

"Ôi bà ơi," nó khóc lóc, "con không muốn bà bị tổn thương."

"Tổn thương bởi cái gì?"

Nur-jan lau mắt. Nó cho tôi biết anh của nó, chính anh ruột, đến đền thờ hôm qua và có một nhóm người nói rằng đã đến lúc phải hành động tấn công tôi.

"Cháu có biết họ muốn nói gì không?"

"Thưa bà không. Nhưng con sợ. Không chỉ cho bà nhưng cho cậu bé nữa."

"Một đứa bé mới chín tuổi sao? Họ sẽ..."

"Thưa bà, quê hương này không còn như năm năm về trước," nhỏ Nur-jan nói một cách nghiêm trọng, không như bản tính huyền thuyên của nó. "Bà hãy cẩn thận."

Và thật vậy, chỉ vài tuần sau điều đó đã xảy ra.

Đó là một ngày thật đẹp. Khí trời vẫn còn vương vất mùa thu. Mùa mưa đã qua và thời tiết khô ráo. Không có gì bất hạnh xảy ra trong nhiều ngày đến nỗi tôi phải nhủ thầm, chúng ta đang sống trong thời hiện đại. Đó là 1971 chứ không phải 1571. Các cuộc thánh chiến chỉ là điều trong quá khứ.

Tôi lên lầu vào phòng để cầu nguyện.

Nhưng bỗng dưng, không hiểu tại sao, tôi được thúc giục mạnh mẽ là hãy đưa Mahmud ra khỏi nhà để vào khu vườn!

Thật là một điều điên rồ. Nhưng sự thúc giục ấy thật rõ rệt đến độ tôi chạy vào phòng, đánh thức nó dậy, và không một lời giải thích tôi vội vã kéo nó ra khỏi phòng.

Vẫn cảm thấy điên khùng, tôi chạy vội xuống lầu, mở toang cánh cửa và chạy ra ngoài.

Ngay khi bước ra hàng hiên, tôi ngửi thấy mùi cay sè. Ai đó đang đốt cành thông. Từ lâu tôi đã ra lệnh là không ai được đốt rác trong khu nhà này. Tôi đi tìm người làm vườn và khi vòng qua căn nhà sự sợ hãi bao trùm lấy tôi.

Một đồng cành thông được chất sát vào căn nhà đang bùng cháy. Tiếng lửa nổ tanh tách, nóng hừng hực, liếm vào một bên tường và đang dâng cao.

Tôi hét lên. Các người làm chạy vội đến. Không lâu sau đó một số người chạy đi chạy lại để lấy nước ở con suối gần bên. Một vài người khác mở ống nước thường để tưới vườn nhưng sức nước quá yếu. Có lúc, lửa dường như bén vào xà gỗ trên mái nhà. Khói bốc ra âm ỉ. Không cách gì có thể dội nước lên cao đến thế. Cách duy nhất để khỏi cháy nhà là phải dập tắt được ngọn lửa.

Chúng tôi chạy đua với thời gian. Mười người đứng nối đuôi thành một hàng đến suối để chuyển tay nhau các thùng nước bắn tung toé vì vội vã.

Mọi người làm việc cật lực trong nửa giờ đồng hồ, cho đến khi dập tắt được ngọn lửa. Chúng tôi, chừng mười hai người, đứng thành một vòng chung quanh đồng lửa. Tất cả đều đầm mồ hôi, tất cả đều run sợ. Chỉ chậm một vài phút nữa là căn nhà đã bén lửa và không thể nào dập tắt được.

Tôi bắt gặp ánh mắt của nhỏ Nur-jan. Nó nhún vai và gật gật cái đầu.

Tôi biết nó đang nghĩ gì. Sự đe dọa đã được thể hiện. Tôi nhìn đến các xà gỗ, ở đâu xà đã đen lại và khói đen còn in vết trên bức tường trắng. Tôi cảm tạ Chúa vì không gì đáng tiếc xảy ra và rùng mình nghĩ lại không biết điều gì sẽ xảy ra nếu không được thúc giục chạy ra khỏi nhà đúng lúc.

Một tiếng đồng hồ sau, cảnh sát đến lập biên bản điều tra, thẩm vấn tôi và các người làm. Tôi vào phòng, cảm quyền Kinh Thánh lên để xem Chúa có nói điều gì đặc biệt với tôi.

Một câu dường như nổi bật khỏi trang.

"Người phải vội vã, thoát khỏi nơi đó; vì Ta không thể làm gì khác cho đến khi người đến nơi đó" (Sáng Thế 19:22).

Tôi đặt sách xuống và ngược mặt lên trời. "Tất cả những gì Chúa cần làm là xin cho con biết Chúa muốn con từ bỏ nơi đây như thế nào. Điều đó khó hay dễ?"

"Và trên tất cả, lạy Chúa" tôi nói mà nước mắt dần dụa, "còn cháu bé thì sao? Nó cũng có thể đi với con không? Chúa đã lấy đi tất cả những gì của con. Không lẽ kể cả đứa bé đó sao?"

Sáu tháng sau, một ngày trong tháng Năm 1972, Chúa lại nói với tôi trong một giấc mơ. Raisham đến với tôi trong ánh mắt đầy âu lo.

"Thưa bà, hộp đựng tiền có an toàn không?"

"Dĩ nhiên là an toàn chứ. Sao vậy?"

"Thưa bà," Raisham giải thích và cố dần xúc động. "Đêm qua con mơ thấy bà đi xa. Bà đem theo hộp đựng tiền."

"Vậy sao?" Điều này không phải bất thường, vì tôi thường đem theo hộp tiền trong các chuyến đi xa.

"Nhưng giấc mơ ấy thật lắm, thưa bà," Raisham khản khoản. "Và điều buồn là khi bà đang đi, người ta chặn bà lại và lấy mất hộp tiền."

Nó run rẩy và một lần nữa tôi phải an ủi nó với sự trấn an rằng việc mất tiền sẽ đưa tôi đến gần với sự quan phòng của Chúa hơn. Sau khi nó đi làm việc tôi nghĩ về giấc mơ ấy. Có thể nào đó là một tiên đoán? Có thể nào nó có nghĩa là tài chánh của tôi sẽ bị người ta tước đoạt? Có phải không bao lâu nữa tôi sẽ phải tự lập, lao mình vào một chỗ xa lạ không ai giúp đỡ?

Đó là những ngày nhiều kinh ngạc. Vì chỉ hai tháng sau, một ngày nóng nực của tháng Bảy 1972, một người làm đến cho tôi biết Khalid, con trai tôi, đến thăm.

"Khalid?" Con tôi vẫn sống ở Lahore. Sao nó lại đến đây trong một ngày nóng nực như thế này? Có điều gì quan trọng mà nó không thể nói trên điện thoại?

Khalid đang chờ tôi ở phòng khách. "Con!" tôi kêu lên mừng rỡ khi bước vào phòng. "Mẹ thật vui khi thấy con! Nhưng sao con không điện thoại?"

Khalid bước đến ôm hôn tôi. Nó đóng cửa phòng lại và, không dài dòng, nó đi ngay vào mục đích của cuộc viếng thăm. "Mẹ. Con nghe có lời đồn xấu lắm." Nó ngừng lời. Tôi cố mỉm cười. Khalid thấp giọng và tiếp, "Mẹ, chính phủ sẽ sung công nhiều tài sản tư."

Tâm trí tôi nhớ lại cuộc thăm viếng của một người bạn trong chính phủ, ông cũng nói tương tự trên một năm trước, trong tháng Ba 1971. Có phải cuộc viếng thăm có tính cách tiên đoán của ông ấy đang xảy ra? Khalid cho biết Bhutto đang bắt đầu chương trình canh tân ruộng đất và chắc chắn rằng các tài sản của tôi sẽ nằm trong số bị quốc hữu hóa đầu tiên.

"Con nghĩ mẹ phải làm gì?" tôi hỏi. "Liệu họ sẽ lấy một phần hay tất cả?"

Khalid đứng dậy và bước đến cửa sổ nhìn ra khu vườn, trầm ngâm suy nghĩ. Quay lại phía tôi, nó nói:

"Thưa mẹ, chưa ai biết cả. Có thể tốt nhất là bán đi từng lô nhỏ. Như vậy, người chủ mới sẽ được bảo vệ không bị chính quyền lấy mất."

Càng suy nghĩ về điều ấy, tôi càng thấy đề nghị của Khalid có lý. Chúng tôi lái xe đến gặp Tooni để thảo luận về vấn đề, tất cả chúng tôi đồng ý rằng đó là phương cách đúng nhất để tiến hành. Như vậy vấn đề được quyết định. Khalid sẽ trở về Lahore. Chúng tôi sẽ đến đó sau để lo giấy tờ. Cháu Tooni, Mahmud và tôi sẽ theo sau.

Do đó vào một buổi sáng nóng nực trong tháng Bảy 1972, ba chúng tôi lái xe đến Lahore để gặp chuyên viên địa ốc về vấn đề bất động sản của tôi. Khi bước ra khỏi nhà, tôi bàng hoàng trước vẻ đẹp của khu vườn. Mùa hè đã nở rộ và ngay cả các suối nước cũng róc rách mạnh hơn thường lệ.

"Chúng tôi sẽ trở lại trong một vài tuần," tôi nói với các gia nhân khi đứng trước thềm nhà. Mọi người dường như đều chấp nhận ý tưởng đó. Mọi người ngoại trừ Nur-jan và Raisham. Bỗng dưng Nur-jan bật khóc và bỏ đi.

Một cách buồn bã tôi bước lên phòng ngủ để lấy một vật để quên. Khi quay trở ra trước khi xuống lầu, Raisham đứng trước mặt tôi. Nó cầm lấy tay tôi, mắt nó ngập lệ.

"Chúa sẽ đi với bà," nó nhỏ nhẹ.

"Và Chúa cũng ở với cháu," tôi trả lời.

Raisham và tôi đứng im lặng một hồi lâu, không nói một lời nhưng hiểu tất cả. Vì lý do nào đó tôi biết rằng không bao giờ tôi gặp lại dáng người mảnh khảnh này nữa. Tôi xiết tay nó và nói thầm, "Không có ai chải tóc đẹp như cháu."

Raisham hai tay ôm lấy mặt rồi chạy ra khỏi phòng. Tôi vừa mới đến cửa phòng ngủ thì có điều gì chặn tôi lại. Tôi bước trở vào phòng và đứng đó. Một sự im lặng bao trùm căn phòng. Ánh mặt trời buổi sáng lùa vào từ cửa sổ phía khu vườn. Đây là nơi tôi đã được biết đến Thiên Chúa.

Tôi quay lưng lại căn phòng và khu vườn yêu quý, nơi tôi từng được biết đến sự Hiện Diện của Chúa, và đi thẳng ra xe.

Ở Lahore có những người tôi thực sự vui mừng được gặp. Trước hết, dĩ nhiên là Khalid, vợ và cô con gái tuổi thiếu nữ. Sau đó có thể là tôi sẽ được gặp ông bà Olds. Tôi đã viết thư báo là tôi sẽ đến Lahore. Trụ sở truyền giáo mới của họ trong một ngôi làng hơi xa thành phố, nhưng tôi hy vọng sẽ gặp lại các bạn cũ.

Vào tháng Bảy, như thường lệ, Lahore nóng như thiêu đốt, các con đường cũ của thành phố bốc hơi với nước của trận mưa cuối cùng. Khi chúng tôi len lỏi qua các con đường đầy chật người ở trung tâm thành phố, chiếc loa phóng thanh trên tháp đèn kê lạch tạch, sau đó bùng ra giọng đanh thép của lời kinh cầu buổi trưa. Dòng xe cộ bỗng dừng thưa hãn khi các xe lớn nhỏ đều dạt vào lề đường. Các người lái xe bước xuống vệ đường, trải khăn và phủ phục cầu nguyện.

Tooni chỉ có thể ở với chúng tôi trong chốc lát vì những bổn phận ưu tiên phải làm. Sau khi chúng tôi hoàn tất các giấy tờ cần thiết, Khalid đưa chúng tôi đến trạm xe lửa để Tooni kịp chuyến xe. Đó là giây phút đau lòng ở bên xe, đau xót hơn tôi tưởng. Theo dự định, cháu Mahmud sẽ gặp lại mẹ nó trong một vài ngày. Tuy nhiên chúng tôi đều cảm thấy sự bất thường về cuộc tiễn biệt này. Mahmud, gầy và cao lêu nghêu vì đã gần mười tuổi, cố cầm nước mắt khi hôn từ biệt mẹ nó. Tooni khóc thành tiếng khi ôm lấy đứa con trai. Bỗng dưng tôi thấy mình cũng khóc và cả ba chúng tôi ôm lấy nhau ở trạm xe lửa.

Sau cùng, Tooni hất mái tóc đen hạt dẻ ra sau và gượng cười: "Thôi, đây đâu có phải là đám tang đâu."

Tôi mỉm cười, hôn cháu, và Mahmud cùng với tôi nhìn Tooni bước lên toa. Khi đầu máy vang lên tiếng kèn inh ỏi và chậm chạp rời bến, tim tôi thất lại. Tôi đưa mắt tìm kiếm khuôn mặt của Tooni sau các khung cửa sổ. Khi nhận ra vị trí, cả Mahmud và tôi đều đưa tay lên hôn gió từ biệt.

Một cách thêm khát, tôi in chặt hình ảnh Tooni trong tâm trí.

Ngày hôm sau tôi gặp các chuyên viên địa ốc, họ cho biết việc bán bất động sản phải mất vài tuần. Khalid trấn an rằng bao lâu chúng tôi muốn ở lại đây, nó rất sẵn sàng.

Điều làm tôi khó chịu là tôi không có sự hiệp thông tinh thần. Bây giờ tôi mới biết tại sao các môn đệ phải đi hai người một. Kitô hữu cần nhau để nâng đỡ và an ủi.

Tôi điện thoại cho ông bà Old. Thật sung sướng là dường nào khi được nghe tiếng bà Marie! Chúng tôi cười với nhau và khóc với nhau cũng như cầu nguyện với nhau trên điện thoại. Mặc dù vì chương trình bận rộn nên họ không đến được Lahore, họ đã giúp tôi tiếp xúc với các Kitô hữu ở trong thành phố. Bà Marie đặc biệt nhắc đến vợ của một giáo sư đại học, bà Peggy Scholorholtz.

Thật kỳ lạ! Tại sao tim tôi đập mạnh khi nghe đến tên ấy?

Chỉ trong vòng vài phút, bà Peggy và tôi đã tiếp xúc với nhau qua điện thoại. Trong vòng một vài giờ, bà đã có mặt trong phòng khách nhà Khalid. Khi thấy tôi, bà nhòe miệng cười.

Bà nói, "Này bà Begum Sheikh, có thật là lần đầu tiên bà gặp Chúa Giêsu trong một giấc mơ không? Làm thế nào mà bà biết đến Chúa?"

Và thế là ngay trong phòng khách, tôi kể cho bà nghe toàn thể câu chuyện, như mới xảy ra sáu năm trước đây. Bà chăm chú lắng nghe. Khi tôi dứt lời, bà cầm lấy tay tôi và nói một điều thật ngạc nhiên.

"Tôi ao ước phải chi bà đến Hoa Kỳ với tôi!"

Tôi nhìn bà, chết lặng. Và một lần nữa tim tôi lại đập mạnh.

"Tôi nói thật đó," bà Peggy nói. "Tôi sẽ rời đây không lâu để đưa con vào trường. Tôi sẽ ở Hoa Kỳ trong bốn tháng. Bà có thể đi với tôi và nói chuyện với các hội thánh ở đó!"

Bà quá hăng hái nên tôi không muốn làm bà cụt hứng. Tôi mỉm cười trả lời, "Tôi cảm ơn lời mời của bà. Nhưng tôi phải cầu nguyện xem đã."

Sáng hôm sau, người hầu đưa tôi xem một mẫu giấy. Tôi đọc và phá lên cười. Mẫu giấy từ bà Peggy với câu hỏi, "Bà đã cầu nguyện chưa?" Tôi mỉm cười, vo viên mẫu giấy và tư lự. Thật quá phi lý để nghĩ về điều đó.

Trừ phi... Bỗng dung các biến cố trong hai năm vừa rồi dồn dập lướt qua tâm trí tôi. Các giấc mơ. Các cảnh cáo. Việc cháy nhà. Sự quyết định của tôi là thi hành bất cứ điều gì Chúa muốn--ngay cả phải từ bỏ quê hương.

Không. Tôi chưa thực sự đặt câu hỏi của bà Peggy với Chúa. Nhưng giờ đây tôi phải thi hành. Tôi giao phó chuyên đi trong bàn tay của Người. Điều đó thật khó vì tôi biết nếu từ già thì không chỉ có bốn tháng. Nó sẽ mãi mãi.

"Lạy Chúa, con sẽ lập lại điều đó một lần nữa. Chúa biết con muốn ở lại quê hương là chừng nào. Nói cho cùng, con đã 52 tuổi, và không còn thời giờ để bắt đầu lại.

"Nhưng," tôi thở dài. "Nhưng... đó không phải là điều quan trọng nhất phải không Chúa? Điều quan trọng thực sự là ở trong sự Hiện Diện của Ngài. Lạy Chúa xin giúp con đừng bao giờ để con quyết định điều gì khiến con phải xa với sự vinh hiển của Chúa."

Chương 14

CHUYẾN BAY

Thật kỳ cục, sau khi Chúa thay đổi ý định của tôi về việc từ giã Pakistan, bỗng dưng có nhiều trở ngại. Thí dụ, một trở ngại dường như không thể vượt qua được là quy tắc một công dân Pakistan chỉ có thể đem ra khỏi nước năm trăm đôla. Như bất cứ vị thành niên nào, cháu Mahmud chỉ có thể đem 250 đô la. Làm thế nào mà tôi và Mahmud có thể sống trong vòng bốn tháng với 750 đô la được? Chỉ điều này thôi cũng đủ để tôi đừng nghĩ đến lời đề nghị của bà Peggy.

Một vài ngày sau đó, bà Peggy mời chúng tôi đến thăm nhà. Khi trò chuyện, tên của Tiến Sĩ Christy Wilson bỗng dưng được nhắc đến. Bà cũng biết đến ông này. Tôi thực sự lưu tâm đến ông từ khi nghe biết chính phủ Hồi Giáo trục xuất ông ra khỏi A Phú Hãn và thiêu hủy ngôi thánh đường mà ông đã dựng nên ở Kabul cho người ngoại quốc.

"Bà có biết ông ấy ở đâu không?" tôi hỏi.

"Tôi không rõ lắm," bà Peggy trả lời.

Ngay lúc đó, có tiếng chuông điện thoại. Bà Peggy đi vào trả lời. Khi trở ra, đôi mắt tròn xoe, bà hỏi: "Bà có biết ai đó không? Chính là ông Christy Wilson!"

Sau đôi chút sững sờ, chúng tôi phá lên cười và tự hỏi không biết đó có phải là "tình cờ" hay không. Bà Peggy nói Ts. Wilson vừa mới đi ngang qua Lahore. Ông muốn ghé thăm. Dĩ nhiên tôi vui mừng, vì đó là cơ hội tốt để biết thêm tin tức, nhưng tôi linh cảm rằng đó không chỉ là một cuộc viếng thăm thông thường.

Chúng tôi có một cuộc họp mặt tuyệt diệu tại nhà bà Peggy vào ngày hôm sau. Tôi cho Ts. Wilson biết những biến cố xảy ra ở Wah và trong chính cuộc đời tôi. Sau đó bà Peggy nói với ông là bà đang dự định tôi sang Hoa Kỳ. Ông rất thích thú với ý tưởng đó.

"Tuy nhiên, có một vài trở ngại," bà Peggy nói. "Thứ nhất là quy tắc chuyển ngân mà bà Bilquis chỉ có thể đem năm trăm đô la ra khỏi nước."

"Tôi nghĩ..." Ts. Wilson vừa nói vừa xoa cằm. "Tôi có vài người bạn, có thể họ... Có lẽ tôi sẽ đánh điện tín... Tôi có biết một người ở California..."

Sau một vài ngày, bà Peggy điện thoại cho tôi, thật phấn khởi. Bà la lên, "Bà Bilquis này. Mọi chuyện đã được sắp xếp! Bs. Bob Pierce của tổ chức Samaritan's Purse sẽ bảo trợ cho bà! Có thể nào bà sẵn sàng ra đi trong vòng bảy ngày không?"

Bảy ngày! Bỗng dưng cái ý tưởng khủng khiếp là phải từ bỏ quê hương lướt nhanh qua đầu tôi. Vì tôi vẫn tin rằng nếu tôi ra đi, nó sẽ mãi mãi.

Làng Wah... khu vườn... căn nhà... dòng họ... Có thể nào tôi thực sự muốn từ bỏ?

Được, tôi có thể. Tôi có thể không nghĩ gì khác hơn nếu tôi thực sự tin rằng đây là ý Chúa. Vì tôi đã biết điều gì sẽ xảy ra nếu tôi bất tuân phục. Sự Hiện Diện của Người sẽ tan biến.

Hơn hai mươi bốn giờ sau, dường như một sự xác nhận khác lại xảy đến. Khi ở bữa ăn, Khalid bảo tôi chỉ còn một chi tiết nhỏ cần được che đậy thì mọi khó khăn về bất động sản đều vượt qua. Khalid nói, "Con nghĩ mẹ có thể an tâm nói rằng cho đến hôm nay, mẹ đã bị tước đoạt các tài sản mà mẹ muốn bán."

Sau đó bỗng dưng các cánh cửa đóng sập lại. Không bởi Thiên Chúa, dường như vậy, nhưng bởi quê hương tôi. Vì còn một quy tắc mới được ban hành, đó là không một người Pakistan nào có thể rời bỏ quê hương nếu chưa đóng tất cả thuế lợi tức. Phần của tôi đã trả đủ, nhưng tôi cần giấy chứng nhận. Tôi phải có Chứng Nhận Thanh Toán Thuế Lợi Tức. Chỉ với giấy này tôi mới có thể mua vé máy bay sang Hoa Kỳ.

Bốn ngày trong bảy ngày đã trôi qua; bây giờ chỉ còn lại ba ngày trong khi tôi và Khalid bước vào văn phòng chính phủ để xin giấy Chứng Nhận Thanh Toán. Khalid và tôi đều nghĩ rằng sẽ chẳng có khó khăn gì, vì mọi giấy tờ của tôi đều hợp lệ.

Văn phòng nằm trên một con đường bận rộn nhất của trung tâm Lahore. Tuy nhiên, khi bước vào văn phòng, điều gì đó khiến tôi thấy kỳ lạ. Nó quá yên lặng đối với một văn phòng công chức thường lệ, nơi các thư ký chạy đi chạy lại và dường như lúc nào cũng có người tranh luận với nhân viên.

Khalid và tôi là những người duy nhất trong văn phòng, không kể ông thư ký đầu hói ngồi tận góc phòng đang đọc báo. Bước đến gần, tôi cho ông biết điều tôi muốn.

Ông thoáng ngược nhìn lên rồi lắc đầu. "Xin lỗi bà," vừa nói ông vừa nhìn vào tờ báo, "có cuộc bãi công đang xảy ra."

"Một cuộc bãi công?"

"Phải, thưa bà," ông nói. "Vô hạn định. Không ai làm việc. Không ai có thể làm gì cho bà."

Tôi nhìn ông chăm chú. Rồi tôi bước lùi ra vài bước. "Chúa ơi," tôi kêu lớn, nhưng chỉ đủ để con tôi nghe được, "Ngài đã đóng cánh cửa rồi sao? Nhưng sao cho đến bây giờ Chúa lại khuyến khích con?"

Sau đó một ý tưởng chợt đến. Có thực sự Người đóng cánh cửa này không? Tôi cầu nguyện, "Được rồi, Cha ơi. Nếu đó là ý Cha là Mahmud và con sẽ sang Hoa Kỳ, Cha sẽ là người sắp xếp để con được giấy phép." Một cảm giác tin tưởng tràn ngập và tôi thấy mình lên tiếng nói với ông thư ký.

"Dường như ông đang làm việc," tôi nói. "Tại sao ông không thể cấp giấy phép cho tôi?"

Ông liếc nhìn tôi một cách khó khăn. Dường như ông là loại người luôn luôn vui vẻ để từ chối.

"Tôi đã nói với bà là có cuộc bãi công mà," ông căn nhắc.

"Nếu vậy, ông cho tôi gặp trưởng phòng." Một điều tôi học được khi làm việc với chính phủ là để công việc được trôi chảy, tôi phải luôn luôn đến với cấp cao hơn.

Ông thư ký thờ dãi, gấp tờ báo lại và tháp tùng tôi sang một văn phòng kế cận. "Đợi ở đây," ông lại căn nhắc, sau đó biến vào phòng. Tôi có thể nghe được những tiếng thì thầm từ căn phòng ấy, sau đó một người bước ra và làm hiệu cho tôi vào.

Khalid và tôi đứng trước một ông trung niên đẹp trai ngồi sau một cái bàn sứt sẹo. Tôi giải thích nhu cầu của mình. Ông ngả người ra sau ghế, tay vân vê cây bút chì. "Tôi xin lỗi thưa bà... Bà... bà nói tên bà là gì?"

"Bilquis Sheikh."

"Tôi xin lỗi. Tuyệt đối chúng tôi không thể làm gì được khi đang bãi công..." Nhưng bỗng dưng đôi mắt ông loé lên chút tia sáng quen biết.

"Bà có phải là Begum Sheikh người tổ chức Chương Trình Sống Đơn Giản không?"

"Chính tôi."

Ông đập tay trên bàn rồi nói lớn. "Vây thì," ông kéo ghế lại gần bàn và mời tôi ngồi xuống. "Tôi nghĩ đó là chương trình tốt đẹp nhất của quê hương chúng ta."

Tôi mỉm cười.

Sau đó ông trường phòng tựa đôi tay trên bàn một cách tín cẩn. "Bây giờ để xem chúng tôi có thể làm gì cho bà."

Ông buộc tôi phải giải thích một cách chính xác đâu là vấn đề và tôi cho ông biết là tôi phải đến Karachi để kịp chuyến bay sang Hoa Kỳ trong vòng ba ngày. Khuôn mặt ông có vẻ nghiêm trọng. Đứng thẳng người, ông gọi người thư ký bên ngoài. "Bảo người phụ tá mới vào đây."

Trầm giọng, ông nói, "Tôi vừa mới có người đánh máy tạm thời. Hấn không thuộc về ban làm việc thường xuyên và không bãi công. Hấn có thể đánh máy bản Chứng Nhận. Chính tôi sẽ đóng dấu. Tôi rất vui để giúp bà."

Một vài phút sau, tôi đã có tờ Chứng Nhận trong tay, thị thực đầy đủ. Khi ra khỏi đó, tôi thú nhận là tôi đã phe phẩy tờ giấy trước mặt ông thư ký, và ông đã ngược lên nhìn tôi lâu đủ để thấy tôi mỉm cười và nghe tôi nói, "Xin Chúa chúc lành cho ông."

Khi chúng tôi rời văn phòng chính phủ, Khalid ngạc nhiên nhận xét rằng chỉ mất có hai mươi phút để hoàn tất mọi vấn đề. Nó nói, "Nhanh hơn là nếu có người làm việc thường lệ!"

Tim tôi reo vui, tôi cố gắng giải thích cho Khalid hiểu rằng Thiên Chúa khao khát tình bạn trung thành của chúng ta. Khi chúng ta cầu xin, Người muốn hoạt động với chúng ta. Đó là nguyên tắc Cây Gậy Môsê. Nếu tôi giao khoán mọi khó khăn cho Chúa mà không cố gắng sống đức tin, có lẽ không bao giờ tôi có được giấy chứng nhận. Tôi phải bước đi để giải quyết bất cứ gì có thể. Tôi phải yêu cầu gặp người trưởng phòng. Cũng như Chúa yêu cầu ông Môsê lấy gậy đập vào đá, Người cũng yêu cầu chúng ta tham dự trong công việc phép lạ của Người.

Khalid hơi chút ngạc nhiên trước nhiệt tình của tôi, nhưng nó trầm tĩnh lại và mỉm cười: "Này mẹ, con có điều muốn nói. Con thấy mẹ thay vì nói 'Cám ơn', mẹ lại nói 'Chúa chúc lành cho bạn.' Và khi mẹ nói như vậy, con thấy đó là điều tốt đẹp nhất chưa bao giờ con nghe."

Bây giờ, mọi giấy tờ đã đầy đủ tôi tự hỏi có nên trở về làng Wah để từ giã hay không, vì cho đến lúc bấy giờ tôi vẫn tin rằng chuyến đi này sẽ lâu hơn bốn tháng. Tuy nhiên, khi đưa ra đề nghị này, Khalid nói:

"Mẹ không nghe biết gì về trận lụt hay sao?"

Mưa lớn đã tàn phá một phần của Pakistan giữa Lahore và Wah. Nhiều vùng đất rộng bị ngập nước. Mọi sự di chuyển đều bế tắc. Chính phủ phải đảm trách việc lưu thông.

Tâm hồn tôi chùng lại. Ngay cả chào tạm biệt tôi cũng không được phép. Chúa muốn tôi dứt khoát cắt đứt, như ông Lót ngày xưa được bảo là không được quay lại nhìn.

Tôi dự định rời Lahore vào sáng thứ Sáu. Tôi sẽ bay đến Karachi rồi đổi máy bay sang Hoa Kỳ. Bà Peggy và cậu con trai sẽ đi từ Tân Đê-li. Chuyến bay của bà cũng sẽ ngừng tại Karachi và từ đó, sẽ đi cùng chuyến bay với tôi và Mahmud. Tuy nhiên, vào sáng thứ Năm, có một sức lực thúc giục tôi là đừng chờ đợi. Tôi lo lắng nghĩ đến cháu Mahmud. Chắc chắn rằng tin tức sẽ đồn về làng Wah là chúng tôi không chỉ đến thăm Lahore mà đang trên đường ra khỏi nước. Có thể nào những người bà con sẽ tìm cách đưa Mahmud ra khỏi sự ảnh hưởng "sai lạc" của tôi không? Liệu tôi có bị ngăn cản bởi một vài lý do nào đó không thành thật? Tôi cảm thấy sự nguy hiểm trùm lấp.

Không, tôi không thể chờ đợi. Tôi sẽ từ giả ngay hôm ấy. Tôi sẽ đến Karachi ở với một vài người bạn, tránh lộ diện.

Bởi thế vào chiều hôm đó, sau khi vội vàng khăn gói, Mahmud và tôi tạm biệt Khalid và gia đình nó rồi mau lẹ ra phi trường. Chúng tôi bay khỏi Lahore mà lòng thấy nhẹ nhõm.

Đúng như tôi còn nhớ, Karachi là một sa mạc dài và các thành phố nằm dọc theo biển Ấn Độ Dương. Đó là một pha trộn giữa cũ và mới, giữa các con lạc đà và những chiếc Roll Royce, giữa các tiệm tạp hóa đầy ruồi nhặng với các nhà hàng sang trọng hiện đại. Tuyệt diệu. Thành phố quá lớn nên chúng tôi sẽ bị cuốn hút trong đó.

Chúng tôi ở với một người bạn và tôi đi mua sắm, chuẩn bị sang Hoa Kỳ vào ngày hôm sau. Bỗng dưng, một sự đàn áp kỳ lạ đến với tôi. Tôi nhắm mắt lại và dựa người vào tường cầu xin Chúa bảo vệ. Tôi cảm thấy Mahmud và tôi sẽ phải đi đến một khách sạn vào tối hôm đó. Tôi cố xua đuổi ý nghĩ ấy. "Thật điên khùng!" Tôi tự nhủ. Sau đó tôi nhớ đến câu chuyện của ba Đạo Sĩ trong một giấc mơ được khuyến cáo là phải đi về bằng đường khác.

Không lâu, chúng tôi thuê khách sạn của hãng Air France ở ngay trong khu phi trường. Tôi vội vã đưa Mahmud vào phòng, gọi thức ăn đưa lên phòng và chúng tôi chờ đợi. Mahmud dường như không yên. Nó hỏi, "Tại sao chúng ta phải bí mật như vậy?"

"Bà nghĩ là chúng ta chỉ phải giữ im lặng một chút, thế thôi."

Đêm hôm trước khi bay, tôi trần trọc trên giường suy nghĩ. Tại sao tôi quá sợ hãi? Không có lý do nào đích thực. Có phải tôi đã mất tinh thần? Có phải tôi đã phản ứng quá đáng với những đe dọa trong quá khứ? Vụ cháy nhà? Tôi chấp chờn ngủ được vài giờ đồng hồ. Lúc hai giờ sáng tôi thức dậy và mặc quần áo, lại cảm thấy có sự cấp bách giục giã. Tôi lại cảm thấy nực cười. Không phải là tôi. Tôi chỉ có thể giải thích là đã đến lúc tôi phải ra khỏi khách sạn và tôi được Chúa đẩy đi. Tôi hối hả mặc quần áo cho Mahmud còn đứng chưa vững, sau đó lấy các hành lý để ra cửa cho nhân viên khách sạn đem ra xe.

Lúc ấy là ba giờ sáng. Máy bay sẽ cất cánh lúc năm giờ. Mahmud, vẫn còn thèm ngủ, cùng đứng với tôi trước khách sạn chờ xe tắc xi đưa chúng tôi đến phi trường. Tôi nhìn lên mặt trăng không đầy đặn và tự hỏi, có phải đây là lần cuối cùng tôi ngắm trăng khi còn ở quê hương? Một cơn gió sớm phớt qua thoang thoang mùi hoa thủy tiên, có lẽ từ một chậu hoa gần đó, và tìm tôi như nghẹn ngào, vì cảm thấy rằng sẽ không bao giờ tôi được nhìn lại khu vườn của tôi nữa.

Sau cùng một chiếc tắc xi trở tới. Mahmud và tôi leo lên xe. Tôi cầu nguyện khi xe len qua dòng xe cộ. Ngay cả vào lúc sáng sớm, các con đường ở phi trường cũng đã bận rộn. Khi ngừng ở các ngã tư, tôi bồn chồn thu mình sâu hơn vào ghế. "Chúng mình chỉ giữ im lặng trong chốc lát thôi," tôi nói với chính mình, để cố trấn tĩnh tôi và Mahmud. Không, không đúng như vậy. Điều tôi thực sự cần là cầu nguyện. "Lạy Chúa, xin lấy đi sự lo lắng này. Trong Chúa không có sự lo lắng. Con không thể vừa tín thác vào Chúa vừa lo lắng! Tuy nhiên nếu đây là điều Chúa thúc giục thì sẽ có lý do và con xin vâng theo."

Chúng tôi ghé vào cảng phi trường và đi vào hành lang râm ran tiếng phản lực pha trộn với các âm thanh chói tai của hàng trăm tiếng nói trong một bầu khí khẩn trương. Tim tôi như ngừng đập khi nhìn lên và thấy lá cờ của quê hương tôi, hình ngôi sao và lưỡi liềm trên nền xanh lá cây, đang phất phới trong gió. Tôi sẽ luôn luôn tôn trọng lá cờ đó, người dân và đức tin Hồi Giáo của họ. Một nhân viên đẩy vội hành lý của chúng tôi vào quầy vé là nơi tôi thở phào nhẹ nhõm khi thấy mớ hành lý biến dạng một cách an toàn.

Mỗi người chỉ được mang 40 cân. Tôi mỉm cười khi nghĩ đến các chuyến bay nội địa mà trước đây mỗi khi gia đình tôi đi đâu, dù chỉ một vài tuần lễ nhưng cả hàng ngàn cân đồ đạc và các chị em của tôi phải kêu than vì mớ quần áo họ không được mang theo.

Chúng tôi phải đợi một giờ đồng hồ trước khi máy bay cất cánh. Kéo Mahmud sát bên cạnh, tôi cảm thấy tốt nhất chúng tôi nên trà trộn trong đám đông ở phi trường để khỏi bị nhận diện. Nhưng tôi không thể gạt bỏ cảm giác nguy hiểm cận kề. Một lần nữa tôi lại trách mình về sự lo lắng không cần thiết. Tôi tự nhủ, Chúa là người bảo bọc. Người đã dẫn dắt tôi đến hoàn cảnh này, và tất cả mọi sự tôi cần là vâng theo.

Rồi Mahmud muốn đi vệ sinh. Chúng tôi bước dọc theo hành lang đến phòng vệ sinh dành cho các ông. Tôi đứng đợi ở ngoài hành lang.

Bỗng dung tiếng loa phóng thanh gọi tên chuyến bay của chúng tôi.

"Hành khách chuyến bay sang Nữ Ước của hãng Pan Am sẵn sàng lên tàu."

Tim tôi đập mạnh. Mahmud đâu rồi! Chúng ta phải đi!

Sau cùng, cửa phòng vệ sinh mở ra. Nhưng không, đó là một người Sikh vẫn khăn đi ra.

Tôi thấy mình lần mò đến cửa phòng. Tôi làm gì vậy! Chắc chắn là không một phụ nữ nào trong quốc gia Hồi Giáo này dám lần mò vào phòng vệ sinh đàn ông dù để tìm đứa cháu chín tuổi.

Bây giờ, họ lại gọi chuyến bay của chúng tôi. "Chuyến bay sang Nữ Ước của hãng Pan Am đã sẵn sàng cất cánh. Tất cả các hành khách phải lên tàu."

Ôi thôi! Tim tôi nức nở. Tôi phải làm điều gì đó. Tôi đẩy cánh cửa phòng vệ sinh và kêu lớn, "Mahmud!"

Một tiếng yếu ớt vang lên, "Con ra bây giờ, bà ơi..."

Tôi thở phào nhẹ nhõm và ngả người vào tường. Không lâu Mahmud bước ra. "Con ở đâu vậy? Sau lâu vậy!" Tôi la lớn.

Không cần nghe câu trả lời, tôi nắm tay nó và chạy như bay dọc theo hành lang đến cửa lên tàu.

"Ôi chà, bà ơi," Mahmud trầm trồ, "Máy bay lớn quá!"

Máy bay lớn thật. Chiếc 747 thật lớn. Cả hai chúng tôi đều kích động. Tôi chưa bao giờ thấy chiếc máy bay nào lớn như vậy.

Khi sắp sửa bước lên tàu, tôi hơi do dự, đây là lần cuối cùng tôi còn ở trên đất Pakistan.

Nhưng tôi phải đi vào. Bên trong máy bay, tôi thấy như một thánh đường, có tiếp viên hướng dẫn đến ghế ngồi. Bà Peggy đâu? Tôi phải làm gì khi đến Hoa Kỳ mà không có bà?

Và kìa bà đang tiến đến phía chúng tôi. Bà giang tay ôm lấy tôi.

"Thật quý hóa," bà kêu lên. "Tôi lo quá khi không thấy bà trong đám đông đợi lên tàu!" Tôi giải thích việc xảy ra và bà có vẻ an tâm. Bà giới thiệu chúng tôi với người con trai của bà. "Tiếc quá chúng ta không được ngồi chung với nhau," bà nói. "Họ chỉ đâu thì mình ngồi đó."

Thành thật mà nói, mọi sự đều tốt đẹp. Lúc ấy tôi không muốn trò chuyện nhiều. Họ hiểu là tôi đang lìa xa quê hương. Chắc chắn là tôi cảm thấy buồn, nhưng đồng thời cũng cảm thấy hoàn tất. Tôi không thể hiểu điều đó.

Không lâu, Mahmud hồn nhiên trở lại. Nó làm quen với các người tiếp viên để đưa nó đến xem phòng lái. Nó trở về say mê. Tôi thấy vui. Các tiếp viên yêu cầu chúng tôi thắt giầy an toàn. Tôi nhìn qua cửa sổ để thấy các tia nắng đầu tiên le lói ở phía đông. Các động cơ nổ ầm ầm và tôi cảm thấy kích động. Máy bay chúng tôi bắt đầu ra phi đạo. Tôi nhìn ra phía sau nhưng không thấy bà Peggy.

Mahmud ngồi cạnh tôi. Khuôn mặt nó đầy kích động khi các máy phản lực nổ mạnh để cất cánh. Tôi cảm lấy tay Mahmud và cầu nguyện.

"Chúa ơi, bây giờ là cái gì? Con lại cảm thấy hoàn tất! Chúa đã đưa con ra khỏi quê hương, như ông Abram xưa. Không biết điều gì sẽ đến, nhưng hoàn tất. Con thấy an lòng vì con ở với Ngài."

Bây giờ, sự sợ hãi và lo lắng không còn quấy rầy tôi. Tất cả những gì tôi biết là tôi đã vâng lời Chúa trong mọi sự. Và tôi phải thú nhận rằng nếu tôi không vâng theo mọi mệnh lệnh và đi theo sự chỉ dẫn của Người thì không biết những gì sẽ xảy ra.

Các tia sáng yếu ớt len qua các cửa sổ và bỗng dung tiếng ầm ì của bánh xe bên dưới giảm dần. Chúng tôi đang ở trên không! Trong tia nắng bình minh, tôi có thể thấy bờ biển Pakistan trên Ấn Độ Dương xa dần sau lưng.

Tôi đã giang cánh tay lên với Chúa. Người là sự an toàn duy nhất của tôi. Niềm vui duy nhất của tôi là được ở trong sự Hiện Diện của Người. Một khi ở trong đó, tôi biết là mình đang sống trong sự vinh hiển của Người.

"Lạy Chúa, tạ ơn Chúa," tôi thì thầm. "Cám ơn Chúa đã cho con du lịch với Ngài."

Lời Kết

1978- Sáu năm đã trôi qua kể từ khi nhìn thấy quê hương tôi xa dần trong làn sương sớm. Nhận thức rằng tôi sẽ không nhìn lại Pakistan quả là điều tiên tri.

Tôi chưa bao giờ trở về. Chuyến thăm ngắn ngủi đã được kéo dài vì nhiều lý do. Trước hết, các bạn tôi khuyên rằng, tốt nhất cho tôi và Mahmud--một thiếu niên mười lăm tuổi và có tên là David--là đừng trở về. Tôi cũng nhận được các điều tương tự từ các người bạn có thẩm quyền ở quê nhà. Trong năm 1976 có một cuộc họp của Nghị Hội Thế Giới Hồi Giáo mà một giải pháp đã được thông qua là họ kêu gọi các tổ chức, các đài phát thanh truyền giáo và nhân viên Kitô Giáo phải rút ra khỏi quê hương. Hiển nhiên là bây giờ tôi sẽ không được đón nhận khi trở về.

Quan trọng hơn cả, Chúa đã rõ ràng muốn tôi ở lại đây; dường như ở Hoa Kỳ cần được nghe câu chuyện đời tôi. Đầu tiên tôi được cho thấy điều này trong một thị kiến khi mới đến Hoa Kỳ. Chúa đứng trong phòng tôi. Người yêu cầu tôi nói về gánh nặng của Người vì các giáo hội, và sẽ có sự tách biệt giữa chiên và dê và cuộc phán xét sẽ bắt đầu từ Nhà Chúa. Tôi khép nép trước công việc; nó không phải là chỗ để tôi nói với người khác về những thiếu sót của họ. Tôi là khách của quốc gia này và là một Kitô Hữu mới. Vì vậy, tôi hỏi: "Lạy Chúa, tại sao lại là con?".